PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trung Quốc và khu vực Trung Đông[1] cùng chia sẻ mối quan hệ lịch sử lâu đời. Những mối liên hệ đầu tiên giữa Trung Quốc và Trung Đông xuất hiện ngay từ thế kỷ 2 trước Công nguyên với sự ra đời của Con đường tơ lụa huyền thoại. Thông qua con đường này, các hoạt động giao thương, sự kết nối, tương tác văn hóa giữa hai vùng đất rộng lớn đã dần tăng lên, đặc biệt trong thời kỳ Hồi giáo ra đời và phát triển hưng thịnh ở Trung Đông. Các mối liên hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông yếu dần trong giai đoạn từ thế kỷ 16 đến giữa thế kỷ 20 khi mà cả nền văn minh Hồi giáo và Trung Hoa đều đi xuống. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai quan hệ giữa hai bên phần nào được khôi phục. Tuy nhiên, quan hệ ngoại giao giữa một Trung Quốc hiện đại với khu vực Trung Đông chỉ thực sự được bắt đầu và phát triển từ năm 1949 khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Sau hơn sáu thập kỷ, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông hiện đã đạt đến mức độ tương đối toàn diện, sâu sắc.

Ngày nay, quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất trên thế giới. Bởi đó là sự kết hợp của một cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ và một khu vực quan trọng hàng đầu trên bản đồ chính trị toàn cầu. Những biến chuyển trong mối quan hệ này không chỉ ảnh hưởng tới Trung Quốc và các nước Trung Đông, những chủ thể của quan hệ mà còn tác động tới cục diện quan hệ quốc tế trên quy mô toàn cầu.

[1] Trung Đông là một thuật ngữ địa chính trị mà hiện chưa đạt được sự đồng thuận hoàn toàn trong cách sử dụng. Trong bài viết này, tác giả sử dụng Trung Đông theo nghĩa mà thường được cộng đồng nghiên cứu sử dụng và chấp nhận là để chỉ khu vực bao gồm Tây Á và Bắc Phi.

Để góp phần đưa ra được những phân tích, đánh giá có hệ thống về các giai đoạn lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc với Trung Đông hơn 60 năm qua, và có những nhìn nhận đúng đắn về triển vọng cũng như những thách thức đối với quan hệ hai bên trong tương lai sắp tới, tác giả đã quyết định chọn "Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông từ năm 1949 - nay" làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài này nhằm cung cấp cho người đọc cái nhìn tổng thể về quan hệ Trung Quốc – Trung Đông trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ từ năm 1949 đến nay. Đồng thời, qua sự phân tích đánh giá các nhân tố ảnh hưởng, điều kiện thuận lợi, thách thức, tác giả cũng hướng tới việc chỉ ra những xu hướng chính trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông trong tương lai.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quan hệ Trung Quốc - Trung Đông.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm có phạm vi thời gian và phạm vi không gian. Trong đó, phạm vi thời gian là thời kỳ 1949-2014, phạm vi không gian là Trung Quốc và khu vực Trung Đông (Trung Đông hiểu theo nghĩa rộng gồm cả Tây Á và Bắc Phi).

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu quốc tế: tiếp cận các vấn đề theo các cấp độ khác nhau và các lĩnh vực khác nhau.

- Phương pháp lịch sử: xem xét và trình bày quan hệ của Trung Quốc với Trung Đông qua các giai đoạn.

- Phương pháp phân tích: phân tích về nguyên nhân, nội dung của các quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Trung Đông; phân tích động lực, điều kiện thuận lợi và thách thức cho quan hệ Trung Quốc-Trung Đông trong tương lai.

5. Cấu trúc khóa luận

Công trình này được xây dựng trên quan điểm lịch sử, trong đó quan hệ Trung Quốc - Trung Đông được xem xét theo dòng chảy của thời gian. Theo đó, công trình gồm có 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan về lịch sử quan hệ Trung Quốc –Trung Đông trước năm 1949

Nội dung của chương này cung cấp đến cho người đọc một cái nhìn tổng quan về quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông từ khi những sợi dây liên kết đầu tiên được hình thành với Con đường tơ lụa đến trước khi nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949). Qua đó, chúng ta có thể thấy rõ hơn những mối mối liên hệ hay sự tác động của những yếu tố lịch sử tới quan hệ song phương thời hiện đại.

Chương 2. Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông từ năm 1949 đến năm 2014

Từ năm 1949 đến nay, quan hệ Trung Quốc – Trung Đông trải qua nhiều biến đổi thăng trầm, sâu sắc. Bởi vậy, trong chương 2, tác giả xem xét quan hệ Trung Quốc và Trung Đông dựa trên căn cứ thời gian và tính chất quan hệ với ba giai đoạn chính là 1949-1978, 1978-2001, 2001-2014. Nội dung của chương này bên cạnh việc thuật lại một phần những diễn biến chính trong quan hệ hai bên thì cũng trình bày bối cảnh và phân tích các nguyên nhân chi phối sự vận động của mối quan hệ này qua thời gian.

Chương 3. Tương lai của quan hệ Trung Quốc – Trung Đông

Qua việc phân tích bối cảnh quốc tế, khu vực, quốc gia cũng như các chỉ dấu trong chính sách đối ngoại của mỗi chủ thể trong quá khứ và hiện tại, chương này hướng đến một cách nhìn mang tính dự báo về quan hệ Trung Quốc-Trung Đông với những triển vọng và thách thức trong tương lai.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ LỊCH SỬ QUAN HỆ TRUNG QUỐC – TRUNG ĐÔNG TRƯỚC NĂM 1949

1.1 Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông thời kỳ hình thành và phát triển sơ khai (trước năm 651)

Trung Quốc và Trung Đông là cái nôi khởi sinh và phát triển của ba trong số tám[2] nền văn minh cổ đại rực rỡ trong lịch sử nhân loại. Đó là văn minh Trung Hoa ở Trung Quốc và văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà (văn minh Tây Á) ở Trung Đông.

Theo thời gian, các quan hệ xã hội không chỉ còn bó hẹp trong một cộng đồng dân cư mà có sự mở rộng ra bên ngoài. Điều đó không chỉ phản ánh quy luật mang tính khách quan của lịch sử, mà còn xuất phát từ nhu cầu chủ quan của con người khi đứng trước các lợi ích của sự tồn tại và phát triển. Việc thiết lập, mở rộng quan hệ với bên ngoài được thực hiện ở tất cả các cấp độ của xã hội loài người từ cấp độ cá nhân, nhóm người, đến cấp độ quốc gia và lớn hơn là sự tương tác giữa các nền văn minh. Tùy theo mỗi thời điểm với các bối cảnh lịch sử khác nhau mà mức độ liên hệ với bên ngoài của các chủ thể cũng không giống nhau, nhưng nó luôn là một quá trình xảy ra liên tục và còn tiếp diễn trong tương lai.

Các quan hệ giữa Trung Quốc với Trung Đông được hình thành trong bối cảnh chung của sự kết nối Đông-Tây trong lịch sử nhân loại. Khởi đầu với những cuộc chinh phục và bành trướng của các đế chế mà khoảng cách địa lý giữa các nền văn minh trở nên thu hẹp dần. Từ thế kỷ thứ 4 TCN, với

[2] Đa số các giới nghiên cứu đều thống nhất rằng xã hội loài người cổ đại tồn tại 8 nền văn minh: Văn minh Ai Cập, Văn Minh Ấn Độ, Văn minh Trung Hoa, Văn minh Lưỡng Hà, Văn minh Maya, Văn minh La Mã, Văn minh Hy Lạp, Văn minh Adres

các cuộc chinh phục của Alexander Đại Đế và sau đó là của người La Mã, ảnh hưởng của châu Âu đã bao trùm toàn bộ Trung Đông và lan sang cả khu vực Trung Á. Năm 329 TCN, Alexander Đại Đế đã thành lập ở thung lũng Fergana (Tajikistan) một thành phố với tên gọi Alexandria Eschate (Alexandria Xa xôi nhất). Sau đó, với sự ra đời của Vương quốc Greco-Bactrian tại Bactria, công cuộc đông tiến được tiếp tục và đã vươn tới Sogdiana (vùng lãnh thổ quanh Samarkand, Bukhara, Khujand và Kesh hiện nay của Uzbekistan) dưới thời trị vì của vua Euthydemus (230-200 TCN) nối liền một dải từ Địa Trung Hải đến Trung Á, tiếp cận gần khu vực phía Tây của Trung Quốc ngày nay.

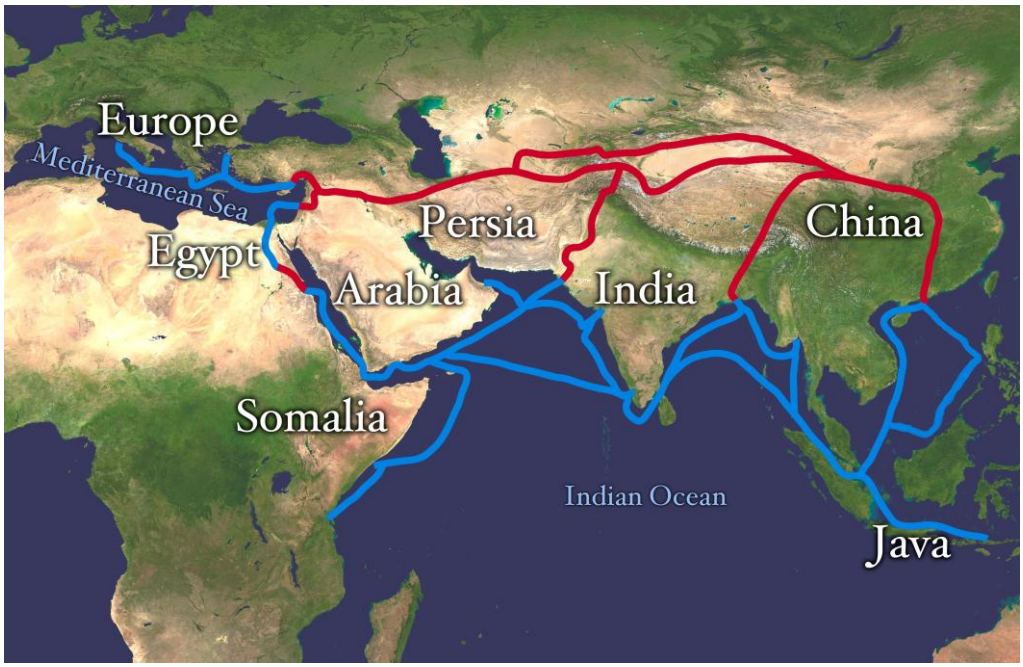
Trong khi đó, đến thế kỷ 3 TCN, Trung Quốc cũng dần trở thành một quốc gia thống nhất sau nhiều thế kỷ phân cắt dưới thời Xuân Thu – Chiến Quốc. Năm 221 TCN, sau nhiều cuộc chinh phạt và sáp nhập của nhà Tần, Trung Quốc đã cơ bản được thống nhất và trở thành một đế chế rộng lớn ở phương Đông. Đến năm 202 TCN, quyền lực được chuyển từ nhà Tần sang nhà Hán và Trung Quốc bắt đầu một trong những triều đại huy hoàng nhất trong lịch sử nước này. Tuy nhiên, cũng giống như nhà Tần trước đó và hầu hết các triều đại sau này, nhà Hán phải đối mặt với các cuộc tấn công, xâm lấn của các bộ tộc từ phương Bắc, những cư dân với lối sống du mục trên lưng ngựa và được người Hán coi là những kẻ xảo trá và hung dữ (rợ). Trong đó, Hung Nô là thế lực ngoại tộc được coi là mối đe dọa lớn nhất với nhà Hán. Trải qua khoảng sáu thập kỷ, từ Hán Cao Tổ (trị vì nhà Hán từ năm 202 TCN đến năm 195 TCN) tới Hán Vũ Đế (trị vì nhà Hán từ năm 141 TCN đến năm 87 TCN), nhà Hán luôn phải gửi các "quà tặng" tới cho người Hung Nô. Thậm chí, các vua Hán còn phải gả các công chúa cho các thiền vu[3] Hung Nô mặc dù giữa hai bên duy trì vị thế bình đẳng quốc gia. Dẫu

[3] Ngôi vị tối cao của người Hung Nô, tương đương với "Thiên tử" của người Hán.

vậy, tình hình đối địch giữa nhà Hán và người Hung Nô trở nên căng thẳng và đứng trước nguy cơ chiến tranh toàn diện từ những năm 140 TCN. Nhằm đối phó lại thách thức trên, năm 139 TCN, Hán Vũ Đế đã cử sứ giả của mình là Trương Khiên với 100 tùy tùng tới Tây Vực tìm kiếm đồng minh để cùng chống lại Hung Nô. Sau chuyến hành trình 13 năm với nhiều gian nan, vất vả, năm 126 TCN, Trương Khiên trở về Trung Quốc mà không thu được sự ủng hộ nào về mặt chính trị và quân sự cho nhà Hán. Nhưng những báo cáo, ghi chép của Trương Khiên về văn hóa, tập tục, hàng hóa và hoạt động thương mại của những nơi ông đặt chân tới đã thu hút sự chú ý của Hán Vũ Đế và kích thích mạnh giới thương gia Trung Quốc. Sau chuyến đi của Trương Khiên, sự kết nối giữa Trung Quốc với các khu vực còn lại của thế giới được thúc đẩy. Khi khu vực phía Tây Trung Quốc được bình định, hoạt động thương mại qua lại giữa Trung Quốc với bên ngoài dần phát triển và dẫn tới sự hình thành của "Con đường tơ lụa"[4], trải dài 4000 dặm (6437 km) từ Trung Quốc tới Địa Trung Hải.[5] Đây là một con đường huyền thoại tồn tại hàng thiên niên kỷ, nối liền các nền văn minh Đông – Tây nói chung và mở ra kỷ nguyên quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông nói riêng.

[4] Năm 1877, nhà địa lý học người Đức Ferdinand von Richthofen (1833-1905) trong cuốn sách của mình có nhan đề "Trung Quốc", lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm *Con đường tơ lụa* (tiếng Đức *Seidenstranssen*, tiếng Anh là *Silk Road*) để chỉ tuyến đường thông thương trên bộ thời cổ đại giữa Trung Quốc và phương Tây, vì tuyến đường này chủ yếu là buôn bán hàng tơ lụa nên được mệnh danh là *Con đường tơ lụa*.

[5] Elisseeff, Vadime (2001*), The Silk Roads: Highways of Culture and Commerce*, UNESCO Publishing/Berghahn Books, p.4



Bản đồ 1: Con đường tơ lụa

(Đường màu đỏ thể hiện Con đường tơ lụa trên bộ; Đường màu xanh thể hiện con đường tơ lụa trên biển – Nguồn: NASA/Goddard Space Flight Center)

Con đường tơ lụa đã khiến cho hoạt động giao thương giữa Trung Quốc và Trung Đông được phát triển mạnh mẽ. Sản phẩm chủ đạo được trao đổi giữa Trung Quốc và Trung Đông là tơ lụa, một loại hàng hóa mà người Trung Quốc giữ độc quyền phương thức sản xuất trong nhiều thế kỷ và có nhu cầu rất lớn từ giới thương nhân giàu có, tầng lớp quý tộc ở Trung Đông cũng như ở Trung Á và châu Âu. Ngoài ra, các mặt hàng khác như gốm sứ, đồ gia vị, ngà voi cũng được lưu chuyển từ Trung Quốc qua Con đường tơ lụa để tới Trung Đông. Theo chiều ngược lại, các loại hàng của Trung Đông cũng được đưa tới Trung Quốc, trong đó tiêu biểu là thảm dệt của Ba Tư hay ngựa và lạc đà từ Arabia.

Các triều đại của Trung Quốc không chỉ nhìn nhận Con đường tơ lụa với ý nghĩa đơn thuần về mặt thương mại. Tuyến đường này mang ý nghĩa của một hành lang quân sự, an ninh giúp Trung Quốc tìm kiếm quan hệ với các đồng minh trong việc chống lại kẻ thù, tăng tốc độ di chuyển và sức

mạnh quân sự trong công cuộc chinh phục các khu vực miền Tây. Để chiến thắng trước các bộ tộc có truyền thống thuần hóa ngựa từ rất sớm, Trung Quốc cần đến những con ngựa nhanh nhẹn và mạnh mẽ đến từ Arabia, vốn nổi tiếng về tốc độ và sức chịu đựng hơn hẳn các giống ngựa khác.

Các hoạt động qua Con đường tơ lụa bị đình lại một thời gian khi nhà Hán suy vong nhưng đã nhanh chóng được khôi phục trở lại và đạt đỉnh cao trong thời kỳ Hồi giáo hưng thịnh ở Trung Đông (tương đương thời nhà Đường, nhà Tống và nhà Nguyên ở Trung Quốc), khi mà lãnh thổ và ảnh hưởng Hồi giáo trải rộng từ phía Tây Trung Quốc tới phía Nam và Tây Âu.

1.2 Quan hệ Trung Quốc - Trung Đông từ 651 đến 1368

Về cơ bản cho đến trước thế kỷ thứ 7, Trung Đông vẫn tồn tại như một khu vực mở rộng của văn hóa phương Tây, với đa số cư dân theo Thiên Chúa giáo sau các cuộc chinh phục và sự cai trị nhiều thế kỷ của người La Mã trên vùng đất này. Trung Đông chỉ xuất hiện với tư cách là một vùng văn hóa, chính trị riêng biệt kể từ khi có sự nổi lên của Hồi giáo tại bán đảo Arab, do Nhà tiên tri Muhammad truyền bá. Sự xuất hiện của đạo Hồi ở Trung Đông là một biến cố lịch sử quan trọng đã làm thay đổi bộ mặt khu vực và có ảnh hưởng sâu sắc tới các quan hệ và tính chất quan hệ của các chủ thể khu vực với bên ngoài trong thời gian dài.

Mối quan hệ Trung Quốc – Trung Đông cũng vận động theo sự thay đổi đó. Trong thế kỷ thứ 7, một đế chế Hồi giáo hùng mạnh được hình thành và tiến hành hàng loạt các cuộc chiến tranh từ Ba Tư tới khu vực Trung Á. Các hoạt động của những thương nhân Hồi giáo với Trung Quốc thông qua Con đường tơ lụa cũng phát triển theo. Kết quả là sự giao thương với các thương nhân theo đạo Hồi cùng với những chiến thắng của quân đội Hồi giáo trong các cuộc chinh phục Ba Tư, Trung Á đã khiến cho một số vùng biên giới của Trung Quốc chịu ảnh hưởng của Hồi giáo. Có lúc, Hồi giáo

xuất hiện ngay ở trung tâm của Trung Quốc. Một số lượng đáng kể người Hồi giáo cũng được ghi nhận là đã cư trú ở Trung Thổ vào năm 630, thời điểm mà Nhà tiên tri Muhammad còn sống (570-632).[6] Nếu so về thời gian, Hồi giáo xuất hiện ở Trung Quốc còn sớm hơn một số vùng đất khác ở Tây Á và Bắc Phi.

Một điểm đáng lưu ý là trong cuộc chiến giữa quân đội Hồi giáo và quân đội Ba Tư, vai trò của Trung Quốc được thể hiện khá rõ nét. Vào thập niên thứ ba của thế kỷ 7, "vua Ba Tư là Yazdegerd đã gửi một phái đoàn tới nhà Đường của Trung Quốc nhằm tìm kiếm sự viện trợ quân sự của Trung Quốc cho cuộc chiến chống Hồi giáo của họ. Phía Trung Quốc đã trả lời rằng Ba Tư ở quá xa và nước này không thể cung cấp các viện trợ quân sự cho Ba Tư được."[7] Nhưng nhà Đường cũng bày tỏ sự quan tâm đến cuộc chiến và thế lực đang lên của Hồi giáo.

Năm 651, hoàng đế Trung Hoa lúc bấy giờ, Đường Cao Tông đã cho gửi một phái đoàn ngoại giao tới Medina để gặp gỡ Caliph (vua Hồi giáo) Othman bin Affan với mục tiêu là "trình bày tính chính nghĩa của những người Ba Tư".[8] Sau đó, theo một số nguồn tư liệu cho biết, Caliph Othman cũng đã gửi một phái đoàn hồi đáp trong cùng năm 651 do Sa'ad Ibn Abĩ Waqqãs, một vị tướng được tôn kính và một nhà ngoại giao tài ba, dẫn đầu tới kinh đô Trường An của Trung Quốc nhằm xây dựng mối bang giao hữu hảo giữa hai nước và "được Trung Quốc đón tiếp rất trọng thị."[9] Mối quan

[6] Reichelt, Karl Ludvig (1951) *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge, p. 155

[7] Reichelt, Karl Ludvig (1951) *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge, p. 155

[8] Reichelt, Karl Ludvig (1951) *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge, p. 155

[9] Reichelt, Karl Ludvig (1951) *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge, p. 155.

hệ bang giao về mặt nhà nước giữa Trung Quốc và Trung Đông lần đầu tiên được xác lập qua sự kiện này.

Đường Cao Tông bày tỏ sự ngưỡng mộ về tôn giáo cũng như đế chế Hồi giáo. Để bày tỏ lòng hữu hảo của mình, vị hoàng đế Trung Hoa đã ra lệnh xây dựng nhà thờ Hồi giáo đầu tiên ở Quảng Châu, đánh dấu sự hiện diện chính thức của Hồi giáo tại Trung Hoa. Dù không được ghi chép trong quốc sử nhà Đường hay trong các ghi chép của các nhà sử học Hồi giáo nhưng cộng động Hồi giáo Trung Hoa cho rằng tướng Sa'ad đã lưu trú và qua đời tại Trung Quốc.[10]

Với sự cởi mở về văn hóa và chính sách kinh tế dưới triều Đường, các hoạt động văn hóa, buôn bán của người ngoại quốc được chào đón và diễn ra thuận lợi ở Trung Quốc. Kinh đô Trường An, Lạc Dương và các thành phố chính khác của Trung Quốc trở thành những trung tâm văn hóa, kinh tế đa dạng với sự xuất hiện của nhiều sản phẩm nổi tiếng của Trung Á, Ba Tư, Arabia. Những cộng đồng thương nhân Hồi giáo được hình thành ở ngay những trung tâm này và từ đó mở rộng ra văn hóa, tôn giáo của mình tới các khu vực khác của Trung Quốc rồi lan sang các nước Đông Á.

Nhìn chung, quan hệ giữa Trung Quốc và đế chế Hồi giáo duy trì trong tình trạng tốt đẹp, căng thẳng quân sự ít khi xảy ra, trừ một ngoại lệ vào năm 751 với trận chiến trên bờ sông Talas (Kazakhstan hiện tại) giữa nhà Đường và nhà Abbasid khi mà cả hai cùng muốn chiếm giữ Syr Darya và cạnh tranh ảnh hưởng tại Trung Á. Chiến thắng trong trận chiến Talas nghiêng về quân đội Hồi giáo và làm chấm dứt sự bành trướng về phía Tây Bắc của nhà Đường. Nhưng, cuộc chiến này không để lại một tâm lý thù địch giữa hai bên, sau trận Talas quan hệ song phương được hồi phục nhanh

[10] Islam in China (650-present), BBC,
<http://www.bbc.co.uk/religion/religions/islam/history/china_1.shtml>. Truy cập ngày: 14/4/2014

chóng. Khi nhà Đường cần sự giúp đỡ của Hồi giáo để ngăn chặn các cuộc nổi dậy, nhà Abbasid đã không ngần ngại can thiệp. Trong loạn An Sử (từ 755-763), khoảng 4000 người Arab đã được gửi đến Trung Quốc để giúp Đường Túc Tông đánh bại lực lượng nổi dậy, khôi phục nhà Đường. Những người này sau đó được phép định cư bên trong biên giới Đại Đường.[11] Cộng đồng người Arab được các hoàng đế Trung Hoa đánh giá cao vì sự cần cù, có kỷ luật và sự am tường về khoa học tự nhiên, toán học, thiên văn học và địa lý. Thậm chí, nhiều người trong số họ còn được tuyển vào làm việc trong triều đình và giữ các vị trí quản lý then chốt.

Về phía nhà Abbasid, trong suốt thời gian cai trị Trung Đông (từ 750-1257), họ đã thường xuyên gửi các phái đoàn ngoại giao của mình tới Trung Hoa. Hơn nữa, với mong muốn thúc đẩy một nền văn minh lâu dài, bền vững, nhà Abbasid đã tiến hành nhiều cải cách với trọng tâm là thương mại và khoa học. Họ thúc đẩy quan hệ thương mại với phần còn lại của thế giới, cho dịch các kiệt tác văn học của nhân loại sang tiếng Arab, quan tâm lớn tới kỹ nghệ, âm nhạc và thực hiện giảm các căng thẳng với các dân tộc bị chinh phục bằng cách phân quyền cho các chính quyền của họ.

Các đóng góp của người Trung Quốc vào sự phát triển của nhân loại như trong phương pháp làm giấy, chiêm tinh học, thủy lợi và các lĩnh vực khác được chào đón và coi trọng bởi đế chế Hồi giáo. Phương pháp làm giấy đã được giới thiệu ở các thành phố trung tâm của Trung Á, rồi lan sang tới Baghdad và từ đó tới Tây Ban Nha, châu Âu và cuối cùng được phổ biến trên toàn thế giới. Hay kỹ thuật in, một phát minh của người Trung Quốc vào thế kỷ thứ 7, cũng đã được truyền bá đến châu Âu thông qua người Arab trong khoảng thời gian hai thế kỷ sau đó. Ngoài ra, nhà Abbasid đã tiến hành

[11] Reichelt, Karl Ludvig (1951), *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge, p. 157.

một dự án tham vọng với việc văn bản hóa các nền văn minh thế giới. Trước khi suy vong, triều đại này đã thành lập nên Viện Tri Thức (House of Wisdom) tại Baghdad. Các tác phẩm chính của Trung Quốc, Hy Lạp, Ấn Độ và từ các nước khác được tập hợp và dịch sang tiếng Arabic tại đây.

Con đường tơ lụa tiếp tục vai trò cơ bản của nó trong thương mại thế giới cho tới thế kỷ thứ 8 trước khi các tuyến đường biển dần dần trở nên quan trọng và đóng vai trò thay thế. Các lợi ích của các tuyến đường biển là tốc độ, thuế quan thấp, an toàn và không phải đối mặt với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt khu vực Trung Á. Sự thống trị của người Arab trên các tuyến đường biển (kéo dài đến thế kỷ 13 khi châu Âu bắt đầu sự trỗi dậy) cũng đã góp phần vào sự phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. Từ thời nhà Đường, thông qua tuyến đường hàng hải "Con đường tơ lụa trên biển"[12], nhiều thương nhân từ Trung Đông đã đến làm ăn, buôn bán và định cư thành những cộng đồng Hồi giáo ở các thương cảng Quảng Châu, Tuyền Châu và Hàng Châu ở vùng Đông Nam của Trung Quốc.[13] Thương nhân Arab đem tới Trung Quốc hàng trăm loại hàng hóa khác nhau trong đó có hổ phách, hạt tiêu, hương liệu, nước hoa và đồ trang sức (ngà voi, sừng tê, mai rùa, ngọc trai, mã não), các loại thảo dược, đồ thủy tinh… trong khi họ mua về lụa, chè, xạ hương và các hàng hóa nổi tiếng khác của Trung Quốc. Ngược lại, các tàu buôn của Trung Quốc cũng đi đến Oman, Bahrain, Baghdad, Basra (nam Iraq ngày nay) để buôn bán với các thương gia địa phương. Nhiều nhà thờ cũng đã được xây dựng ở các khu vực này cũng như trước đó tại các nơi định cư nội địa của người Hồi giáo tại Trường An và Dương Châu.

[12] Con đường tơ lụa trên biển được bắt đầu từ khu vực phía nam Trung Quốc chạy qua eo biển Malacca, Sri Lanka, cực nam Ấn Độ tới biển Arab và sang địa Trung Hải.

[13] Lipman, Jonathan Newman (1997), *Familiar Strangers: A history of Muslims in Northwest China*, Seattle, WA: University of Washington Press.

Bản chất đa văn hóa của cả Trung Quốc và Trung Đông đã tạo điều kiện cho sự giao lưu nhân dân qua lại lẫn nhau được duy trì và phát triển. Trong đó, cộng đồng Hồi giáo đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại quốc tế của Trung Quốc và củng cố liên minh của nhà Đường với nhà Abbasids. Các hoạt động của cộng đồng Hồi giáo thời kỳ này, chủ yếu tập trung ở lĩnh vực thương mại với các mục tiêu kinh tế, một lợi ích chung với các thương nhân người Hán. Tuy vậy, nếu so sánh với khu vực Trung Á thì ảnh hưởng của Hồi giáo tại Trung Quốc là không tương xứng với các hoạt động giao thương giữa đôi bên. Điều này xuất phát từ cách tiếp cận khá thực tế của người Hồi giáo đối với Trung Quốc.[14] Họ đến Trung Quốc nhưng không bày tỏ ý định truyền đạo cho dân Trung Quốc hay rao giảng đạo Hồi như một tôn giáo. Sự xuất hiện của Hồi giáo ở Trung Quốc là một hệ quả tự nhiên thông qua các chuyển động của giao lưu kinh tế và văn hóa giữa Trung Quốc và Arab.[15] Hơn nữa, vị thế của đế chế Hồi giáo hùng mạnh cũng cho tạo điều kiện thuận lợi cho người Hồi giáo thể hiện đức tin của họ trong thời kỳ này. Lịch sử Trung Quốc ghi nhận luôn có sự đối đầu ở các mức độ khác nhau giữa Nho giáo, tư tưởng chính thống của xã hội phong kiến Trung Quốc, với Phật giáo, Đạo giáo và sau này là Kito giáo.[16] Trong đó, riêng Phật giáo đã từng bốn lần bị đàn áp tại Trung Quốc trong khoảng thời gian từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 10[17]. Nhưng sự thù nghịch mang tính tôn giáo giữa Hồi giáo và các tôn giáo chính ở Trung Hoa rất hiếm khi xảy

[14] Tại nhiều quốc gia ở Trung Đông và Trung Á, sự mở rộng của Hồi giáo bị chỉ trích do đi kèm với các cuộc chiến tranh, chinh phục đất đai.

[15] Herbert Allen Giles (1926). *Confucianism and its rivals*, Forgotten Books. p. 139.

[16] Frank Brinkley (1902), *China: its history, arts and literature*, Volume 2. Volumes 9-12 of Trübner's oriental series. BOSTON AND TOKYO: J.B.Millet company. pp. 149, 150, 151, 152.

[17] Buddhism, Persecution of (Zhàojìnfó 诏禁佛)

http://chinaconnectu.com/wp-content/pdf/BuddhismPersecutionof.pdf

ra. Xung đột giữa văn hóa của người Hồi giáo với văn hóa truyền thống của người Hán đa số ở Trung Quốc cũng ở mức độ không sâu sắc.

Năm 878, dưới triều nhà Đường, một sự kiện bi thảm đã xảy ra với cộng đồng Hồi giáo đang rất thịnh vượng ở Trung Quốc. Tuy nhiên, nguyên nhân của nó không xuất phát từ xung đột văn hóa mà bởi chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Người Hán chiếm đa số đã chống lại cộng đồng Hồi giáo thành công bởi vì họ ganh tị với sự thịnh vượng kinh tế của những người Arab và Ba Tư nhập cư. Khoảng 100.000 người Hồi giáo đã bị tàn sát vì các vụ bạo lực. Thảm kịch đó đã đẩy những người Hồi giáo nhập cư phải di trú tới các nước Đông Nam Á và định cư tại đó. Các quan hệ nhà nước – nhà nước, nhân dân – nhân dân giữa Trung Quốc và Trung Đông trở nên suy yếu theo sự phân mảnh, suy tàn của triều đại nhà Đường vào thế kỷ 10. Sau khi triều Đường diệt vong, phiên trấn các nơi tự lập quốc khiến đất nước Trung Quốc phải trải qua thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc cát cứ trong giai đoạn 907-960. Trong thời kỳ này, tại Trung Quốc, chiến loạn không ngừng nghỉ, kinh tế bị tàn phá khiến cho hoạt động bang giao và ngoại thương của Trung Quốc với Trung Đông bị đình trệ. Chỉ đến khi nhà Tống (960-1279) lên cầm quyền và ổn định Trung Quốc thì các quan hệ giữa hai bên mới được phục hồi trở lại.

Nhà Tống tiếp tục các chính sách mở cửa về kinh tế và văn hóa đối với bên ngoài giống như nhà Đường trước đó, đồng thời khuyến khích phát triển hoạt động đóng tàu và các giao thương đường biển. Nhờ vậy, quan hệ các quan hệ giữa Trung Quốc với Trung Đông được nối lại nhanh chóng và ngày càng phát triển. Mối quan hệ ngoại giao giữa nhà Tống và nhà Abbasid diễn ra tốt đẹp. Vương triều Fatima cai quản vùng đất rộng lớn Bắc Phi, trong thời gian tồn tại từ 909-1171, cũng nhiều lần cử các phái đoàn của họ tới Trung Quốc.

Sự tiến bộ trong kỹ thuật đóng tàu và việc phát minh ra la bàn của người Trung Quốc trong thời nhà Tống đã thúc đẩy các hoạt động trao đổi kinh tế bằng đường biển giữa Trung Quốc và Trung Đông diễn ra nhộn nhịp chưa từng có. Các tàu buôn tải trọng lớn của Trung Quốc thường đi vào vùng vịnh Aden ghé vào các bến cảng tại bán đảo Arab (như Dhofar, Shahr) và Ai Cập để trao đổi hàng hóa. Trong khi đó, số thương nhân Hồi giáo đến buôn bán và định cư ở các khu vực phía Đông Nam Trung Quốc tăng lên đáng kể. Trong thời kỳ này, những người đến từ Trung Đông tiếp tục đóng vai trò kết nối giữa thế giới phương Đông và phương Tây. Kỹ thuật chế tạo và sử dụng la bàn, thuốc súng[18] của Trung Quốc đã được truyền bá tới Trung Đông và tiếp đó là tới châu Âu.

Năm 1206, quốc gia thống nhất của các bộ tộc Mông Cổ được hình thành và nhanh chóng trở nên hùng mạnh. Với một đội quân thiện chiến, Mông Cổ tiến hành nhiều cuộc chiến tranh chinh phục và chiếm lĩnh một vùng lãnh thổ rộng lớn. Khi Caliph Al-Musta'sim của nhà Abbasids từ chối khuất phục người Mông Cổ, quân Mông Cổ đã có cuộc vây hãm tàn khốc và chiếm được Baghdad năm 1258. Nhà Abbasids trị vì đế chế Hồi giáo hơn 500 năm bị lật đổ. Phần lớn khu vực Trung Đông nằm dưới sự cai trị của người Mông Cổ. Trong khi đó, quân đội Mông Cổ cũng lần lượt kết thúc sự cai trị của vương triều nhà Kim, nhà Tây Hạ ở phía bắc Trung Quốc và bắt đầu các cuộc tấn công nhà Nam Tống. Năm 1271, Đại hãn Mông Cổ Hốt Tất Liệt thành lập nên nhà Nguyên (1271-1368) với kinh đô ở Đại Đô (Bắc Kinh ngày nay). Năm 1279, sau sự thất bại của nhà Nam Tống trước Mông Cổ, toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc nằm dưới sự cai trị của nhà Nguyên. Trong hơn một thế kỷ sau đó, cả Trung Đông và Trung Quốc cùng nằm trong lãnh thổ của đế chế Mông Cổ do nhà Nguyên cai quản và không còn tồn tại biên giới

[18] Thuốc súng còn được người Ba Tư gọi là "muối Trung Quốc" và người Arab gọi là "Tuyết Trung Quốc" vì nó có màu trắng và vị mặn.

tách biệt cũng như quan hệ nhà nước – nhà nước giữa hai bên. Tuy nhiên, cũng chính trong thời gian này, các liên lạc giữa Trung Quốc và Trung Đông trở nên gần gũi hơn bao giờ hết.

Sự mở rộng của đế chế Mông Cổ đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động giao thương giữa Trung Quốc và Trung Đông qua cả đường bộ và đường biển. Dưới thời nhà Nguyên, kỹ thuật đóng tàu tiến bộ hơn thời nhà Tống rất nhiều. Tải trọng của những con tàu lớn dưới trong thời này có thể đạt từ 400 đến 500 tấn và có thể chở được hàng nghìn người.[19] Các thuyền từ Trung Quốc thường đi qua Vịnh Ba Tư và Biển Đỏ để buôn bán với người Arab.[20] Các hàng hóa giao dịch chủ yếu của giữa Trung Quốc và khu vực Trung Đông thời kỳ này là đồ sứ, lụa, sắt, các dụng cụ bằng sắt.

Dưới thời nhà Nguyên (1271-1368), Hồi giáo phát triển rất mạnh tại Trung Quốc. Số lượng người theo đạo Hồi tăng lên đột biến, sinh sống dọc theo bờ sông Dương Tử và khắp mọi miền của Trung Quốc. Sự gia tăng này đến từ ba nguyên nhân. Thứ nhất, hoạt động giao thương phát triển thúc đẩy nhiều người Arab, Ba Tư đến làm ăn và định cư luôn tại Trung Quốc. Thứ hai, trong cuộc chinh phục của Mông Cổ đối với Trung Quốc, rất nhiều người Hồi giáo đã được đưa vào Trung Quốc. Sau đó những người này định cư tại Trung Quốc và nhiều người đã phục vụ trong triều đình nhà Nguyên. Trong đó, Omar Shams al-Din (1211-1279), một người mang trong mình ba dòng máu Arab, Turk và Ba Tư, đã trở thành tổng đốc đầu tiên của Vân Nam. Ông cũng được coi là ông tổ của những cư dân Hui sinh sống ở Vân Nam cũng như ở Ninh Hạ và Phúc Kiến. Thứ ba, số người thuộc tộc Uygur, Kazak và các dân tộc thiểu số khác theo đạo Hồi tăng nhanh trong thời nhà Nguyên. Ngoài ra, một số lượng lớn người Trung Quốc cũng chuyển sang đạo Hồi vì kết hôn với người Hồi giáo. Do sự du nhập từ nhiều nguyên nhân

[19] http://www.chinatoday.com.cn/Arabic/203a1n12/2003n1/3b3.htm

[20] http://www.chinatoday.com.cn/Arabic/203a1n12/2003n1/3b3.htm

khác nhau nên thành phần người Hồi giáo ở Trung Quốc thời nhà Nguyên rất đa dạng. Bên cạnh thương nhân, còn có các binh sỹ, thợ thủ công và các chuyên gia, nhà khoa học và quan chức. Đây là điều phân biệt với người Hồi giáo đến Trung Quốc thời nhà Đường vốn chủ yếu là thương nhân định cư.

Sự thuần khiết của những người Hồi giáo tại Trung Quốc cũng bắt đầu thay đổi dưới triều nhà Nguyên. Sự liên kết của họ với những người xâm lược Mông Cổ đã làm cho hình ảnh của đạo Hồi và người Hồi giáo tại Trung Quốc xấu đi. Những người Hồi giáo bị coi là những kẻ man di, mọi rợ, kẻ phản bội và tham lam. Kết cục, theo như nhà sử học Bai Shouyi đề cập trong cuốn sách với tiêu đề ***Tóm tắt lịch sử Hồi giáo ở Trung Quốc***, "Hồi giáo đã nở rộ ở Trung Quốc dưới triều đại nhà Nguyên (1271-1368) nhưng đạo Hồi và người Hồi giáo bắt đầu kỉ nguyên của sự chịu đựng những đối xử bất công."[21] Một số cộng đồng Hồi giáo cảm thấy rằng họ gần gũi với người Mông Cổ hơn người Hán. Tuy vậy, để thích nghi và tránh sự cô lập từ môi trường văn hóa đa số của người Trung Quốc, những người Hồi giáo đã có những biến đổi. Các nhà thờ Hồi giáo Hoaicheng tại Quảng Châu được xây dựng dưới thời Đường (618-907) hay nhà thời Hồi giáo Chingjing ở Tuyền Châu được xây dựng dưới thời nhà Tống (960 -1279) đều mang phong cách Hồi giáo ở Trung Quốc. Nhưng trong thời đại nhà Nguyên, các nhà thờ Hồi giáo tại Trung Quốc được xây dựng theo kiến trúc truyền thống của người Hán. Khi nhà Nguyên suy yếu, xã hội Trung Quốc lâm tình trạng bất ổn, đói kém triền miên, người Hồi giáo đã tham gia cùng với người Hán trong cuộc đấu tranh chống lại sự cai trị của nhà Nguyên ở Trung Quốc. Trong đó, lịch sử Trung Quốc ghi nhận vai trò của Thường Ngộ Xuân, một

[21] Bai Shouyi, (2000), *Zhongguo Huijiao Xiaoshi* (A brief history of Islam in China.) Ningxia Renmin Chubanshe, Yinchuan.

Lipman, Jonathan N (1997), *Familiar Strangers: A History of Muslims in Northwest China*, University of Washington Press, Seattle.

vị tướng Hồi giáo tham gia cuộc khởi nghĩa đánh bại nhà Nguyên và lập nên nhà Minh năm 1368.

Sự chấm dứt cai trị của nhà Nguyên tại Trung Quốc đã dẫn tới sự tan rã chính thức của đế chế Mông Cổ. Đồng thời, nó cũng kết thúc thời kỳ hoàng kim trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông kể từ khi thời nhà Đường.

1.3 Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông từ năm 1368 đến năm 1911

Sau khi lật đổ nhà Nguyên lập nên nhà Minh, Minh Thái Tổ đã ra lệnh trục xuất tất cả những người Mông Cổ từ Trung Quốc sang phía bên kia của Vạn Lý Trường Thành. Tuy nhiên, cộng đồng Hồi giáo, những người đã từng hợp tác với Mông Cổ không phải chịu kết cục như vậy. Nhiều người Hồi giáo được triều đình nhà Minh trọng dụng vào các vị trí liên quan đến khoa học, kỹ thuật. Một số khác phục vụ trong các cơ quan dân sự và quân sự trong hệ thống cai trị nhà Minh. Minh Thái Tổ đã cho xây dựng lại nhà thờ Hồi giáo Jijnue tại Nam Kinh và xây mới một số nhà thờ Hồi giáo ở Vân Nam, Quảng Đông và Phúc Kiến.[22] Trong giai đoạn đầu triều Minh, cộng đồng Hồi giáo tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường quan hệ của Trung Quốc với bên ngoài, đặc biệt là với những người Hồi giáo ở Trung Đông.

Năm 1405, vị vua thứ ba của triều Minh là Minh Thành Tổ đã cử Trịnh Hòa, một đô đốc Hồi giáo dẫn đầu một đoàn thám hiểm khổng lồ hướng về phía Tây để mở rộng ảnh hưởng của đế quốc Trung Hoa đồng thúc đẩy các mối quan hệ về văn hóa và kinh tế giữa Trung Quốc với bên ngoài. Trong 28 năm (1405-1433), Trịnh Hòa đã ghé qua hơn 30 quốc gia và vùng

[22] Tan Ta Sen, Dasheng Chen (2000), *Cheng Ho and Islam in Southeast Asia. Institute of Southeast Asian Studies*, p. 291.

lãnh thổ trong đó có nhiều địa điểm ở Trung Đông như Dohfar (Oman), Adang (Aden), Tian Fang (Mecca) và một số nơi khác.

Tuy nhiên, những diễn biến trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông sau chuyến thám hiểm của Trịnh Hòa không có sự phát triển tương tự như sau chuyến thám hiểm của Trương Khiên thời nhà Hán. Trái lại, các mối liên hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông bắt đầu suy giảm. Dưới thời nhà Minh, tầng lớp nho sĩ Khổng giáo, vốn bị kìm hãm trong gần một thế kỷ dưới triều Nguyên, một lần nữa lại chiếm được vai trò chủ chốt trong triều đình. Những quan lại Khổng giáo có cái nhìn miệt thị với hoạt động ngoại thương và tìm cách ngăn cản các chuyến thám hiểm tương tự như của Trịnh Hòa.[23]

Các hoàng đế nhà Minh và nhà Thanh sau đó phản ứng tiêu cực với các thách thức bên ngoài bằng cách thực hiện chính sách "bế quan tỏa cảng". Tình trạng cô lập của Trung Quốc được bắt đầu từ cuối thế kỷ 15 và kéo dài hơn ba thế kỷ kỷ trước khi bị mất dần quyền độc lập bởi sự thất bại của nhà Thanh trong Chiến tranh Thuốc phiện với quân Anh vào đầu những năm 1840. Trong thời kỳ mà người Trung Quốc gọi là "Thế kỷ ô nhục" (1939-1949), lãnh thổ Trung Quốc bị xâu xé, giày xéo bởi sự xâm lăng của các lực lượng thực dân phương Tây và Nhật Bản. Quyền tự quyết trong các vấn đề đối nội và đối ngoại của triều đình nhà Thanh cũng như của chính phủ Cộng hòa Trung Hoa Dân Quốc sau đó bị hạn chế.

Còn tại Trung Đông, khi nhà Minh được ra đời ở Trung Hoa cũng là lúc nền văn minh Hồi giáo ở khu vực suy yếu nghiêm trọng. Đầu thế kỷ 16, khu vực Trung Đông gần như hoàn toàn nằm trong sự cai quản của đế chế Ottoman trong khoảng 200 năm. Từ đầu thế kỷ 18, đế chế chế Ottoman bị

[23] Năm 1479, các tài liệu ghi chép về chuyến đi của Trịnh Hòa bị tiêu hủy. Từ cuối thế kỷ 15, việc đóng các loại tàu có kích thước lớn cũng bị ngăn cấm tại Trung Quốc.

suy yếu và mất dần quyền kiểm soát Trung Đông vào tay các nước thực dân châu Âu.

Sự đổ vỡ về mặt nhà nước tại cả Trung Quốc và Trung Đông, cùng với các rối ren, bất ổn nội bộ do sự xuất hiện của các thế lực "nước lớn" bên ngoài đã khiến cho quan hệ hai bên vốn suy yếu từ đầu thế kỷ 16, trở nên bị ngưng trệ trong suốt thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Đến đầu những năm 1930, Trung Hoa Dân Quốc do Trung Hoa Quốc dân đảng cầm quyền đã nối lại các quan hệ ngoại giao với các nước Trung Đông là Ai Cập và Saudi Arabia. Trung Hoa Dân Quốc đã gửi các đại biểu của mình tới Ai Cập, Saudi Arabia, Thổ Nhĩ Kỳ và Syria để tìm kiếm sự ủng hộ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật. Nhưng về cơ bản, quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông thời kỳ này vẫn rất hạn chế. Quan hệ đó chỉ thực sự được phát triển kể từ sau khi nước Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa ra đời năm 1949.

*

* *

Như vậy, vượt qua những cách trở về mặt địa địa lý, sự khác biệt về chính trị, văn hóa, quan hệ giữa Trung Quốc và khu vực Trung Đông được hình thành từ khá sớm và tính đến năm 1949, quan hệ hai bên đã trải hơn 2000 năm.

Trong hơn hai nghìn năm đó, mối quan hệ Trung Quốc - Trung Đông đã góp phần thúc đẩy sự gắn kết, tương tác Đông – Tây trở nên mạnh mẽ hơn. Thông qua các quan hệ, đặc biệt là quan hệ thương mại, nhiều thành tựu sáng tạo của người Trung Quốc đã được những cư dân từ Trung Đông tiếp thu, sử dụng và truyền bá sang phương Tây, thúc đẩy sự giao lưu, phát triển của thế giới. Ngược lại, nhiều yếu tố từ Trung Đông cũng ảnh hưởng tới Trung Quốc thời kỳ này. Trong đó, đáng kể nhất là sự xuất hiện của Hồi giáo tại Trung Quốc. Sự hình thành và tầm ảnh hưởng của cộng đồng Hồi

giáo tại Trung Quốc đã góp phần thúc đẩy sự kết nối giữa nước này với Trung Đông suốt nhiều thế kỷ và vẫn được tiếp tục sau này.

Lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông trước 1949 có lúc trải qua giai đoạn phát triển, có lúc trải qua giai đoạn trầm lắng nhưng ngoài trận chiến Talas năm 751 giữa nhà Đường và nhà Abbasids, Trung Quốc và Trung Đông không có sự đối đầu đáng kể. Quan hệ hai bên là quan hệ bình đẳng, không có mối quan hệ thần thuộc nào giữa Trung Quốc và Trung Đông. Do vậy, hai bên có thể phát triển các mối quan hệ mà không vấp phải những sự thù hằn mang tính lịch sử. Ngoài ra, Trung Quốc và Trung Đông còn có sự đồng cảm quá khứ khi từng cùng thuộc đế chế Mông Cổ và chia sẻ lịch sử chịu sự áp bức, bóc lột dưới chế độ thực dân.

Tuy vậy, trong quá trình diễn diễn biến hơn 2000 năm của mối quan hệ Trung Quốc – Trung Đông, một số rào cản lịch sử giữa hai bên cũng được hình thành. Thứ nhất là, mặc dù, giữa Trung Quốc và Trung Đông có quan hệ lịch sử lâu dài và không đối đầu nhưng đó chưa phải là mối quan hệ mạnh mẽ và liên tục. Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông trải qua nhiều thăng trầm, đứt gãy, đặc biệt là chịu sự suy giảm liên tục từ thế kỷ 16 đến đầu thế kỷ 20. Điều này phần nào ảnh hưởng đến khả năng và mức độ tương tác của các bên về sau. Thứ hai là mối quan hệ giữa một số cộng đồng dân tộc thiểu số theo Hồi giáo ở các tỉnh phía Tây Trung Quốc với cộng đồng người dân đa số và chính quyền trung ương nước này bị xấu dần đi từ thời nhà Minh. Theo thời gian, xu hướng phản kháng, ly khai khỏi Trung Quốc tăng dần trong của một bộ phận cư dân Hồi giáo, không chỉ là vấn đề với giai tầng cầm quyền nước này mà còn là nhân tố chi phối quan hệ Trung Quốc và Trung Đông trong các thời kỳ kế tiếp.

CHƯƠNG 2

QUAN HỆ TRUNG QUỐC – TRUNG ĐÔNG TỪ NĂM 1949 - 2014

2.1 Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông giai đoạn 1949 – 1978

Sau Thế chiến thứ hai, cục diện thế giới rơi vào tình trạng phân cực đối đầu Xô – Mỹ với cuộc Chiến tranh lạnh kéo dài hơn bốn thập kỷ. Khu vực Trung Đông lúc này với những vấn đề phức tạp vốn có kết hợp với tầm quan trọng gia tăng của dầu mỏ đã dần trở thành một trung tâm chính trị toàn cầu cũng như là một đấu trường chính yếu cho sự cạnh tranh giữa các siêu cường. Trong khi đó, ở phương Đông, ngày 1/10/1949, nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, nắm quyền kiểm soát trên toàn bộ Trung Hoa đại lục cũng tạo nên những thay đổi to lớn trên bản đồ chính trị toàn cầu.

Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông chuyển sang một thời đại mới. Trong đó, giai đoạn 1949 -1978 là khoảng thời gian khởi đầu, đóng vai trò bản lề cho sự phát triển quan hệ giữa hai bên. Mặc dù, cùng chia sẻ quan hệ hàng nghìn năm lịch sử nhưng ở thời điểm nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, các mối liên hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông là không thực sự nhiều. Những nỗ lực phục hồi quan hệ với khu vực Trung Đông trước đó của Trung Hoa Dân Quốc cũng không phải điều mà Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có thể kế thừa khi mà cả hai đang cạnh tranh nhau để tìm kiếm vị thế là đại diện duy nhất cho toàn thể người dân Trung Quốc. Hiện trạng lạnh nhạt trong quan hệ Trung Quốc-Trung Đông được tiếp tục trong những năm đầu thập niên 1950 bởi sự tương tác giữa hai bên diễn ra ở mức độ hết sức ít ỏi. Sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố thành lập, Đảng Cộng sản Algeria và Đảng Cộng sản Tunisia là những đại diện hiếm hoi từ khu vực Trung Đông gửi điện chúc mừng đến Trung Quốc. Trong khoảng thời gian từ năm 1949 đến năm 1955, Israel là quốc gia Trung Đông đầu tiên và

cũng là duy nhất công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Nhưng việc Trung Quốc từ chối không công nhận Israel đã khiến cho hai nước không thể đi đến được việc thiết lập quan hệ ngoại giao.

Sự tương tác quan trọng và trực tiếp đầu tiên giữa Trung Quốc và Trung Đông là tại Hội nghị Bandung[24] ở Indonesia năm 1955. Trung Quốc đã tận dụng hội nghị như là một diễn đàn quốc tế, nơi mà cung cấp cho nước này cơ hội để có thể tham gia sâu hơn vào nền chính trị toàn cầu trong khi không phải là thành viên của Liên Hợp Quốc. Thông qua hội nghị Bandung, thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đồng thời cũng là người chủ trì hội nghị đã có các cuộc gặp gỡ với đại diện của Israel và những đại diện từ thế giới Arab để bàn thảo về việc phát triển quan hệ và tăng cường sự hiểu biết song phương. Kết quả là những biến chuyển tích cực bước đầu đã đến trong quan hệ Trung Quốc và một số nước khu vực Trung Đông. Tháng 1/1956, Văn phòng Thương mại của Trung Quốc được thành lập tại Ai Cập và sau đó một tháng, Văn phòng Thương mại của Ai Cập cũng được mở tại Trung Quốc. Ngày 15/4/1956, Trung Quốc và Ai Cập ký kết thỏa thuận về hợp tác văn hóa giữa hai bên. Quan hệ ngoại giao giữa Ai Cập và Trung Quốc chính thức được thiết lập vào ngày 30/5/1956, sau khi Chính phủ Ai Cập tuyên bố hủy bỏ công nhận Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) và thừa nhận tính chính thống của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tiếp đó, các quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc với Syria và Yemen cũng lần lượt được thiết lập vào ngày 10/8/1956 và ngày 24/9/1956.

Tuy nhiên, quá trình phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông gặp không ít khó khăn do rào cản ý thức hệ trong quan hệ quốc tế. Tại

[24] Hội nghị Bandung được tổ chức từ ngày 18-24 tháng 4 năm 1955 ở Bandung, Indonesia với 29 nước Á-Phi tham gia (phần lớn là các quốc gia mới giành độc lập) với mục tiêu là thúc đẩy kinh tế và hợp tác văn hóa Á-Phi; chống lại chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Hội nghị Bandung là tiền đề dẫn đến sự hình thành của Phong trào không liên kết.

khu vực Trung Đông, sự tranh giành ảnh hưởng giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, diễn ra quyết liệt khiến cho nhiều nước, nhiều mối quan hệ chịu ảnh hưởng. Trong khi các vương quốc như Jordan, Arab Saudi, Iran, vốn là những nước giành được độc lập sớm, và Israel ngả theo Mỹ và phương Tây thì ảnh hưởng của Liên Xô và hệ tư tưởng cộng sản lại gia tăng tại những nơi đang trong quá trình giành độc lập. Về phía Trung Quốc, cách tiếp cập với khu vực Trung Đông của nước này có sự gần gũi với Liên Xô. Nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ học thuyết của Mao Trạch Đông về Thế giới thứ ba với quan điểm "mâu thuẫn chính trong thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai không phải giữa Mỹ và Liên Xô mà là giữa khối đế quốc phương Tây do Mỹ đứng đầu và các nước Á, Phi, Mỹ Latin và thậm chí là một vài quốc gia tư bản."[25] Trung Quốc chống lại các hiệp định quân sự được ký kết giữa phương Tây và một số nước khu vực, đặc biệt là hiệp ước Baghdad. Nước này cáo buộc Mỹ có âm mưu thiết lập một "vành đai quân sự" trải rộng từ Nhật Bản tới Trung Đông, bao gồm Hàn Quốc, đảo Ryukyus (Nhật Bản), Formosa (Đài Loan), Đông Dương, Philippines, Pakistan, Iran và Thổ Nhĩ Kỳ như một hành động thù địch trực tiếp không phải chống lại Liên Xô hay Đông Âu mà là chống lại Trung Quốc, đe dọa tới sự tồn tại của chế độ cộng sản ở nước này.[26] Bởi vậy, cùng các nỗ lực ở các khu vực khác, Trung Quốc thấy cần thiết phải ngăn chặn một sự thống trị của những "thế lực thù địch" với Trung Quốc tại khu vực Trung Đông.

Trung Quốc tự coi mình là một phần của Thế giới thứ ba trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa đế quốc và là nhà bảo trợ cho các phong trào giải

[25] Shichor Yitzhak (1979), *The Midde East in China's Foreign Policy*, 1949-1977, Cambridge University Press, Cambridge and London, p.12.

[26] Shichor Yitzhak (1979), *The Midde East in China's Foreign Policy,* 1949-1977, Cambridge University Press, Cambridge and London, p.13.

phóng dân tộc trên thế giới. Đối với Trung Đông, Trung Quốc tuyên bố ủng hộ nhân dân các nước Arab trong công cuộc đấu tranh của họ nhằm giải phóng dân tộc, giành độc lập đất nước và ngăn cản sự thống trị của Mỹ ở khu vực. Nước này chú quan tâm đến các phong trào chống thực dân, đế quốc của nhân dân Arab, cung cấp cho họ các vũ khí hạng nhẹ và sự ủng hộ về chính trị và ngoại giao tại các diễn đàn quốc tế. Cơ hội đến với Trung Quốc khi chế độ quân chủ ở Iraq bị sụp đổ do cuộc cách mạng ngày 14/7/1958 và Abdul Karim Kassem - một người thân cộng sản, lên nắm quyền. Vào tháng 8 năm 1958, chỉ một tháng sau cách mạng Iraq, Trung Quốc và Iraq thiết lập quan hệ ngoại giao. Trung Quốc xem Kassem, cùng với Gamal Abdel Nasser (tổng thống Ai Cập từ 1956-1970) là những nhà cách mạng tiên phong tại thế giới Arab và là cầu nối cho quan hệ của Trung Quốc với khu vực Trung Đông. Trong các năm 1958, 1959, quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc với Morocco, Algeria và Sudan cũng lần lượt được thiết lập, đánh dấu bước tiến mới trong quan hệ của Trung Quốc với thế giới Arab nói chung và thành tựu về mặt công nhận ngoại giao đối với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nói riêng. Tuy vậy, chính sách và quan điểm của Trung Quốc đã không hoàn toàn được hoan nghênh tại Trung Đông. Một số nước vùng Vịnh vẫn còn duy trì chế độ quân chủ bảo thủ như Iran, Iraq, Jordan và Saudi Arabia đã từ chối công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trong khi đó, Trung Quốc và Israel cũng giữ cái nhìn không mấy thiện cảm nếu không nói là thù địch về nhau.[27]

Trung Quốc cho rằng các vấn đề của khu vực Trung Đông là xuất phát từ sự can thiệp bên ngoài do sự cạnh tranh giữa các đế quốc. Theo đó, "các vấn đề của khu vực nên được giải quyết bởi chính người dân khu vực và

[27] Pan Zhenqiang, *China and the Middle East*, p93, <http://www.cftni.org/full-monograph-chinas-growing-role-in-me.pdf>

không có vấn đề Trung Đông nào có thể được giải quyết triệt để nếu sự can thiệp từ bên ngoài, thứ gây ra và duy trì các vấn đề ấy, không được loại bỏ."[28] Tuy vậy, Trung Quốc hỗ trợ cho các quan điểm của Liên Xô đối với khu vực. Trong đó, lập trường của Trung Quốc về cuộc xung đột kéo dài giữa người Arab và người Israel là một ví dụ. Mặc dù, không phải là thành viên của Liên Hợp Quốc nhưng Trung Quốc ủng hộ Nghị quyết 181 của Liên Hợp quốc năm 1947, một kế hoạch do Liên Xô đệ trình mà phân chia lãnh thổ Palestine thành hai phần, một cho nhà nước Arab và phần còn lại cho nhà nước Do Thái. Trung Quốc khẳng định việc các bên tuân thủ đầy đủ nghị quyết trên là giải pháp duy nhất cho hòa bình lâu dài tại Trung Đông.

Tình hình quan hệ Xô-Trung xấu đi vào cuối những năm 1950 và phát triển thành tình trạng đối đầu vào thập niên 1960 đã làm phân rẽ các quốc gia Arab thân cộng sản và phức tạp hóa quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông. Nếu như thời gian đầu những năm 1960, Trung Quốc vẫn còn duy trì được quan hệ khá tốt với Iraq thì ngay từ năm 1959, chính quyền Nasser ở Ai Cập đã lựa chọn đứng về phía Liên Xô, chỉ trích Trung Quốc trong cách hành xử ở Tây Tạng và trong quan hệ Trung-Ấn.[29] Trong chiến tranh Trung Đông năm 1967 (còn gọi là Chiến tranh Ả Rập-Israel), mặc dù cả Trung Quốc và Liên Xô đều ủng hộ các quốc gia Arab nhưng do đang bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc "Cách mạng văn hóa" trong nước kết hợp với khoảng cách địa lý xa xôi nên sự can dự và tầm ảnh hưởng của Trung Quốc đối với cuộc chiến ở mức rất hạn chế. Trong khi, các nước Arab lại mong muốn nhận được sự hỗ trợ về trang thiết bị quân sự để đảo ngược, xoay chuyển tình hình thất thế của họ trên chiến trường thì Trung Quốc vẫn tiếp

[28] Shichor Yitzhak (1979), *The Midde East in China's Foreign Policy,* 1949-1977, Cambridge University Press, Cambridge and London, p.2.

[29] Li Hongjie, *National Interests and China's Middle East Policy* (Beijing: Central Compilation & Translation Press, First Edition, 2009), p.68.

tục kêu gọi cho hòa bình, đối thoại trực tiếp và một giải pháp chính trị hòa bình khu vực đối với cuộc xung đột. Gánh nặng to lớn của việc kiểm soát xung đột Israel và Arab được dồn về phía Liên Xô không chỉ bởi Trung Quốc mà cả thế giới cộng sản. Hệ quả là các quốc gia Arab bao gồm cả Iraq dần ngả theo hướng Liên Xô khiến cho các quan hệ với Trung Quốc trở nên lạnh nhạt. Mối liên hệ đáng kể duy nhất còn tồn tại giữa Trung Quốc và Trung Đông thời gian cuối những năm 1960 là sự hỗ trợ của Trung Quốc dành cho Mặt trận giải phóng Dhofar trong các nỗ lực của tổ chức này chống lại chính phủ quân sự Oman do Anh và Iran hậu thuẫn để thành lập một nhà nước ly khai tại Dhofar, một tỉnh phía nam của Oman.

Việc Trung Quốc thi hành một chính sách đối ngoại mang tính "cực tả", đồng thời chống chủ nghĩa đế quốc và chống chủ nghĩa xét lại trong suốt thập niên 60 của thế kỷ 20, đã đẩy nước này vào một tình thế đối địch với cả Mỹ và Liên Xô trong cùng một thời gian và vấp phải rất nhiều khó khăn trong các quan hệ đối ngoại. Tình thế bị cô lập ngoại giao cùng với những nguy cơ về an ninh lớn dần, đặc biệt là khi mâu thuẫn Xô-Trung leo thang thành cuộc xung đột biên giới năm 1969 đã gây sức ép lớn lên giới cầm quyền Trung Quốc, buộc họ phải xem xét, điều chỉnh lại chiến lược đối ngoại của nước này. Bước sang đầu thập niên 1970, Trung Quốc bắt đầu quá trình từ bỏ dần việc lấy ý thức hệ cộng sản và tư tưởng Maoist làm tiêu chuẩn điều chỉnh các quan hệ đối ngoại.

Trung Quốc nỗ lực thay thế các quan hệ bị mất đi vào tay Xô Viết ở khu vực Trung Đông bằng cách cải thiện các quan hệ với những nước Vùng Vịnh theo chế độ quân chủ. Năm 1971, Trung Quốc thực hiện một bước đi đột phá khi giảm, tiếp đó là ngưng tất cả các hỗ trợ cho phong trào cách mạng tại Oman, xóa đi các rào cản chủ yếu trong quan hệ giữa Trung Quốc

và đa phần các nước Arab. Đổi lại, Kuwait và Iran đã lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc vào tháng 3 và tháng 8 năm 1971.

Tháng 10 năm 1971, Nghị quyết số 2758 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc được thông qua, theo đó vị trí ủy viên thường trực tại Liên Hợp Quốc của Trung Hoa Dân Quốc được chuyển giao cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Trong sự kiện này có 11 nước Arab bỏ phiếu ủng hộ cho Trung Quốc trong đó Algeria, Ai Cập, Iraq, Kuwait, Mauritania, Morocco, Yemen Dân chủ, Sudan, Syria, Tunisia, Yemen Arab là những quốc gia đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và thêm Lybia, là nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Các nước Bahrain, Jordan, Lebanon, Qatar bỏ phiếu trắng và chỉ chỉ có Saudi Arabia và Israel bỏ phiếu chống. Đây được coi là một thắng lợi ngoại giao lịch sử của Trung Quốc và là một sự kiện có ảnh hưởng lớn tới vị thế của Trung Quốc trong quan hệ với khu vực Trung Đông sau này. Đồng thời, sự kiện này cũng cho thấy sự ủng hộ của một số nước Trung Đông cho các nỗ lực của Trung Quốc trong vấn đề duy trì chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ.

Sự thù nghịch trong quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đầu thập niên 1970 được lắng xuống khi mà cả Trung Quốc cùng Mỹ đều muốn tận dụng phía còn lại để đối trọng với Liên Xô. Năm 1972, trong một chuyến chuyến thăm lịch sử tới Trung Quốc, tổng thống Mỹ Richard Nixon đã có cuộc gặp với Mao Trạch Đông, mở đường cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính giữa hai nước vào năm 1979. Thái độ của Trung Quốc với Mỹ trong hàng loạt các vấn đề từ Việt Nam, Triều Tiên, Miến Điện và cả ở Trung Đông không còn quá gay gắt.

Cú sốc dầu lửa xảy ra năm 1973 là đòn bẩy cho sự dịch chuyển các mối quan hệ ở khu vực Trung Đông. Iraq bắt đầu ngả nhiều về phương Tây cho dù trước đó vào tháng 4/1972, nước này đã kí kết với Liên Xô Hiệp định

Hữu nghị và Hợp tác. Quan hệ Iraq-Iran cũng được cải thiện khi hai nước nhất trí ký kết Hiệp định Algiers 1975 nhằm giải quyết các tranh chấp lãnh thổ biên giới. Một cách gián tiếp, các động thái trên đã làm ấm dần mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Arab.

Giai đoạn giữa và cuối thập niên 1970, quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông vẫn tiếp tục được duy trì ở trạng thái thân thiện. Việc đưa quân vào Afghanistan của Liên Xô năm 1978 đã dẫn tới sự hình thành liên minh giữa thế giới Hồi giáo và phương Tây. Một tầng lớp mới của những người Hồi giáo thánh chiến đã nổi lên, sẵn sàng hi sinh mạng sống của mình để đánh đuổi quân Liên Xô ra khỏi Afghanistan. Hình ảnh và sự ảnh hưởng của Liên Xô tại Trung Đông bị suy giảm nhanh chóng. Trong khi đó, Trung Quốc ủng hộ cho các nỗ lực của phương Tây và Arab trong cuộc chiến chống lại Liên Xô tại Afghanistan và cũng được hưởng lợi từ sợ hãi của người Arab đối với sự bành trướng của Xô Viết. Quan hệ giữa Trung Quốc và khu vực ngày càng trở nên gần gũi hơn.

Tuy nhiên, nhìn chung, các quan hệ của Trung Quốc ở Trung Đông sau hơn hai thập kỷ xây dựng và phát triển vẫn tập trung chủ yếu ở lĩnh vực chính trị, trong khi các mối liên hệ trong kinh tế và thương mại là rất hạn chế. Kim ngạch thương mại hai chiều ở mức không đáng kể và gần như không có sự hợp tác trong lĩnh vực kinh tế ngoại trừ một vài dự án viện trợ một chiều từ phía Trung Quốc.[30]

2.2 Quan hệ Trung Quốc-Trung Đông giai đoạn 1978 – 2001

Khoảng thời gian hơn hai thập kỷ, từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách kinh tế, mở cửa đất nước năm 1978 tới sự kiện tấn công khủng bố vào

[30] Pan Zhenqiang, *China and the Middle East*, p93, <http://www.cftni.org/full-monograph-chinas-growing-role-in-me.pdf>.

nước Mỹ ngày 11/9/2001, chứng kiến rất nhiều sự đổi thay trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông.

Cuộc Cách mạng Hồi giáo Iran nổ ra năm 1979, đưa nước này từ chế độ quân chủ do Shah (vua Hồi giáo) Mohammad Reza Pahlavi đứng đầu thành một nước Cộng hòa Hồi giáo và kéo theo đó là sự chuyển đổi một cách căn bản tình hình khu vực cũng như toàn cầu. Lãnh tụ Hồi giáo Khomeini trở thành nhà lãnh đạo tối cao tại Iran và thúc đẩy "xuất khẩu Cách mạng Hồi giáo" sang các nước Trung Đông khác. Thế giới Hồi giáo cũng chứng kiến sự hồi sinh mạnh mẽ từ dòng Hồi giáo Shi'a trên quy mô rộng lớn. Điều này đã gây sự phản ứng rất mạnh mẽ từ cộng đồng Hồi giáo dòng Sunni và họ từ chối tính chính nghĩa của cuộc cách mạng Iran. Những khác biệt về ý thức hệ không còn tồn tại là nguyên nhân cơ bản cho những mâu thuẫn ở Trung Đông. Thay vào đó, sự tương phản mang tính sắc tộc, tôn giáo, thể chế (giữa người Ba Tư với người Arab, người Hồi giáo dòng Shi'a và người Hồi giáo dòng Sunni, thể chế nhà nước Hồi giáo với nhà nước phi Hồi giáo), kết hợp với những tranh chấp lãnh thổ đã thổi bùng lên ngọn lửa xung đột, sự phân cực tại khu vực mà nghiêm trọng nhất là Chiến tranh Iran-Iraq trong khoảng thời gian từ 1980-1988.

Iraq nhìn nhận sự nổi lên của Iran, và sự hậu thuẫn của Iran cho các phong trào của người Hồi giáo dòng Shi'a là một mối đe dọa. Bởi vậy, với mục tiêu làm sụp đổ chế độ Hồi giáo tại Iran và tiến tới thống trị khu vực, vào tháng 9 năm 1980, tổng thống Iraq Saddam Hussein đã tuyên chiến chống lại Iran. Tuy nhiên, trái với niềm tin và kỳ vọng của Saddam Hussein, quân đội Iraq đã không thể duy trì được lợi thế trên chiến trường. Cuộc tấn công từ Iraq không đem đến kết cục sụp đổ của thể chế nhà nước Hồi giáo tại Iran do người Shi'a lãnh đạo, trái lại còn củng cố thêm sự đoàn kết nội bộ của nước này. Quân đội Iran và lực lượng vệ binh cách mạng được hợp nhất,

lấy lại sức mạnh và đáp trả quyết liệt các hành động quân sự của Iraq. Sau đó, trong năm thứ hai của chiến tranh, Iraq tuyên bố sẵn sàng chấp nhận ngừng bắn với Iran nhưng giáo chủ Khomeini bác lại lời đề nghị đó và kiên quyết lật đổ Saddam Husein. Cuộc chiến ở trong tình thế giằng co kéo dài trong gần một thập niên với nhiều thiệt hại cho các bên tham chiến. Cả Iran và Iraq đều tranh thủ lôi kéo và nhận được sự ủng hộ từ bên ngoài trong cuộc chiến này.

Trong khi đó, kể từ năm 1978, với sự khởi xướng của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc bước vào thời kỳ đổi mới. Trong Đại hội toàn quốc lần thứ 12 của Đảng cộng sản Trung Quốc năm 1982, Trung Quốc tuyên bố hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội tiến đến xây dựng một mô hình "Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" với mục tiêu cơ bản là mở cửa thị trường, phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Trong quan hệ đối ngoại, Trung Quốc cũng không còn hào hứng với việc tranh đấu cho vị trí lãnh đạo phong trào cộng sản thế giới và đi đến việc "từ bỏ học thuyết về cuộc đấu tranh giai cấp quốc tế và một thế giới đại đồng."[31]

Cuộc Cách mạng Hồi giáo tại Iran nổ ra đã không được Trung Quốc chào đón bởi sự nhạy cảm của giới lãnh đạo nước này trước bất kì cuộc cách mạng nào mà dẫn tới lật đổ chính quyền. Hơn nữa, cuộc cách mạng tại Iran đã phá hỏng các nỗ lực trong việc xây dựng quan hệ của Trung Quốc với chế độ quân chủ tại Iran từ năm 1971. Chuyến thăm rất được chờ đợi của Shah Mohammad Reza Pahlavi tới Trung Quốc vì sự bùng nổ của cách mạng mà không bao giờ diễn ra. Dưới góc nhìn của Trung Quốc, cuộc Cách mạng Hồi giáo tại Iran là một phong trào mang tính nổi loạn, bất hợp pháp. Tuy nhiên, rất nhanh chóng, Trung Quốc đã thay đổi thái độ của mình, xúc tiến tích cực

[31] Yang Gongsu & Zhang Zhirong, *Theory and Practice of China's Contemporary Foreign Relations* (Beijing: Peking University Press, First Edition, 2009), p.258.

các quan hệ với nhà nước mới tại Iran. Quan hệ Trung Quốc-Iran trở lại tốt đẹp thường không lâu sau đó và bền vững cho tới ngày nay.

Trung Quốc chọn lựa một chính sách mang tính thực dụng trong suốt cuộc chiến Iran – Iraq, trong khi một mặt khuyến khích hai bên đàm phán nhưng mặt khác lại cung cấp vũ khí cho cả hai. Iraq cần đến vũ khí của Trung Quốc để chống lại ưu thế về vũ khí thông thường của Iran. Trong khi, Iran, lúc này đang bị Mỹ và phương Tây cấm vận, cần đến các loại tên lửa chống máy bay của Trung Quốc nhằm đương đầu với sự vượt trội trên không của Iraq. Trung Quốc bắt đầu bán vũ khí cho Iraq từ năm 1982 với các hợp đồng chiếm khoảng 17% tổng giá trị mua bán vũ khí của Iraq trong giai đoạn 1980-1988.[32] Trong khi đó, các giao dịch vũ khí giữa Trung Quốc và Iran được bắt đầu trước đó một năm và giá trị của số vũ khí Trung Quốc cung cấp cho Iran chiếm tới 41% tổng giá trị mua bán vũ khí của Iran từ năm 1980 tới 1988.[33] Như vậy, với chính sách thực dụng của mình, Trung Quốc được hưởng lợi từ cả hai bên trong cuộc chiến.

Từ năm 1979-1990 cũng là khoảng thời gian chứng kiến sự hồi phục và phát triển của các quan hệ vốn đối đầu giữa Trung Quốc và một số nước Arab. Năm 1979, các chuyến hành hương của những người Trung Quốc Hồi giáo tới thánh địa Mecca được nối lại và diễn ra thường niên sau đó, đã tạo cầu nối quan hệ cho Trung Quốc với Saudi Arabia và thế giới Arab. Tiến trình hòa giải dân tộc diễn ra tại Oman sau khi chấm dứt xung đột giữa nhà nước quân chủ với phong trào cánh tả từng được Trung Quốc hậu thuẫn, đã

[32] Theo dữ liệu của Viện nghiên cứu hòa bình quốc tế Stockholm (SIPRI), "*TIV of Arms Imports to Iraq, 1980-1988*"

<http://portal.sipri.org/publications/pages/transfer/tiv-data>, truy cập ngày: 10/5/2014.

[33] Theo dữ liệu của Viện nghiên cứu hòa bình quốc tế Stockholm (SIPRI), "*TIV of Arms Imports to Iran, 1980-1988*"

<http://portal.sipri.org/publications/pages/transfer/tiv-data>, truy cập ngày: 10/3/2014.

thúc đẩy các mối quan hệ giữa Trung Quốc và Oman. Năm 1983, Oman trở thành nước Trung Đông đầu tiên xuất khẩu dầu thô tới Trung Quốc. Tháng 11 năm 1984, Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Quan hệ giữa Trung Quốc với Qatar và Bahrain có những bước tiến quan trọng và đi tới việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức lần lượt vào tháng 7/1988 và tháng 4/1989. Trong khi đó, các quan hệ giữa Saudi Arabia và Trung Quốc cũng tốt dần lên sau việc Trung Quốc bán các tên lửa đạn đạo cho Saudi Arabia vào nửa cuối thập niên 1980.[34] Tháng 10/1988, hoàng tử của Saudi Arabia Bandar bin Sultan đã có một chuyến thăm ngắn ngày tới Trung Quốc với kết quả đạt được là hai bên thống nhất mở các văn phòng thương mại ở thủ đô của nhau. Tháng 7/1990, Saudi Arabia trở thành nước Arab cuối cùng công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Israel là nước Trung Đông duy nhất còn lại chưa có quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc tính đến hết năm 1990.

Biến cố Thiên An Môn xảy ra năm 1989 trong các nỗ lực của giới lãnh đạo Trung Quốc nhằm duy trì sự ổn định xã hội đã khiến cho các quan hệ quốc tế và hình ảnh của Trung Quốc chịu ảnh hưởng tiêu cực. Châu Âu và Mỹ chỉ trích mạnh mẽ hành động đàn áp người biểu tình của nhà cầm quyền Trung Quốc đồng ban hành các lệnh cấm vận đối với nước này. Không dừng lại ở đó, sự sụp đổ của Liên Xô và khối Đông Âu lại một lần nữa đặt Trung Quốc vào nguy cơ bị cô lập. Nhiều nước trong đó có một số nước Trung Đông tỏ ra hoài nghi về khả năng tồn tại của chế độ cộng sản ở Trung Quốc và do dự trong việc phát triển mối quan hệ gần gũi hơn với Trung Quốc. Nhằm đưa Trung Quốc thoát khỏi tình trạng trên, Đặng Tiểu

[34] The Sino-Saudi Connection, Publication: China Brief Volume: 2 Issue:21 <http://www.jamestown.org/programs/chinabrief/single/?tx_ttnews%5Btt_news%5D=3532&tx_ttnews%5BbackPid%5D=192&no_cache=1#.U3WqFpmVNB0>, truy cập ngày 103/2014.

Bình đã vạch ra đường lối đối ngoại "Quyết không đi đầu", "Bình tĩnh quan sát; Giữ vững lập trường; Bình tĩnh đối phó", lấy quan hệ Mỹ-Trung làm trọng tâm và Châu Á-Thái Bình Dương làm khu vực ưu tiên chiến lược. Đối với khu vực Trung Đông, Trung Quốc thực hiện chủ trương can dự một cách hạn chế và hợp lý. Đây là một chính sách mang tính thực dụng mà bản chất là sự thỏa hiệp giữa các lợi ích cốt lõi quốc gia của Trung Quốc và vai trò thống trị của Mỹ ở khu vực Trung Đông. Một loạt các động thái từ việc giữ thái độ im lặng trước áp lực của Mỹ, Anh lên Lybia sau Thảm họa hàng không Lockerbie (1988), không phản đối cuộc tấn công Iraq của liên quân do Mỹ dẫn đầu trong Chiến tranh Vùng Vịnh (1991), hay việc để Mỹ kiểm ra một chiếc tàu chở hàng của mình trên đường tới Iran năm 1993 là những minh chứng thực tế cho sự can dự một các hạn chế và sự thỏa hiệp với Mỹ của Trung Quốc tại Trung Đông. Các vấn đề ở Trung Đông đã thu hẹp sự bất đồng Mỹ - Trung và Trung Quốc đã thành công trong việc cải thiện quan hệ với chính quyền Bil Clinton sau đó. Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông cũng vượt qua các thách thức nhanh chóng và có những chuyển biến mạnh mẽ cả về chất và lượng trong quan hệ giữa hai bên.

Năm 1992, Israel trở thành nước Trung Đông cuối cùng thiết lập quan hệ với Trung Quốc. Khung khổ quan hệ về mặt chính trị-ngoại giao giữa Trung Quốc và khu vực cơ bản đã hoàn tất. Trung Quốc là cường quốc duy nhất trên thế giới có quan hệ bình thường với tất cả các nước vốn nhiều mâu thuẫn trong khu vực. Tuy nhiên, trong bối cảnh quan hệ Mỹ-Trung bất ổn định[35] cùng sự chi phối độc tôn của Mỹ tại Trung Đông khi Nga rút đi sau Chiến tranh lạnh, Trung Quốc cần thiết phải tìm kiếm cho mình một quan hệ mang tính trụ cột ở khu vực, thông qua đó không chỉ có thể bảo vệ và phát

[35] Trong thập niên 1990, quan hệ Mỹ-Trung chịu sự chi phối của các diễn biến tiêu cực như sự kiện Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan (1992), việc Mỹ ném bom đại sứ quán Trung Quốc ở Belgrade (Serbia-1999) hay các bất đồng về nhân quyền và vấn đề Tây Tạng.

triển lợi ích quốc gia cốt lõi quốc gia, mà còn cân bằng ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực, thậm chí trên quy mô toàn cầu.

Thực tế, Trung Quốc đã không có nhiều lựa chọn cho một đối tác quan hệ nòng cốt ở khu vực Trung Đông đang trong thời kỳ phân rã những năm 1990. Các nước thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh do Saudi Arabia dẫn đầu, phần lớn duy trì quan hệ đồng minh thân thiết với Mỹ trong khi vẫn giữ cách nhìn hoài nghi đối với Trung Quốc. Tiến trình hòa bình giữa Ai Cập và Jordan với Israel diễn ra trong sự phản đối của các nước thuộc Liên đoàn Arab. Trong cả khu vực, chỉ có Iraq và Iran là những quốc gia duy trì được vị thế độc lập tương đối với Mỹ, không chịu nằm trong vòng ảnh hưởng của Mỹ, và ngược lại bị Mỹ coi như là kẻ thù ở vùng Vịnh. Nhưng mức độ mâu thuẫn trong quan hệ giữa Mỹ - Iran và Mỹ - Iraq là không giống nhau. Sự xâm lược của Iraq đối với Kuwait năm 1990 và cuộc chiến Vùng Vịnh liền sau giữa Iraq và các lực lượng do Mỹ dẫn đầu là những chỉ dấu cho thấy rằng những mâu thuẫn tồn tại giữa Mỹ và Iraq là khẩn thiết và nghiêm trọng. Hơn nữa, Iraq còn là tâm điểm của các biện pháp trừng phạt quốc tế do Mỹ khởi xướng và rơi vào tình trạng bị quốc tế cô lập. Trong khi đó, quan hệ Mỹ-Iran dù luôn trong tình trạng căng thẳng, nhưng nguy cơ diễn ra đối đầu quân sự là không cao và càng được giảm đi khi Mỹ phải dồn sự chú ý vào cuộc chiến tại Iraq. Cuối cùng, Iran đã được Trung Quốc lựa chọn như trọng tâm đối ngoại duy nhất của nước này tại Trung Đông. Chính sách này đã được Trung Quốc duy trì nhiều năm và sự điều chỉnh chỉ diễn ra kể từ những năm đầu thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, những toan tính chiến lược thiên về yếu tố địa chính trị thuần túy của Trung Quốc trong quan hệ với khu vực Trung Đông dần nhường chỗ cho sự nổi lên của các lợi ích kinh tế, thương mại và an ninh năng lượng từ những năm 1990. Sự thay đổi trong trọng tâm quan hệ giữa

Trung Quốc với Trung Đông cũng là sự phản ánh xu thế toàn cầu hóa, đa phương hóa đang diễn ra ra trên thế giới và cho thấy chính sách đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế của Trung Quốc. Đó là những thay đổi tất yếu vì sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc đòi hỏi sự gia tăng tương ứng trong nguồn cung năng lượng và thị trường.

Trước hết là trong lĩnh vực năng lượng. Việc phát hiện mỏ dầu Đại Khánh (nằm ở phía đông bắc của Bắc Kinh) năm 1959 đã cho phép Trung Quốc có khả năng tự cung ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu dầu trong nhiều thập kỷ. An ninh năng lượng, do vậy, đã từng không được cân nhắc nhiều trong các vấn đề an ninh quốc gia cốt lõi của Trung Quốc. Song, kể từ khi bắt đầu cải cách năm 1978, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng rất nhanh khiến sức ép về nguồn cung năng lượng ngày một lớn dần. Nguy cơ về thiếu hụt dầu phục cho phát triển hiển hiện từ thời điểm bắt đầu thập niên 1990 đã buộc Trung Quốc phải tiến hành song song việc gia tăng khả năng lọc dầu trong nước và làm sâu sắc thêm mối quan hệ năng lượng với các đối tác bên ngoài. Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu ròng các sản phẩm dầu tinh chế trong năm 1993 và nhập khẩu ròng dầu thô trong năm 1996. An ninh năng lượng vì thế nhanh chóng trở thành một trong mối quan tâm hàng đầu trong chính sách của Trung Quốc với Trung Đông. Nhập khẩu dầu từ Trung Đông của Trung Quốc trước năm 1994 ở mức dưới 40% nhưng từ năm 1996 tỉ lệ này luôn duy trì ở trên 50%. Oman, Iran là hai nước Trung Đông dẫn đầu trong danh sách các nhà cung ứng dầu cho Trung Quốc giai đoạn 1990-2000. Trong khi đó, lượng nhập dầu của Trung Quốc từ Saudi Arabia, nước chiếm tới ¼ tổng trữ lượng dầu đã được phát hiện của thế giới, cũng bắt đầu tăng nhanh từ nửa cuối những năm 1990 và đạt tới 41.83 triệu thùng trong năm 2000. Trong chuyến thăm tới Saudi Arabia năm 1999, cựu

Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã mô tả quan hệ song phương Trung Quốc-Saudi là "đối tác dầu chiến lược".[36]

Bảng 2.1: Nhập khẩu dầu từ các nước Trung Đông của Trung Quốc, 1990-2000 (đơn vị: triệu thùng)

Nhà cung cấp	**1990**	**1992**	**1994**	**1996**	**1998**	**2000**
Oman	6.00	22.34	24.58	41.28	42.29	114.32
Yemen	-	3.20	9.18	27.49	29.55	26.37
Iran	2.20	0.84	0.50	16.87	26.43	51.10
Saudi Arabia	-	1.37	1.07	1.68	13.19	41.83
Iraq	-	-	-	-	4.43	23.24
UAE	-	1.71	0.48	-	3.76	3.14
Kuwait	--	-	-	-	2.06	3.16
Qatar	-	-	-	-	-	11.67
Ai Cập	-	-	-	-	-	0.88
Libya	-	2.15	-	1.01	-	0.95
Algeria	-	-	0.05	-	-	-
Trung Đông	8.42	31.60	35.87	88.34	121.68	276.67
Tổng nhập	21.33	82.91	90.13	165.10	199.45	512.94
Tỉ lệ	39.47%	38.12%	39.79%	53.50%	61.00%	53.93%

Nguồn: *Niên giám thống kê hải quan Trung Quốc, Các vấn đề liên quan, Tổng cục quản lý hải quan Trung Quốc.*

Kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Trung Đông tăng từ 1,084 tỉ USD năm 1978 lên 2,848 tỉ USD năm 1988 và đạt 5 tỉ USD năm

[36] Gal Luft, *Fueling the dragon: China's race into the oil market*, <http://www.iags.org/china.htm>. Ngày truy cập: 9/3/2014

1995.[37] Các công ty năng lượng của Trung Quốc cũng rất nhanh chóng tham gia vào các dự án hợp tác liên quan đến dầu khí tại các quốc gia Trung Đông. Tổng công ty Dầu khí Quốc gia Trung Quốc bắt đầu thâm nhập thị trường dịch vụ xây dựng dầu khí Kuwait từ năm 1983 và sau đó mở rộng hoạt động sang Ai Cập, Qatar, Oman cùng một số nước Trung Đông khác. Cùng với sự mở rộng của các công ty Trung Quốc tại Trung Đông, số các hợp đồng về dịch vụ lao động giữa Trung Quốc và các nước khu vực cũng ngày càng lớn. Trong giai đoạn từ 1978 đến 1990, Trung Quốc đã ký kết với các nước Trung Đông khoảng 2600 hợp đồng về dịch vụ lao động và kỹ thuật-xây dựng, chiếm hơn 80% số hợp đồng bên ngoài trong các lĩnh vực này.

Như vậy, trong giai đoạn 1978-2001, Trung Đông từ một khu vực gần như bị gạt ra ngoài trong các sắp xếp ưu tiên đối ngoại của Trung Quốc đã vươn lên chiếm giữ một vị trí ngày càng quan trọng trong các quyết sách ngoại giao của nước này.

2.3 Quan hệ Trung Quốc - Trung Đông giai đoạn 2001 đến 2014

Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông khởi đầu kỷ nguyên mới với những biến đổi mạnh mẽ từ cả hai phía. Về phía Trung Quốc, nước này cơ bản hoàn tất tiến trình hội nhập vào các thể chế kinh tế, chính trị quốc tế với việc gia nhập WTO năm 2001, một động thái có thể coi là cú hích tiếp đà tăng trưởng mạnh mẽ, liên tục trong hơn 30 năm qua. Trong khi đó, tình hình ở Trung Đông vẫn tiếp tục dậy sóng với hàng loạt các biến cố như vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001, cuộc chiến tranh Iraq (2003), các xung đột dai dẳng giữa người Arab và Israel và đặc biệt là biến động Mùa Xuân

[37] Pan Zhenqiang, *China and the Middle East, China's Growing Role In the Middle East: Implications for the Region and Beyond*, p.82

<http://www.cftni.org/full-monograph-chinas-growing-role-in-me.pdf>

Arab từ 2010. Kết quả của những thay đổi đó chính là một diện mạo mới trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông.

Hơn mười năm đầu tiên của thế kỷ 21 là giai đoạn mà quan hệ Trung Quốc-Trung Đông bứt tốc và vượt xa những gì quan hệ hai bên đạt được trong gần nửa thế kỷ trước đó. Nếu như khoảng thời gian 1949 -1978, quan hệ Trung Quốc – Trung Đông được bước đầu được xác lập lại và trải qua nhiều thăng trầm; khoảng thời gian 1979-2001, quan hệ hai bên được hoàn chỉnh về mặt ngoại giao và bắt đầu phát triển thì từ 2001-2014, quan hệ hai bên đã đạt tới mức độ có thể coi là sâu sắc. Sự tương tác về kinh tế, thương mại và sự tương tác về chính trị là hai khía cạnh cơ bản định hình cho quan hệ Trung Quốc-Trung Đông giai đoạn này. Ngoài ra, các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa giáo dục giữa hai bên cũng đạt được nhiều thành tựu.

2.3.1 Quan hệ kinh tế

Động cơ quan trọng nhất thúc đẩy sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc và Trung Đông là các lợi ích kinh tế và thương mại mà trước hết là trong lĩnh vực năng lượng. Năng lượng được coi là xương sống trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. GDP của Trung Quốc đã tăng hơn 5,5 lần trong thời gian 2001-2011 từ mức 1,32 nghìn tỷ USD lên mức 7,29 nghìn tỷ USD. Hệ quả kéo theo của sự tăng trưởng kinh tế là nhu cầu về dầu của Trung Quốc ngày càng tăng lên.[38] Theo dữ liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (IEA), lượng dầu tiêu thụ trung bình của Trung Quốc trong năm 2012 là ở mức 9.5 triệu thùng/ngày. Năng lực tự cung ứng dầu của Trung Quốc chỉ đáp ứng được khoảng 44% nhu cầu trong khi phần còn lại phải dựa vào dầu nhập khẩu.[39] Trung Quốc tìm đến Trung Đông nhằm

[38] International Monetary Fund (2012), *World Economic Outlook 2011*, <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2012/01/pdf/text.pdf>

[39] "Oil Market Report," International Energy Agency, 12/5/2012,

đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định và thông suốt phục vụ cho nhu cầu khổng lồ của nền kinh tế của nước này. Trong khi đó, các nước Trung Đông có nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí đốt xuất khẩu nhìn nhận Trung Quốc là thị trường lớn, có tốc độ phát triển nhanh chóng và đầy tiềm năng mà họ cần để tiêu thụ các sản phẩm năng lượng của mình. Những con số thống kê cho thấy trong năm 2012, khu vực Trung Đông cung cấp tới hơn 1/2 lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc.[40] Saudi Arabia, Iran, Oman, Iraq là những đối tác năng lượng chính yếu của Trung Quốc tại khu vực.

Saudi Arabia là nhà cung ứng dầu thô lớn nhất thế giới cho Trung Quốc kể từ năm 2002 đến nay. Năm 2013, lượng dầu thô từ Saudi Arabia chiếm 19% trong tổng số 5.6 triệu thùng Trung Quốc nhập mỗi ngày.[41] Các công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc đầu tư vào một số dự án dầu khí tại Saudi Arabia và ngược lại, Saudi Aramco, công ty năng lượng lớn nhất của Saudi Arabia cũng đã hợp tác đầu tư vào một số dự án lọc dầu của Trung Quốc tại Phúc Kiến, Quảng Đông và Sơn Đông.[42] Một biên bản ghi nhớ chung về hợp tác năng lượng được hai nước công bố năm 2006, có đề cập đến nội dung Saudi Arabia sẽ hỗ trợ Trung Quốc trong việc phát triển dự trữ dầu mỏ chiến lược.[43] Năm 2009, trong chuyến thăm cấp nhà nước của Chủ

<http://omrpublic.iea.org/currentissues/full.pdf>. Truy cập ngày: 12/3/2014

[40] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ <http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf>.Truy cập ngày: 15/3/2014

[41] China is now the world's largest net importer of petroleum and other liquid fuels <http://www.eia.gov/todayinenergy/detail.cfm?id=15531>. Truy cập ngày: 15/3/2014

[42] Mohammed Turki Al-Sudairi (2012), *Sino-Saudi Relations: An Economic History*, Gulf Research Center, Geneva, Switzerland, p. 9–15;

China's presence in the Middle East remains shallow

<https://blogs.nottingham.ac.uk/chinapolicyinstitute/2013/10/07/chinas-presence-in-the-middle-east-remains-shallow>. Truy cập ngày: 15/3/2014

[43] J.J. McGrath (2012), *China's Premier Wen Jiabao Presses Saudi Arabia for Access to Oil and Gas*, International Business Times,

tịch Hồ Cẩm Đào đến Saudi Arabia, một thỏa thuận về xuất khẩu dầu mỏ giữa Saudi Aramco và Công ty dầu khí quốc gia Trung Quốc Sinopec đã được ký kết. Cuối năm đó, Bộ trưởng Bộ Dầu khí và Khoáng sản Saudi Arab, ông Ali Al-Naimi cho biết trong một bài phát biểu rằng "Trung Quốc có thể tin tưởng vào Saudi Arabia trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng phục vụ cho sự tăng trưởng của Trung Quốc trong những thập kỷ tới."[44]

Về phía Iran, nước này duy trì được vị trí là nhà cung cấp dầu thô lớn thứ ba cho Trung Quốc trong phần lớn thập niên đầu thế kỷ 21. Tuy nhiên, Trung Quốc đã bắt đầu giảm nhập khẩu dầu của Iran trong những năm gần đây. Xuất khẩu dầu của Iran tới Trung Quốc đã giảm từ mức 555 nghìn thùng/ngày năm 2011 xuống còn 439 nghìn thùng/ngày năm 2012 và 429 nghìn thùng/ngày năm 2013. Iran rơi xuống vị trí thứ sáu trong số các nhà cung cấp dầu lớn nhất cho Trung Quốc sau Saudi Arabia, Angola, Oman, Nga và Iraq. Vào các năm 2012, 2013, nguồn dầu từ Iran chỉ còn chiếm 8% tổng lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc thấp hơn so với con số 11%

<http://www.ibtimes.com/chinas-premier-wen-jiabao-presses-saudi-arabia-access-oil-gas-395572>. Truy cập ngày: 16/3/2014;

Mohammed Turki Al-Sudairi (2012), *Sino-Saudi Relations: An Economic History*, Gulf Research Center, Geneva, Switzerland, p. 11–12,

<http://grc.net/index.php?frm_module=contents&frm_action=detail_book&pub_type=16&sec=Contents&frm_title=&book_id=79283&op_lang=en>. Truy cập ngày: 16/3/2014;

Jon B. Alterman (2009), *Chinese Soft Power and its Implications for the United States*, Center for Strategic and International Studies, Washington, DC, p. 65,

<http://csis.org/files/media/csis/pubs/090310_chinese softpower_chap5.pdf>

[44] Bryce Wakefield & Susan L. Levenstein, eds (2011), *China and the Persian Gulf: Implications for the United States*, Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington, DC, p. 62–66.

<http://www.wilsoncenter.org/sites/default/files/ASIA%20Program_China%20and%20the%20PG.pdf>

tương ứng năm 2011.[45] Sự đa dạng hóa nguồn cung và sức ép từ các biện pháp cấm vận quốc tế là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trong lượng dầu nhập từ Iran của Trung Quốc. Những khó khăn trong việc duy trì trang thiết bị và đầu tư công nghệ ở Iran do các áp lực trừng phạt quốc tế nhắm vào nước này cũng như tương lai bất định về một nguy cơ xung đột quân sự liên quan đến chương trình hạt nhân của Iran đã khiến nhiều công ty Trung Quốc phải đình trệ hoạt động hoặc phải thoái lui khỏi các dự án mà họ đầu tư. Các nhà chức trách Iran cũng tỏ ra không hài lòng với việc thực thi các hợp đồng của các công ty Trung Quốc. Đáng kể nhất là vào cuối tháng 4/2014, chính phủ Iran đã tuyên bố hủy thoả thuận hợp tác khai thác dầu trị giá 2,5 tỉ USD với Trung Quốc tại vùng Azadegan, một trong những khu vực có trữ lượng dầu lớn nhất trên thế giới, với lý do phía Tập đoàn dầu khí Trung Quốc (CNPC) không thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo như thoả thuận.[46] Các tranh cãi về hợp đồng trước đó từng là một phần nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm trong lượng dầu Trung Quốc nhập từ Iran năm 2012.

Tại Iraq, Trung Quốc được hưởng lợi rất nhiều từ hợp tác năng lượng với Iraq sau chiến tranh. Trong giai đoạn 2008 - 2012, giá trị xuất khẩu dầu thô của Iraq đến Trung Quốc tăng gần 870%.[47] Trung Quốc cũng là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong các mỏ dầu của Iraq.[48] Tổng công ty Dầu khí

[45] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ <http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf>. Truy cập ngày 15/3/2014

[46] Iran tuyên bố huỷ thoả thuận khai thác dầu với Trung Quốc

<http://vov.vn/The-gioi/Iran-tuyen-bo-huy-thoa-thuan-khai-thac-dau-voi-Trung-Quoc/324022.vov>. Truy cập ngày 15/5/2014

[47] Wayne Ma and Tennille Tracy (2013), *Sanctions Gap Allows China to Import Iranian Oil,* Wall Street Journal,

<http://online.wsj.com/article/SB10001424127887324619504579026333611696094.html>. Truy cập ngày: 10/5/2014

[48] Charlie Zhu and Peg Mackey (2013), *UPDATE 1—China, Indonesia to join Exxon at giant Iraq oilfield,* Reuters,

Quốc gia Trung Quốc (CNPC) và Công ty Dầu khí Anh quốc (BP) đã cùng nhau khai thác các mỏ dầu ở Rumaila (Iraq), nơi chiếm một phần ba sản lượng dầu của Iraq vào năm 2012.[49] Bên cạnh đó, CNPC còn đầu tư vào các khu dầu mỏ al-Adhab và Halfaya, những mỏ dầu lớn khác của Iraq.[50]

Bên cạnh Saudi Arabia, Iran và Iraq thì Oman, Qatar, Yemen cũng là những nguồn cung năng lượng chủ đạo khác cho Trung Quốc tại khu vực. Oman là quốc gia cung cấp dầu thô lớn thứ tư cho Trung Quốc. Trong khi, Qatar và Yemen là các nhà nguồn cung khí hóa lỏng lớn thứ ba và thứ năm cho Trung Quốc, chiếm lần lượt 18% và 7% lượng nhập mặt hàng này của Trung Quốc năm 2011.[51]

Kim ngạch trao đổi thương mại hai chiều giữa Trung Quốc và Trung Đông trong giai đoạn 2002-2012 tăng thêm 12 lần đạt 222.1 tỉ USD, cao hơn nhiều mức 193 tỉ USD năm 2011.[52] Trong đó, tỉ lệ tăng trưởng thương mại trung bình hàng năm giữa Trung Quốc với Saudi Arabia và Kuwait là 30%, với Các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất và Iraq là 26%, còn với Iran là 28%.[53] Tuy Trung Quốc vẫn phải gánh chịu sự thâm hụt thương mại do hoạt động nhập khẩu năng lượng nhưng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước này tới Trung Đông tăng lên nhanh chóng. Năm 2009, Trung Quốc đã vượt

<www.reuters.com/article/2013/08/22/petrochina-iraq-idUSL4N0GN29G20130822>. Truy cập ngày: 10/5/2014

[49] U.S.-China Economic and Security Review Commission, Hearing on China and the Middle East, Erica Downs, 6/6/2013.

[50] U.S.-China Economic and Security Review Commission, Hearing on China and the Middle East, Erica Downs, 6/62013.

[51] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ <http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf>. Truy cập ngày 15/3/2014

[52] <www.bbc.co.uk/zhongwen/trad/world/2013/10/131016_china_turkey_missile.shtml>. Truy cập ngày: 20/3/2014

[53] Andy Polk (2014), *China: A Major Power in the Middle East?,*

<http://warontherocks.com/2014/03/china-a-major-power-in-the-middle-eastchina>

Mỹ để trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới tới Trung Đông. Xuất khẩu Trung Quốc đến khu vực Trung Đông tăng từ 6.47 tỉ USD lên 121 tỉ USD trong giai đoạn 1999-2012.[54] Hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc tới Trung Đông phần lớn là các sản phẩm công nghiệp nhẹ.[55]

Các hoạt động trao đổi đầu tư giữa Trung Quốc và Trung Đông cũng diễn ra tương đối mạnh mẽ trong thời gian qua. Trung Đông là một trị trường quan trọng cho các nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài của Trung Quốc. Một báo cáo của Ernst & Young cho biết trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2011, Trung Quốc đứng thứ ba trong số các nước đầu tư nhiều nhất vào Trung Đông với số vốn chiếm khoảng 10% tổng lượng vốn đầu tư vào khu vực, xếp sau Nhật Bản (26.8%) và Ấn Độ (26.3%).[56] Iran, Các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất và Saudi Arabia là những nước tập trung nhiều vốn FDI nhất của Trung Quốc trong khu vực trong 2011.[57] Năm 2012, Trung Quốc đã đầu tư 8.2 tỷ USD vào UAE, 12.9 tỷ vào Saudi Arabia, 120 tỷ USD vào Iran và khoảng 4 tỷ USD giá trị tài sản dầu mỏ ở Iraq.[58] Phần lớn đầu tư của Trung Quốc ở Trung Đông được rót vào các lĩnh vực dầu mỏ và xây dựng cơ sở hạ tầng với số lượng ngày càng nhiều công ty nước này tham gia. Nhiều dự án liên quan đến xây dựng cầu cảng, nhà máy điện, đường sắt,

[54] Dawn Murphy, Hearing on China and the Middle East, U.S.-China Economic and Security Review Commission, 6/6/2013.

[55] Bryant Edwards, U.S.-China Economic and Security Review Commission, Hearing on China and the Middle East, 6/6/2013.

[56] Cleofe Maceda (2013), *China ramps up investment in the Middle East,*

<http://gulfnews.com/business/general/china-ramps-up-investment-in-the-middle-east-1.1201837>. Truy cập ngày: 20/4/2014

[57] Ministry of Commerce (China), 2011 Statistical Bulletin of China's Outward Foreign Direct Investment (Beijing, China: China Statistics Press, 2012), p.74-76.

[58] Laurie Pearcey (2013), *China's new Silk Road drives Middle East diplomacy*,

<http://www.businessspectator.com.au/article/2013/9/17/economy/chinas-new-silk-road-drives-middle-east-diplomacy>. Truy cập ngày: 20/4/2014

đường cao tốc, hầm mỏ, sân bay, nhà ở, mạng lưới phân phối nước, sân vận động, các dự án thủy lợi,… ở các nước khu vực có nguồn vốn từ Trung Quốc và do các công ty Trung Quốc thực hiện. Bên cạnh đó, ở lĩnh vực viễn thông, hai công ty của Trung Quốc là Huawei và ZTE cũng phát triển các dịch vụ của họ tại ít nhất sáu quốc gia trong khu vực, bao gồm Algeria, Bahrain, Ai Cập, Iran, Tunisia, và Các tiểu Vương quốc Arab Thống nhất.[59] Cả hai công ty trong những năm gần đây thậm chí đã bán hoặc có liên quan đến việc bán một số thiết bị viễn thông mà nằm trong lệnh cấm vận của chính phủ Mỹ.[60]

Quan hệ hợp tác liên quan tới lĩnh vực dịch vụ tài chính giữa Trung Quốc và Trung Đông cũng đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý. Các nhà cung cấp hàng hóa của Trung Quốc đã ký kết với 5 ngân hàng trong khu vực các thỏa thuận nhằm áp dụng việc thanh toán các giao dịch thương mại xuyên biên giới bằng đồng nhân dân tệ.[61] Cả bốn ngân hàng quốc doanh của Trung Quốc đều hoạt động tại Dubai, Các Tiểu Vương quốc Arab thống

[59] Dawn Murphy (2012), *Rising Revisionist? China's Relations with the Middle East and Sub-Saharan Africa in the post-Cold War Era*, George Washington University, Washington, DC, p.306-308;

ME Newswire (Dubai), *ZTE Wins Contract to Provide 3G Wi-Fi Router MF29 to UAE Operator du*, 10/7/2013, <http://www. me-newswire.net/news/7938/en>. Truy cập ngày: 20/4/2014

[60] 'Chinese Tech Giant Aids Iran, Wall Street Journal, 27/10/2011.

<http://online.wsj.com/article/SB10001424052970204644504576651503577823210.html>. Truy cập ngày: 20/4/2014

Chris Alden and Faten Aggad-Clerx, *Chinese Investments and Employment Creation in Algeria and Egypt*, (Tunis, Tunisia: African Development Bank, 2012), p. 20.

<http://www.afdb.org/fileadmin/uploads/afdb/Documents/Publications/Brochure%20China%20Anglais.pdf>

[61] Al-Masah Capital Limited, *China and India's Growing Influence in the MENA Region: Their Legacy and Future Footprint* (Dubai, United Arab Emirates: 4/2011), p. 17.

<http://ae.zawya.com/researchreports/p_2010_07_22_09_20_27/2010_1219_p_2010_07_22_09_20_27_092416.pdf>

nhất và đóng vai trò tiên phong cho việc quốc tế hóa đồng nhân tệ của Trung Quốc tại khu vực.[62] Một số ngân hàng không phải của Trung Quốc ở Các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất cũng đã cung cấp các dịch vụ thanh toán bằng nhân dân tệ nhằm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp và nhà đầu tư Trung Quốc[63].

Hàng loạt các cơ chế, khuôn khổ hợp tác về kinh tế và thương mại giữa Trung Quốc và các quốc gia Trung Đông đã dần được thiết lập trong hơn mười năm qua. Thứ nhất, Trung Quốc chia sẻ mối quan hệ được gọi là "đối tác chiến lược" với Algeria, Ai Cập, Saudi Arabia, và Các Tiểu Vương quốc Thống nhất. Tuy nhiên, các quan hệ đối tác ấy có mức độ và nội hàm hợp tác không giống nhau giữa Trung Quốc với tất cả các quốc gia nói trên. Trong khi một số quan hệ bao hàm cả sự hợp tác an ninh còn hầu hết nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế. Các diễn đàn đa phương như: Diễn đàn hợp tác Trung Quốc-Châu Phi (FOCAC-thành lập năm 2000) và Diễn đàn Hợp tác Trung Quốc-Arab (CASCF-thành lập năm 2004), là một cơ chế hợp tác khác. Và cuối cùng, đó là sự ra đời của các đặc khu kinh tế và các hội chợ thương mại. Khu Hợp tác kinh tế và thương mại Suez thành lập năm 2009 giữa Trung Quốc và Ai Cập, Trung tâm thương mại Dubai DragonMart ở Các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất hay Trung tâm thương mại quốc tế Yiwu ở Chiết Giang (Trung Quốc)... là những ví dụ cho cơ chế hợp tác này.

Ngoài ra, thương mại vũ khí giữa Trung Quốc cũng đã diễn sôi động thập niên qua. Theo Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm, Trung Quốc đã cung cấp vũ khí cho Algeria, Ai Cập, Iran, Saudi Arabia, Syria trong giai đoạn 2008-2012, đáp ứng các đơn đặt hàng được của các nước này

[62] U.S.-China Economic and Security Review Commission, Hearing on China and the Middle East, 6/6/2013.

[63] U.S.-China Economic and Security Review Commission, Hearing on China and the Middle East, 6/6/2013.

trong thời gian từ năm 1992 đến năm 2009. Trong đó, Iran là đối tác nhập khẩu vũ khí chính của Trung Quốc (chủ yếu là tên lửa hành trình chống tàu).[64] Hơn nữa, các quan chức Mỹ đã bày tỏ sự nghi ngờ rằng các công ty quốc phòng của Trung Quốc đã không tuân thủ đầy đủ các cam kết quốc tế trong việc không phổ biến hạt nhân cho Iran, mặc dù chính phủ Trung Quốc tuyên bố nước này không còn hỗ trợ chương trình hạt nhân của Iran từ 1997.[65]

2.3.2 Quan hệ chính trị

Sự mở rộng trong các tương tác kinh tế thương mại vừa là hệ quả nhưng đồng thời cũng vừa là động lực thúc đẩy sự gia tăng quan hệ về mặt chính trị, ngoại giao giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông. Các bên đã có nhiều nỗ lực tích cực để củng cố và phát triển quan hệ, thúc đẩy các lợi ích chung trong bối cảnh thế giới và khu vực mới. Trung Quốc được hưởng lợi từ những căng thẳng giữa Mỹ và các nước Trung Đông sau sự kiện khủng bố 11/9. Các nước Trung Đông cảm thấy họ bị phương Tây nghi ngờ và dò xét về sự liên quan đến chủ nghĩa khủng bố. Bởi vậy, họ bắt đầu tìm kiếm các quan hệ chặt chẽ hơn với các nước châu Á trong đó đặc biệt là với Trung Quốc. Không chỉ là một đối tác lớn về thương mại, Trung Quốc còn được các nước Trung Đông chào đón vì chính sách không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, khác hẳn với phương Tây. Các dự án, giao dịch kinh doanh của Trung Quốc không đi kèm với các ràng buộc về thay đổi chính trị hay quyền con người. Trung Quốc về cơ bản cũng được coi là thành công trong việc tối đa hóa lợi thế của Trung Quốc ở Trung Đông khi đồng thời duy trì và thúc đẩy các mối quan hệ tốt đẹp với các bên mà đối

[64] International Peace Research Institute, ‘‘SIPRI Arms Transfers Programme.’’ <http://portal.sipri.org/publications/pages/transfer/splash>. Truy cập ngày: 22/4/2014

[65] U.S.-China Economic and Security Review Commission, 2011 Report to Congress (Washington, DC: Government Printing Office, 2011), p.258.

địch nhau ở Trung Đông như Israel và Palestine, Israel và Iran, Saudi Arabia và Iran.

Từ đầu thế kỷ 21, các hoạt động trao đổi ngoại giao các cấp giữa Trung Quốc và các nước, tổ chức khu vực ở Trung Đông diễn ra tích cực. Đặc biệt là các chuyến thăm của giới lãnh đạo Trung Quốc tới các nước khu vực, cũng như của những người đứng đầu các nhà nước khu vực như Ai Cập, Saudi Arabia, Yemen, Jordan, Kuwait, Bahrain, Qatar, Thổ Nhĩ Kỳ, Iraq… đến Trung Quốc đã được diễn ra trong hơn thập niên qua và đóng một vai trò không thể thay thế trong việc thúc đẩy sự phát triển của quan hệ song phương trên tất cả các các lĩnh vực. Trong đó, chuyến thăm cấp nhà nước Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào tới hai nước Trung Đông là Ai Cập và Algeria năm 2004 trong tháng 1 năm 2004 là một sự kiện đáng được chú ý. Ở Ai Cập, ông Hồ Cẩm Đào đã có các cuộc gặp gỡ Tổng thư ký Amr Mahmoud Moussa và đại diện các nước thành viên của Liên đoàn Arab tại trụ sở của tổ chức này. Trong các cuộc gặp gỡ, ông Hồ Cẩm Đào đã nêu ra bốn nguyên tắc để đưa các mối quan hệ Trung Quốc - Arab hướng tới mô hình đối tác quan hệ đối tác kiểu mới. Bốn nguyên tắc này bao gồm: "thúc đẩy các quan hệ chính trị dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, tiến tới các quan hệ kinh tế và thương mại gần gũi hơn để cùng phát triển, mở rộng giao lưu văn hóa và tăng cường hợp tác trong các vấn đề quốc tế với mục đích bảo vệ nền hòa bình thế giới và thúc đẩy sự phát triển chung".[66] Chuyến thăm của người đứng đầu nhà nước Trung Quốc đã khởi đầu cho hàng loạt các hoạt động ngoại giao giữa Trung Quốc và Trung Đông sau đó. Sự nỗ lực từ hai phía đã đem đến thành quả là sự ra đời của Diễn đàn hợp tác Trung Quốc – Arab trong cùng năm 2004 (14/9/2004). Diễn đàn được thiết kế để phục vụ như

[66]China, Arab states set up cooperation forum

<http://english.peopledaily.com.cn/200401/30/eng20040130_133535.shtml>. Truy cập ngày: 20/4/2014

một nền tảng cho việc trao đổi quan điểm giữa Trung Quốc và các quốc gia Ả Rập đồng thời thúc đẩy hợp tác cùng có lợi trong chính trị, kinh tế và thương mại, văn hóa, công nghệ và các vấn đề quốc tế. Quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Arab nói riêng và khu vực Trung Đông nói chung chuyển sang một chương mới.[67]

Với vị thế quan trọng trên thị trường năng lượng và tầm ảnh hưởng to lớn trong thế giới Arab, Saudi Arabia đã vươn lên trở thành trọng tâm trong quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. Tháng 1 năm 2006, Trung Quốc chào đón chuyến thăm chính thức của nhà vua Saudi Arabia Abdullah bin Abdulaziz al-Saud tới nước này. Đây là công du nước ngoài đầu tiên của vua Abdullah sau khi nhậm chức năm 2005 và cũng là chuyến thăm đầu tiên của người đứng đầu vương quốc Saudi Arabia tới Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1990. Đáp lại, chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã có hai chuyến thăm trong vòng ba năm tới Saudi vào tháng 4 năm 2006 và tháng 2 năm 2009. Đáng lưu ý, việc vua Abdullah lựa chọn Trung Quốc thay vì Mỹ làm điểm đến nước ngoài đầu tiên của mình và chuyến thăm đầu của chủ tịch Hồ Cẩm Đào diễn ra chỉ ba tháng sau chuyến thăm của người đứng đầu nhà nước Saudi Arabia là điều rất hiếm khi xảy ra. Ngoài ra, phó chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và thủ tướng Ôn Gia Bảo đã thăm Saudi Arabia lần lượt vào năm 2008 và năm 2012. Trong khi, Trung Quốc là điểm đến của Hoàng thái tử Sultan bin Abdulaziz AlSaud vào năm 2008. Điều đó cho thấy sự phát triển nhanh chóng trong quan hệ giữa Trung Quốc và Saudi Arabia trong những năm qua.

[67] A new chapter on Sino-Arab cooperation written: Commentary, People Daily, 17/9/2004 <http://english.peopledaily.com.cn/200409/17/eng20040917_157330.html>. Truy cập ngày: 20/4/2014

Sự phát triển quan hệ chính trị giữa Trung Quốc và Arab có vẻ đã che mờ quan hệ giữa Trung Quốc với một đối tác truyền thống của nước này tại Trung Đông là Iran. Điều này là đúng nếu nhìn vào số lần trao đổi cấp cao lẫn nhau giữa hai nước trong thời gian vừa qua. Đã hơn một thập kỷ chưa có một chuyến thăm cấp nhà nước nào từ Trung Quốc tới Iran kể từ chuyến thăm của phó chủ tịch Hồ Cẩm Đào năm 2001 và chủ tịch Giang Trạch Dân năm 2002. Mặc dù, tổng thống Iran Ahmadinejad đã có chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 9 năm 2008. Yếu tố về năng lượng rõ ràng đã và đang chi phối mức độ hợp tác của Trung Quốc với khu vực. Tuy nhiên, dù không có các chuyến thăm chính thức nhưng các nhà lãnh đạo hai bên đã có các cuộc gặp gỡ, trao đổi quan điểm bên lề Hội nghị thượng đỉnh của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải được tổ chức tại Thượng Hải vào tháng 6 năm 2006, tại Bishkek (Kyrgyzstan) vào tháng 8 năm 2007, và tại Yekaterinburg (Nga) vào tháng 6 năm 2009. Iran nhận được sự hỗ trợ ngoại giao từ phía Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế trong việc hạn chế các lệnh trừng phạt liên quan đến chương trình hạt nhân gây tranh cãi của mình. Ngược lại, đối với Trung Quốc, Iran là cực kỳ quan trọng đối với lợi ích địa chính trị và năng lượng của Trung Quốc, cũng như kinh tế, thương mại và an ninh phi truyền thống. Quốc gia Trung Đông này là thành tố không thể thiếu để Trung Quốc đối trọng lại sự thống trị độc tôn của Mỹ tại khu vực.

Sự cảnh giác với việc bị lôi kéo vào các cuộc xung đột dai dẳng luôn là rào cản cho sự can dự Trung Quốc vào các vấn đề khu vực trong nhiều thập kỷ. Sự nghi ngại đó của Trung Quốc đến nay vẫn chưa chấm dứt. Minh chứng là kể từ khi lên cầm quyền vào tháng 3/2013, những người đứng đầu nhà nước và chính phủ Trung Quốc - chủ tịch Tập Cận Bình và thủ tướng Lý Khắc Cường, đã có các chuyến công du tới hầu hết các khu vực và các cường quốc quan trọng nhưng lại chưa hề đặt chân đến khu vực Trung Đông, nơi mà từ năm 2011 đang chìm trong những biến động của Mùa xuân

Arab. Mặc dù vẫn có chuyến thăm của các nhà lãnh đạo Trung Đông tới Trung Quốc, mà gần nhất là chuyến thăm của Hoàng thái tử Saudi Arabia Salman Bin Abdul Aziz Al Saud tới Bắc Kinh vào tháng 3/2014.[68] Trong khi, sự xuất hiện cao nhất của một quan chức Trung Quốc ở Trung Đông là của ông Vương Nghị, ngoại trưởng nước này. Tuy nhiên, với mong muốn xây dựng hình ảnh một nước lớn có trách nhiệm trong mắt cộng đồng quốc tế, cùng với sự mở rộng lợi ích tại khu vực, Trung Quốc đã tham gia nhiều hơn vào các nỗ lực quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề ở Trung Đông. Trung Quốc ủng hộ các giải giải pháp hòa bình thông qua con đường ngoại giao đối với các tranh chấp tại khu vực. Nước này bày tỏ hoan nghênh sự hợp tác quốc tế và đặc biệt là sự phối hợp giữa các nước lớn trong việc hỗ trợ các bên tháo gỡ các vấn đề. Trung Quốc cũng tham gia trong các nỗ lực khu vực về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Đối với vấn đề Israel-Palestine, Trung Quốc đã cho thấy một vai trò lớn hơn trong tiến trình hòa bình giữa hai bên. Điều này một phần được thúc đẩy bởi mong muốn của các nước Arab về sự tham gia nhiều hơn của Trung Quốc, tận dụng sự hỗ trợ của Trung Quốc cho người Palestine nhằm cân bằng với Israel vốn luôn được Mỹ hậu thuẫn. Đáp lại, vào tháng 4 năm 2000, Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đến thăm Israel và Palestine, đánh dấu sự xuất hiện chính thức lần đầu tiên của một người đứng đầu nhà nước Trung Quốc tại cả Palestine và Israel. Trong chuyến thăm, chủ tịch Trung Quốc nhấn mạnh "Hòa bình là điều giá trị nhất" trong tiến trình tìm

[68] Saudi Crown Prince starts official visit to China

<http://gulfnews.com/news/gulf/saudi-arabia/saudi-crown-prince-starts-official-visit-to-china-1.1303707>. Truy cập ngày: 16/5/2014

kiếm các giải pháp cho tranh chấp Palestine – Israel.[69] Năm 2002, theo đề nghị của một số nước Arab và cũng là để can dự hiệu quả hơn vào khu vực, Trung Quốc đã thiết lập cơ chế đặc phái viên Trung Đông.[70] Qua vị đặc phái viên này, các quan điểm của Trung Quốc sẽ được chuyển đến các nước khu vực. Đồng thời, đặc phái viên Trung Đông của Trung Quốc tiến hành các hoạt động ngoại giao nhằm giúp đỡ các bên tham gia vào các cuộc đàm phán tiến tới một giải pháp hòa bình trong các vấn đề lớn trong khu vực. Trong đó, cuộc xung đột giữa Israel và Palestine đóng vai trò trọng tâm.

Nhà ngoại giao kỳ cựu, Wang Shijie, người mà từng là đại sứ tại Bahrain, Jordan, và Iran, trở thành đặc phái viên Trung Đông đầu tiên của Trung Quốc. Ngay khi trở lại Trung Đông trên vai trò mới, ông Wang Shijie đã tái khẳng định quan điểm của Bắc Kinh đối với vấn đề Israel-Arab là: Trung Quốc ủng hộ giải pháp "đổi đất lấy hòa bình" và nhận thấy sự cần thiết phải xây dựng một nhà nước Palestine độc lập. Tuy nhiên, ông Wang cũng nhấn mạnh rằng an ninh của Israel phải được đảm bảo.[71] Vào tháng 11/2002, ông Wang Shijie đã có các "chuyến công du vì hòa bình" tới Ai Cập, Lebanon, Syria, Jordan, Israel và Palestine đồng thời cũng có các cuộc tham vấn với các phái viên đặc biệt của bộ tứ: Hoa Kỳ, Nga, EU và Liên Hợp Quốc, về vấn đề tranh chấp giữa người Palestine và người Israel.[72]

---

[69] Zhong Zhicheng, For a Better World— President Jiang Zemin's State Visits (Beijing: World Affairs Press, 2006), p.432.

[70] Chinese Foreign Ministry news conference, September 17, 2002.

<http://www.fmprc.gov.cn/eng/xwfw/2510/2511/t14663.htm>. Truy cập ngày: 24/4/2014

[71] China's First Special Envoy to Middle East

<http://www.china.org.cn/english/NM-e/48288.htm>. Truy cập ngày: 24/4/2014

[72] Report on Steps to Advance the Middle East Peace Process and to Promote the Establishment of a Nuclear-Weapon-Free Zone in the Middle East

<http://www.china-un.org/eng/chinaandun/disarmament_armscontrol/npt/t196289.htm>

Trong bối cảnh tiến trình hòa bình Trung Đông đứng trước nguy cơ bị đổ vỡ nghiêm trọng khi Israel khởi động lại việc xây dựng bức tường ngăn cách Bờ Tây (9/2004) dẫn đến thỏa thuận ngừng bắn bị vi phạm, Trung Quốc đã tham gia tích cực cùng với các nỗ lực của quốc tế để làm dịu căng thẳng và dàn xếp đối thoại giữa các bên. Ngay trong tháng 9/2004, đặc phái viên Trung Quốc đã thăm Ai Cập, Lebanon, Israel, Syria, Jordan và Palestine. Trong chuyến đi ông nhấn mạnh quan điểm công bằng và không thiên vị của Trung Quốc đối với các bên liên quan đến cuộc xung đột. Sau đó, vào tháng 3/2005, đặc phái viên Trung Quốc tiếp tục có các chuyến thăm tới Palestine, Israel, Ai Cập và Nga để trao đổi ý kiến trong việc thúc đẩy hòa bình Trung Đông.[73] Ở cấp độ cao hơn, Ủy viên Quốc vụ Viện Trung Quốc Đường Gia Triền cũng đã có các chuyến công du lần lượt đến Israel và Palestine năm 2005. Tại đó, ông Đường Gia Triền đưa ra bốn nguyên tắc của Trung Quốc trong giải quyết các vấn đề Trung Đông: Thứ nhất là từng bước xây dựng lòng tin lẫn nhau và nối lại các cuộc đàm phán hòa bình; Thứ hai là cần nhanh chóng đưa ra lộ trình và thiết lập một nhà nước Palestine độc lập; Thứ ba là đạt sự hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế nhằm triệu tập một hội nghị hòa bình với sự tham dự của các nước thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và các bên khác có liên quan; Và thứ tư là cần làm việc vì một nền hòa bình toàn diện và lâu dài ở Trung Đông.[74] Trung Quốc chia sẻ nhiều hơn với Mỹ trong nhu cần cần thiết phải đạt được một lộ trình giải quyết rõ ràng. Bởi theo quan điểm của Bắc Kinh, tiến trình hòa

[73] Report on Steps to Advance the Middle East Peace Process and to Promote the Establishment of a Nuclear-Weapon-Free Zone in the Middle East

<http://www.china-un.org/eng/chinaandun/disarmament_armscontrol/npt/t196289.htm>

[74] Chinese Special Envoy on the Middle East Issue Wang Shijie Talks about His Visit to the Middle East, 19/4/2005

<http://www.fmprc.gov.cn/eng/xwfw/wgjzxwzx/ipccfw/t192593.shtml>. Truy cập ngày: 25/4/2014

bình Trung Đông có tính quyết định đến hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới nói chung.

Trong khi vẫn duy trì các hoạt động ngoại giao con thoi của các đặc phái viên phụ trách Trung Đông, các chuyến thăm của các quan chức tới khu vực, cũng như hỗ trợ các nỗ lực quốc tế, vai trò trung gian còn được Trung Quốc mở rộng hơn thông qua việc đứng ra tổ chức các cuộc gặp gỡ, trao đổi giữa các bên liên quan tại Trung Quốc. Ngày 15/12/2006, một hội nghị chuyên đề về thúc đẩy hòa bình ở Trung Đông được tổ chức tại Bắc Kinh. Đây là hội nghị quốc tế đầu tiên được khởi xướng và bảo trợ bởi Bắc Kinh. Hội nghị có sự tham gia từ cả hai phía, Israel và Palestine. Cựu Ngoại trưởng Trung Quốc Lý Triệu Tinh đã có các cuộc gặp gỡ với tất cả các bên tham gia hội nghị. Cũng trong năm 2006, Bắc Kinh đã chủ trì cuộc đối thoại giữa bộ trưởng ngoại giao Palestine và ông Mahmoud Zahar, người đại diện phong trào Hamas thành viên.

Trong vấn đề Iraq, Trung Quốc phản đối nhưng không quá mạnh mẽ khi liên minh do Mỹ dẫn đầu xâm lược quốc gia Trung Đông này năm 2003. Các diễn biến phức tạp của tình trạng chiến tranh kéo dài ở Iraq sau đó đã khiến Trung Quốc phải lo ngại. Trung Quốc có lợi ích đối với một Iraq hòa bình và ổn định. Theo quan điểm của Trung Quốc, thống nhất, ổn định và phát triển là ba từ khóa để giải quyết tất cả các vấn đề gai góc của Iraq. Tuy nhiên, nước Mỹ và đồng minh sau hành động xâm lược đơn phương Iraq lại không thể tự lực vãn hồi được tình hình mà cần phải có sự hỗ trợ quốc tế mạnh mẽ và đầy đủ. Trung Quốc là một đối tác khá chủ động trong tất cả những nỗ lực này. Trong tháng 2/2005, người phát ngôn Bộ ngoại giao Trung Quốc, Khổng Tuyền cho biết, Trung Quốc hi vọng người dân Iraq đoàn kết và sớm ổn định đất nước. Trung Quốc sẵn sàng cùng cộng đồng

quốc tế giúp đỡ Iraq trong công cuộc tái thiết đất nước.[75] Trung Quốc đã tham gia vào Hiệp ước Quốc tế về Iraq (ICI) ngay từ khi hiệp ước ra đời vào ngày 28/6/2006. Tháng 3/2007, tại hội nghị của ICI tại Sharm ElSheikh (Ai Cập), ngoại trưởng Trung Quốc Dương Khiết Trì tuyên bố chính phủ Trung Quốc sẽ cung cấp cho một khoản trợ cấp khoảng 50 triệu nhân dân tệ (6.5 triệu USD) cho Iraq trong năm 2007 để cung cấp hỗ trợ y tế công cộng và giáo dục. Đặc biệt, Trung Quốc cũng tuyên bố giảm và xóa cho tất cả các khoản nợ của chính phủ Iraq.[76] Sự tham gia của Trung Quốc cùng với sự tham gia quốc tế khác góp phần tích cực vào công cuộc ổn định và quá trình tái thiết Iraq sau đó.

Đối với tiến trình giải quyết vấn đề hạt nhân Iran, Trung Quốc là quốc gia đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Với khả năng ảnh hưởng đối với Iran cả trong chính trị và kinh tế của Trung Quốc, phương Tây và một số nước Arab mong chờ một vai trò tích cực hơn của nước này trong các nỗ lực của cộng đồng quốc tế. Các cường quốc phương Tây, đặc biệt là Mỹ hối thúc Bắc Kinh tham gia vào những nỗ lực của họ để áp đặt các biện pháp trừng phạt chống lại Iran với hy vọng rằng tình trạng khó khăn kinh tế có thể buộc Tehran dừng chương trình hạt nhân của mình. Trung Quốc không ủng hộ và tỏ ra miễn cưỡng với các chính sách đó của phương Tây khi chúng đem lại tác động tiêu cực đến mối quan hệ kinh tế giữa nước này và Iran. Đồng thời, Trung Quốc thúc đẩy việc giải quyết vấn đề hạt nhân thông qua các cuộc đàm phán ngoại giao. Năm 2006, Trung Quốc cùng với Nga và Mỹ tham gia cùng EU3 (Anh, Pháp, Đức) thành lập nhóm P5+1 (5 thành viên thường trực

[75] China willing to continue help in Iraq's reconstruction, Xinhua, 15/2/2005, <http://news.xinhuanet.com/english/2005-02/15/content_2579623.htm>. Truy cập ngày: 25/4/2014

[76] China to Write Off Iraqi Debts <http://www.china.org.cn/english/international/209907.htm>. Truy cập ngày: 25/4/2014

Liên Hợp Quốc và Đức) giải quyết vấn đề hạt nhân của Iran bằng con đường ngoại giao. Trung Quốc ủng hộ việc giải quyết vấn đề hạt nhân trong khuôn khổ Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và đề xuất năm nguyên tắc để giải quyết vấn đề hạt nhân Iran: (1) kiên trì tiến trình đối thoại P5+1 với Iran, (2) tìm kiếm một giải pháp toàn diện, công bằng, thích hợp và mang tính lâu dài cho vấn đề, (3) tuân thủ nguyên tắc giải quyết vấn đề từng bước và có đi có lại, (4) tạo lập một bầu không khí thuận lợi cho việc đối thoại và đàm phán, và (5) theo đuổi cách tiếp cận mang tính biện chứng và chỉ ra cả dấu hiệu và nguyên nhân của vấn đề.[77] Bắc Kinh tin tưởng rằng những phương pháp này là phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Trong các vấn đề khác như cuộc khủng hoảng Lebanon (2006) hay xung đột sắc tộc ở Dufur (xảy ra ở Sudan từ năm 2003)…, Trung Quốc đã tích cực tham dự vào các cơ chế giải quyết và nhấn mạnh các giải pháp thông qua các kênh chính trị và ngoại giao với vai trò trung tâm của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc. Trung Quốc cũng đã tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc ở Sudan (từ năm 2005) và Lebanon (từ 2006), triển khai các hoạt động chống cướp biển quốc tế tại Vịnh Aden (từ năm 2009) cũng như cung cấp viện trợ nhân đạo cho người dân Palestine, Sudan và Lebanon.

Sự tham gia của Trung Quốc trong việc giải quyết các điểm nóng Trung Đông hơn thập kỷ qua đã nhận được những phản ứng tương đối tích cực từ các lực lượng khu vực cũng như cộng đồng quốc tế. Nhưng đánh giá một cách thẳng thắn, nguyên tắc không can thiệp và chính sách thực dụng của Trung Quốc khiến nước này luôn phải đối phó với các vấn đề một cách khá thụ động. Trung Quốc chưa sẵn sàng thoát ra khỏi vỏ bọc an toàn với

[77] China's Five Principles for a Comprehensive Solution of the Iranian Nuclear Issue, 2014/02/19 <http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjb/zzjg/xybfs/xwlb/t1129941.shtml>. Truy cập ngày: 26/4/2014

những đề xuất giải quyết sáo rỗng mà không đưa ra những cách giải quyết thiết thực cho các vấn đề. Thậm chí, trong thập niên đầu của thế kỷ 21, Trung Quốc còn bị một số nước phương Tây cáo buộc như là chủ thể làm làm suy yếu hiệu lực của các chế tài quốc tế và gây bất ổn khu vực. Lý do được đưa ra là Trung Quốc đã hậu thuẫn cho một số công ty quốc doanh của mình mà hoạt động trong lĩnh vực năng lượng và vũ khí tiếp tục các quan hệ làm ăn với những chế độ mà Phương Tây coi là bất hảo như Syria, Iran, Libya…, trục lợi từ sự cô lập quốc tế đối với các nước này.[78] Đồng thời, chính phủ Trung Quốc vẫn duy trì các quan hệ chính thức với các nhóm mà bị Hoa Kỳ, Liên Minh châu Âu và thậm chí cả Saudi Arabia xếp vào danh sách khủng bố như Hamas (Palestine), Hezbollah (Lebanon).

2.3.3 Phản ứng của Trung Quốc đối với Mùa xuân Arab

Làn sóng "Mùa xuân Arab" được bắt đầu từ Tunisia vào cuối năm 2010 và nhanh chóng lan rộng khắp các nước trong thế giới Ả Rập. Kết quả của nó là sự ra đi của hàng loạt nhà lãnh đạo sau nhiều thập kỷ cầm quyền tại các quốc gia này trong vòng chưa đầy hai năm và nhiều quốc gia rơi vào tình trạng bất ổn.

Sự bùng phát của Mùa Xuân Arab là quá đột ngột và Trung Quốc thực sự không có sự chuẩn bị cho tình huống như vậy. Nhiều thập kỷ, Trung Quốc duy trì chính sách không can thiệp nghiêm ngặt, chỉ tập trung phát triển quan hệ với các các chính phủ độc tài, các đảng cầm quyền trong khu vực và được hưởng lợi từ các quan hệ đó trong khi tránh xa các phong trào

[78] Scott Harold and Alireza Nader, China and Iran: Economic, Political, and Military Relations (Santa Monica, CA: RAND Corporation, 2012), p.3,5.

<http://www.rand.org/content/dam/rand/pubs/occasional_papers/2012/RAND_OP351.pdf >;

Reuters, *Exclusive: Iran helps Syria ship oil to China: sources*, 30/3/2012.

<http://www.reuters.com/article/2012/03/30/us-china-iran-syria-idUSBRE82T0D4 20120330>. Truy cập ngày: 26/4/2014

chính trị đối lập.[79] Bởi vậy, khi các cuộc nổi dậy xảy ra, Trung Quốc lâm vào tình trạng thiếu thông tin về các lực lượng đối lập cũng như xã hội phức tạp mà chúng nổi lên, dẫn tới sự thụ động trong việc đối phó với tình hình.

Phản ứng của Trung Quốc với Mùa xuân Arab tại Tunisia và Ai Cập

Ngay từ đầu, Trung Quốc nhìn nhận các diễn biến xảy ra ở Arab với sự thận trọng và trước những biến động diễn ra quá nhanh tại Tunisia và Ai Cập, Trung Quốc phần nào bị mất phương hướng. Nước này không thể ngay lập tức xác định được các phe phái nổi dậy như đảng đối lập al-Nahda ở Tunisia hay Tổ chức Anh em Hồi giáo ở Ai Cập là một đối tác tiềm năng hay một kẻ thù tiềm ẩn? Trung Quốc bị chi phối bởi nỗi lo sợ rằng các phong trào nổi dậy tại Trung Đông, diễn biến mà được phương Tây rao giảng như là "Cách mạng dân chủ, dân quyền" có thể lan tới Trung Quốc, đe dọa đến sự ổn định chính trị và vị thế độc tôn của Đảng cộng sản Trung Quốc. Vậy nên, chính quyền nước này đã tìm cách kiểm duyệt tin tức trong nước về các cuộc nổi dậy, nhìn nhận việc lật đổ chính quyền là hành động bất hợp pháp và có những động thái hỗ trợ cho các chính phủ độc tài. Đây là những động thái mà được học giả Jon B. Alterman cho là "quá thận trọng và thiếu sự khéo léo" khi mà "Mối quan hệ chặt chẽ với chế độ độc tài đã làm hư hỏng danh tiếng của Trung Quốc".[80]

Trung Quốc phải mất hai tháng kể từ khi chính quyền Ben Ali sụp đổ ở Tunisia (1/2011) đến sự ra đi của ông Mubarak ở Ai Cập (3/2012), để có

[79] Jon B. Alterman, *China in the Middle East*, Statement before the U.S.-China Economic and Security 2013,

<http://www.uscc.gov/sites/default/files/ALTERMAN_testimony.pdf>

[80] Jon B. Alterman, *China in the Middle East*, Statement before the U.S.-China Economic and Security 2013,

<http://www.uscc.gov/sites/default/files/ALTERMAN_testimony.pdf>

thể bắt đầu các quan hệ của mình với các lực lượng lãnh đạo mới ở cả hai nước. "Sự chậm chân" này của Trung Quốc đến từ chính sự xa lạ của Trung Quốc với các chính quyền mới cũng như sự hoài nghi của các chính quyền này dành cho Trung Quốc, một nước có quan hệ chặt chẽ với chế độ cũ. Đây rõ ràng là một thách thức cho lãnh đạo của Trung Quốc. Họ đã phải "sửa sai" bằng hàng loạt các động thái ngoại giao ráo riết sau đó. Ngày 18/3/2011, Trung Quốc công bố gói viện trợ nhân đạo trị giá 7.6 triệu USD dành cho Tunisia và Ai Cập.[81] Hàng loạt các chuyến thăm qua lại của các phái đoàn ngoại giao giữa Trung Quốc với Tunisia và Ai Cập đã được tổ chức mà đáng chú ý là của Ngoại trưởng Trung Quốc tới Ai Cập[82] và của Ngoại trưởng lâm thời Tunisia tới Trung Quốc vào vào tháng 5 năm 2011.[83] Các hoạt động ngoại giao tích cực của Trung Quốc tại Trung Quốc được tiếp tục trong năm 2012 đã đưa quan hệ Trung Quốc và hai nước trên trở lại ổn định.

Việc vị tổng thống dân bầu đầu tiên hậu Mubarak của Ai Cập, Mohamed Morsi đã chọn Trung Quốc làm điểm đến cho chuyến công du ngoài Trung Đông đầu tiên của mình trong tháng 8/2012 có thể coi là cột mốc đáng chú nhất trong quan hệ Trung Quốc và Ai Cập thời hậu Mubarak. Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào cũng đã tận dụng buổi đón tiếp tổng thống Morsi như là cơ hội tái khẳng định chính sách của Trung Quốc với Ai Cập thời kì mới khi ông nhấn mạnh: "Trung Quốc hiểu, tôn trọng ý chí của

[81] China offers humanitarian aid to Tunisia, Egypt

<http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-03/18/c_13786582.htm>. Truy cập ngày: 26/4/2014

[82] Egyptian Acting Head of State Tantawi Meets with Chinese Foreign Minister, 04/5/2011,

<http://eg.china-embassy.org/eng/zaigx/t821042.htm>. Truy cập ngày: 26/4/2014

[83] China believes Tunisia can realize social stability: vice president

<http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-05/20/c_13885657.htm>. Truy cập ngày: 26/4/2014

người dân Ai Cập, và hỗ trợ họ trong việc lựa chọn hệ thống chính trị và con đường phát triển phù hợp với tình hình của đất nước. Trung Quốc cũng hỗ trợ những nỗ lực của Ai Cập để bảo vệ chủ quyền, độc lập dân tộc và thúc đẩy tiến bộ kinh tế và xã hội."[84] Nhưng Trung Quốc né tránh đưa ra sự ủng hộ trực tiếp đối với các lực lượng đang nắm quyền. Điều đó phản ánh sự thận trọng trong chính sách ngoại giao của Trung Quốc với các nước còn ẩn chứa nhiều bất ổn. Những diễn biến sau đó như việc tổng thống Morsi bị lật đổ bởi một cuộc đảo chính quân sự (tháng 7/2013),[85] hay lực lượng Anh em Hồi giáo hậu thuẫn ông Morsi bị đàn áp và suy giảm ảnh hưởng tại Ai Cập càng củng cố sự thận trọng từ phía Trung Quốc.

Phản ứng của Trung Quốc với Mùa xuân Arab tại Libya

Khác với sự thay đổi chế độ diễn ra nhanh chóng và tương đối hòa bình ở Tunisia và Ai Cập, sự đối đầu giữa lực lượng đối lập và chính quyền Muammar el-Qaddafi đưa Libya rơi vào cảnh hỗn loạn và bạo lực vũ trang đẫm máu kéo dài. Tình hình đó đặt ra thách thức lớn sự an toàn của các khoản đầu tư và quan hệ thương mại của Trung Quốc tại Libya.[86] Trong khi

---

[84] Hu Jintao Holds Talks with Egyptian President Morsi, Trang web Bộ ngoại giao Trung Quốc (bản tiếng Anh), 28/8/22012,

<http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjb/zzjg/xybfs/xwlb/t965017.shtml>. Truy cập ngày: 27/4/2014

[85] Quân đội Ai Cập lật đổ tổng thống, Vnexpress, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/quan-doi-ai-cap-lat-do-tong-thong-2842879.html>. Truy cập ngày 27/4/2014

[86] Tháng 2/2011, Bộ thương mại Trung Quốc ra thông báo cho biết nước này gánh chịu tổn thất kinh tế lớn từ các vụ tấn công và cướp phá trong tình hình xung đột ở Libya tiếp diễn. Báo cáo nêu rõ có gần 36000 công dân hiện sinh sống, làm việc và có khoảng 75 công ty đang hoạt động tại Libya.

Nguồn: China says suffers "large-scale" economic losses in Libya, Reuters, 24/2/2011

<http://www.reuters.com/article/2011/02/24/libya-protests-china-idAFTOE71N06L20110224?pageNumber=1&%20virtualBrandChannel=0>;

Leslie Hook (2013), ‘‘Chinese groups chastened by conflict zones,’’ Financial Times (London),

<http://www.ft.com/intl/cms/s/0/3312c30e-a02d-11e2-88b6-00144feabdc0.html#axzz2hGId9wkr>. Truy cập ngày: 28/4/2014;

đó, để đảm bảo cho sự an toàn của của gần 36000 công dân Trung Quốc đang sinh sống và làm việc tại Libya, Trung Quốc đã phải tiến hành một cuộc sơ tán công dân được miêu tả là lớn nhất trong lịch sử nước CHND Trung Hoa với sự tham gia của cả lực lượng hải quân và không quân.[87]

Sự dính líu sâu trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại với chính quyền Qaddafi trong bối tình hình rối ren dai dẳng tại Libya đã đặt Trung Quốc vào tình thế khó xử. Nước này vừa phải chịu áp lực từ những lời kêu gọi của nhiều nước Arab và cộng đồng quốc tế trong việc thi hành chính sách cứng rắn hơn với chính quyền trong khi lại đối mặt với nguy cơ các lợi ích kinh tế tại Libya bị đe dọa khi chính quyền Qaddafi sụp đổ.

Vào cuối tháng 2 năm 2011, trùng với thời gian Trung Quốc khởi động các mối quan hệ của nước này với các lực lượng lãnh đạo mới tại Tunisia và Ai Cập, nước này đã bỏ phiếu chấp thuận Nghị quyết 1970 của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, theo đó áp đặt các lệnh trừng phạt về tài chính, di chuyển đối với các quan chức thuộc chế độ Qaddafi và một lệnh cấm vận vũ khí nhằm vào Libya.[88] Chưa đầy ba tuần sau, Trung Quốc bỏ phiếu trắng về Nghị quyết năm 1973 của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, ủy quyền cho Hội đồng Bảo an thiết lập một vùng cấm bay,[89] một động thái

---

Reuters, ‘‘China urges Libya to protect investments,’’ 23/8/2011.

<http://www.reuters.com/article/2011/08/23/us-china-libya-oil-idUSTRE77M0PD20110823>. Truy cập ngày: 28/4/2014

[87] 35,860 Chinese nationals in Libya evacuated: FM, People Daily Online, 3/3/2011

<http://english.peopledaily.com.cn/90001/90776/90883/7306385.html>, Truy cập ngày: 16/3/2014

[88] United States Mission to the United Nations, ‘‘Fact Sheet: UN Security Council Resolution 1970, Libya Sanctions’’ (New York, NY: 26/2/2011).

<http://usun.state.gov/briefing/statements/2011/157194.htm>, Truy cập ngày: 20/3/2014

[89] United States Mission to the United Nations, ‘‘Fact Sheet: New UN Security Council Resolution on Libya’’ (New York, NY: 18/3/2011).

mở đường của sự can thiệp quân sự vào Libya như việc NATO đã thực hiện sau đó.

Kinh nghiệm thu được từ Tunisia và Ai Cập về sự cần thiết phải tạo dựng mối quan hệ với các lực lượng đối lập đã thôi thúc Trung Quốc phải xem xét lại nguyên tắc không can thiệp của mình. Vào tháng 6/2011, Trung Quốc đã "nhúng những ngón chân của mình vào các cuộc xung đột"[90] khi lần đầu tiên các giới chức ngoại giao của nước này có các cuộc tiếp xúc với những người thuộc phe nổi dậy chống đối Qaddafi ở Qatar và sau đó là ở Benghazi dưới vỏ bọc là bàn bạc về tình trạng nhân đạo và sự an toàn của các doanh nghiệp Trung Quốc tại Libya.[91] Trong khi đó, một quan chức cao cấp của Hội đồng chuyển tiếp quốc gia của phe nổi dậy đã có các buổi hội đàm với Ngoại trưởng Trung Quốc Dương Khiết Trì tại Bắc Kinh vào cuối tháng 6/2011. Sự trao đổi này được tiếp nối trong tháng 7 khi một nhà ngoại giao cao cấp Trung Quốc đã có chuyến thăm tới Benghazi.

Tuy nhiên, sự tăng cường trao đổi với phe đối lập không đồng nghĩa với việc Trung Quốc chấm dứt các liên hệ của mình với chính quyền Qaddafi. Liên tiếp trong tháng 6 và tháng 7, các phái đoàn đại diện của Qaddafi được cử đến Bắc Kinh làm dấy lên nghi ngờ về sự hỗ trợ ngấm ngầm của Bắc Kinh dành cho chế độ Qaddafi.[92] Trung Quốc cũng là các

---

<http://usun.state.gov/ briefing/statements /2011/158614.htm>. Truy cập ngày 15/3/2014

[90] China's evolving foreign policy - The Libyan dilemma, 2011,

<http://www.economist.com/node/21528664>. Truy cập ngày 15/3/2014

[91] China's evolving foreign policy - The Libyan dilemma, 2011,

<http://www.economist.com/node/21528664>. Truy cập ngày 16/3/2014

[92] Theo thông tin mà hãng thông tấn báo chí The Globe and Mail của Canada thu thập được cho thấy trong chuyến thăm của phái đoàn đại diện chế độ Qaddafi tới Bắc Kinh vào tháng 7 năm 2011, các công ty sản xuất vũ khí Trung Quốc đã đồng ý cung cấp vũ khí cho chính quyền Qaddafi để chống lại phe đối lập, hành động mà trái với Nghị quyết của Hội Đồng Bảo An 1770 mà Trung Quốc đã phê chuẩn. Trong khi đó, các quan chức NTC cũng cho biết họ tin rằng một số

thành viên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc duy nhất không kêu gọi Qaddafi từ bỏ quyền lực. Thậm chí, khi chính quyền Qaddafi chính thức bị lật đổ vào cuối tháng 8/2011, mặc dù có cử thứ trưởng ngoại giao tham dự Hội nghị Paris về Libya (1/9/2011) nhưng Trung Quốc tỏ ra do dự trong việc công nhận Hội đồng Chuyển tiếp Quốc gia (NTC) là chính quyền hợp pháp của Libya và tuyên bố chỉ làm như vậy vào thời điểm thích hợp.[93] Thời điểm thích hợp mà Trung Quốc đề cập chỉ đến vào ngày 12/9/2011, khi mà Trung Quốc và NTC đạt được nhất trí cùng tuân thủ các hiệp ước và thỏa thuận mà đã được hai nước ký kết trước đây.[94] Trung Quốc trở thành thành viên thường trực cuối cùng của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc công nhận NTC.

Phản ứng của Trung Quốc với Mùa xuân Arab tại Syria

Syria không phải là quốc gia mà Trung Quốc có quá nhiều lợi ích về kinh tế. Bởi vậy, những toan tính của Trung Quốc trong cuộc khủng hoảng

---

quốc gia bao gồm Trung Quốc đã cung cấp vũ khí cho chính phủ Đại tá Qaddafi sau khi phê duyệt của Nghị quyết 1770.

Tuy nhiên, trong phát biểu ngày 5/9/2011, người phát ngôn bộ ngoại giao Trung Quốc Khương Du đã phủ nhận việc các công ty Trung Quốc có liên quan đến việc cung cấp vũ khí cho chính quyền Qaddafi và khẳng định Trung Quốc đã thực hiện đúng và có trách nhiệm đối với nghị quyết 1770 của Hội Đồng Bảo An.

Graeme Smith (2011), ‘‘China offered huge stockpiles of arms: Libyan memos,’’ Globe and Mail (Toronto), <http://www.theglobeandmail.com/news/world/china-offered-gadhafi-huge-stockpiles-of-arms-libyan-memos/article1363316>. Truy cập ngày 16/3/2014;

China: No Arms Sale to Gaddafi Authority, 5/9/2011,

<http://english.cri.cn/6909/2011/09/05/1781s656911.htm>. Truy cập ngày 16/3/2014

[93] China: Too Soon to Recognize Libya's NTC, 6/9/2011,

<http://english.cri.cn/6909/2011/09/06/2963s657075.htm>. Truy cập ngày 16/3/2014

[94] China Recognizes Libya's NTC, 12/9/2011.

<http://online.wsj.com/news/articles/SB10001424053111903532804576566691732240 40>. Truy cập ngày 16/3/2014

tại Syria không thiên về các vấn đề kinh tế, thương mại như ở Tunisia, Libya, hay Ai Cập mà các mục tiêu chính trị mới là các ưu tiên hàng đầu.

Syria là nơi được Trung Quốc sử dụng để khẳng định lại nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác trong quan hệ quốc tế, một nguyên tắc mà vốn đã bị suy yếu khá nhiều sau sự ra đời của các học thuyết "trách nhiệm bảo vệ" và "can thiệp nhân đạo" do Mỹ và Phương Tây đề ra. Các cuộc không kích của NATO vào Libya là trường hợp gần nhất minh chứng cho việc sử dụng "trách nhiệm bảo vệ" như là một cái cớ để can thiệp quân sự và rõ ràng nó đã khiến Trung Quốc phải lo ngại. Trung Quốc lo sợ rằng một tình huống tương tự như Libya được lặp lại sẽ tạo một tiền lệ xấu cho sự can thiệp từ bên ngoài vào các quốc gia có chủ quyền nhằm thay đổi chế độ, một nguy cơ có khả năng đe dọa chính các lợi ích cốt lõi của Trung Quốc về chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và tính chính danh của Đảng cộng sản Trung Quốc.

Bài học về Libya và các quan ngại về nguy cơ bị can thiệp từ bên ngoài đối với vào các bất ổn trong nước đã định hướng chính sách của Trung Quốc với Syria. Tính đến tháng 5/2014, Trung Quốc đã dùng quyền phủ quyết của họ đối với bốn bản dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Bảo an về Syria do các nước phương Tây đề xuất.[95] Lần lượt vào các ngày 16/2/2012 và 1/2/2012, Trung Quốc cũng đã bỏ phiếu trắng đối với các dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc lên án tội ác của chính quyền Bashar al-Assad. Trong vấn đề của

[95] Ba lần Trung Quốc và Nga dùng đến quyền phủ quyết của mình đối với các dự thảo của Hội Đồng Bảo An về Syria do phương Tây đề xuất bao gồm: ngày 04 tháng 10 năm 2011, phủ quyết dự thảo nghị quyết lên án cuộc đàn áp của chính phủ Syria đối với những người biểu tình; ngày 04 tháng 2 năm 2012, phủ quyết dự thảo nghị quyết kêu gọi Assad từ chức; ngày 19 tháng 7 năm 2012, phủ quyết dự thảo nghị quyết áp đặt trừng phạt kinh tế đối với chính phủ Syria và ngày 22 tháng 5 năm 2014, phủ quyết dự thảo nghị quyết đưa cuộc xung đột Syria ra Tòa án Tội phạm Quốc tế.

Syria, Trung Quốc đã bộc lộ một quan điểm cứng rắn một cách khác thường. Bởi không nhiều lần trước đó, Trung Quốc đi ngược lại các chương trình nghị sự của phương Tây mà cụ thể nhất là nước này đã không chống lại việc Mỹ và đồng minh tấn công Iraq hay Afhanistan. Dường như, qua trường hợp Syria, Trung Quốc muốn thể hiện một vị thế lớn hơn và tái khẳng định cam kết của mình trong nguyên tắc ngoại giao không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

Tuy nhiên, khác với một Trung Quốc đơn độc ở Libya thì tại Syria, Trung Quốc không hề đơn độc. Trung Quốc chia sẻ sự tương đồng quan điểm với Iran và đặc biệt là với Nga trong vấn đề Syria.

Có lẽ không có nước nào có vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng tới chính sách của Trung Quốc với Syria hơn Nga. Trong một quan hệ tương hỗ, Nga và Trung Quốc cùng coi nhau là "đối tác chiến lược" cần thiết để đối trọng lại ảnh hưởng của phương Tây trong quan hệ quốc tế nói chung và trong vấn đề Syria nói riêng. Nếu như Nga, nước mà có lợi ích kinh tế và an ninh đáng kể ở Syria, cần sự hỗ trợ của Trung Quốc đối với các sáng kiến, chính sách liên quan đến Syria của mình thì Trung Quốc lại cần đến sự hợp tác của Nga trong việc ngăn chặn các nỗ lực của phương Tây trong việc thiết lập "một luật chơi mới trong thế giới hiện đại mà theo đó lật đổ chính quyền của một quốc gia có chủ quyền thông qua sự can thiệp".[96] Bởi vậy, không là quá khó hiểu khi Nga và Trung Quốc luôn đạt được sự đồng thuận trong các lần mà hai nước phủ quyết hay bỏ phiếu trắng đối với các nỗ lực của phương Tây trong việc lên án hay cô lập chính quyền Syria.

[96] Sino-Russia strategic cooperation contributes to world peace <http://www.chinadaily.com.cn/opinion/2012-12/26/content_16058128.htm>. Truy cập ngày: 5/4/2014

Ngoài ra, một lý do khác có thể giải thích cho sự cương quyết của Trung Quốc trong vấn đề Syria là những toan tính của nước này trong việc kiềm chân Mỹ tại Trung Đông. Khi tổng thống Obama lên cầm quyền, nước Mỹ bắt đầu có sự dịch chuyển trọng tâm đối ngoại của mình về khu vực châu Á-Thái Bình Dương và bước đầu thoái lui phần nào ảnh hưởng khỏi Trung Đông. Năm 2011, chiến lược "xoay trục" về Châu Á-Thái Bình Dương chính thức được Mỹ công bố với trọng tâm là thúc đẩy các quan hệ đồng minh, tăng cường sự hiện diện quân sự tại khu vực và thiết lập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương mà không có sự tham gia của Trung Quốc. Sự điều chỉnh của Mỹ bị Trung Quốc coi như là chiến lược bao vây Trung Quốc. Bởi vậy, Trung Quốc thấy cần thiết phải làm phân tán sự tập trung của Mỹ ra khỏi Thái Bình Dương. Syria là cơ hội tốt để Trung Quốc làm điều đó.

Trong khi phản đối một cách tương đối cứng rắn sự can thiệp của bên ngoài vào tình hình Syria, Trung Quốc nhấn mạnh đến vai trò "trung gian hòa giải" cho cuộc xung đột tại quốc gia Arab này, một vai trò mà cho phép Trung Quốc cùng lúc tiếp cận với cả chính quyền hiện tại cũng như với phe đối lập tại Syria. Đầu năm 2012, trong vai trò của các đặc phái viên, Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Zhang Ming và cựu Đại sứ Trung Quốc tại Syria Li Huaxin đã được chính phủ nước này cử đến Syria và các nước Trung Đông để thực hiện trách nhiệm "hòa giải" cuộc xung đột Syria. Trong chuyến thăm Syria từ ngày 6-7/3/2012, Đặc phái viên Li Huaxin của Trung Quốc đã có các cuộc gặp với các quan chức chính phủ Syria và những người lãnh đạo phe đối lập và thúc đẩy các bên ngay lập tức chấm dứt tình trạng bạo lực.[97] Cùng với các hành động độc lập, Trung Quốc cũng tích cực tham

[97] Cheng Guangjin, "China Cements Role as Global Mediator," The China Daily, 28/12/2012. <http://usa.chinadaily.com.cn/epaper/2012-12/28/content_16065082.htm>. Truy cập ngày 24/3/2014

gia nhiều hơn trong các khuôn khổ giải quyết quốc tế đối vấn đề Syria. Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị Geneva II về Syria ở Montreux, Thụy Sỹ, ngoại trưởng Trung Quốc đã nhấn mạnh một giải pháp chính trị hòa bình thông qua đàm phán là cách thức duy nhất hiện thực và khả thi cho vấn đề Syria.[98] Đồng thời, ông cũng kêu gọi "các bên nên tuân theo nguyên tắc đàm phán từng bước, từ dễ tới khó và đạt được những thỏa thuận khung trên nguyên tắc và định hướng của các cuộc đối thoại hòa bình. Cùng lúc đó việc ngừng bắn và chấm dứt bạo lực cần phải thực hiện càng sớm càng tốt để tạo bầu không khí và điều kiện cần thiết cho tiến trình đối thoại hòa bình."[99]

Dù trên thực tế, Trung Quốc những nỗ lực hòa giải của Trung Quốc là không đạt được hiệu quả nhưng nó cho thấy Trung Quốc muốn thể hiện rằng nó có cách thể hiện trách nhiệm của mình mềm dẻo hơn nhiều là sự can thiệp và áp đặt từ bên ngoài. Những nỗ lực này không chỉ xoa dịu sự chỉ trích từ phương Tây khi ba lần Trung Quốc phủ quyết các dự thảo nghị quyết của Hội Đồng Bảo an, sự phòng ngừa rủi ro khi thay đổi chế độ tại Syria mà còn góp phần giúp Trung Quốc kiểm soát được các quan hệ với các nước Arab Vùng Vịnh vốn chống Assad, gia tăng uy tín của Trung Quốc trên trường quốc tế. Tuy các diễn biến bất ổn tại Syria vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt và đòi hỏi những nỗ lực nhiều hơn của Trung Quốc trong tương lai.

*

* *

[98] Wang Yi's opening speech at the Geneva 2 Conference, <http://www.voltairenet.org/article181905.html>. Truy cập ngày 23/3/2014

[99] Conflicting Parties in Syria, respectively , 23/3/2014, <http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjb/zzjg/xybfs/xwlb/t1123142.shtml>. Truy cập ngày 24/3/2014

Như vậy, đánh giá một cách tổng quát, quan hệ Trung Quốc – Trung Đông thời kỳ 1949-2014 về cơ bản diễn biến theo chiều hướng phát triển đi lên. Trong giai đoạn đầu từ 1949 -1978, những mối liên hệ giữa các bên còn ít và chịu sự chi phối của yếu tố ý thức hệ trong bối cảnh cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn nên tiến trình thiết lập quan hệ chính thức giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông gặp nhiều khó khăn. Nhưng xu hướng cải thiện cũng đã được hiện lên khá rõ từ đầu thập niên 1970. Sang giai đoạn thứ hai từ 1978-2001, quan hệ Trung Quốc – Trung Đông thoát hẳn khỏi cái bóng của vấn đề ý thức hệ và xu hướng cải thiện được tiếp tục. Trung Quốc và toàn bộ các nước Trung Đông đã thiết lập quan hệ chính thức với nhau. Các yếu tố về kinh tế, thương mại cũng dần nổi lên đóng vai trò quan trọng xu thế hợp tác giữa hai bên. Và trong giai đoạn gần đây nhất từ năm 2001-2014, quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông đã đạt đến mức độ sâu sắc chưa từng có trong lịch sử. Trong đó, các quan hệ về năng lượng, kinh tế là gam màu chủ đạo và làm tăng tính phụ thuộc giữa hai bên. Trong khi đó, mối quan hệ về mặt chính trị, ngoại giao giữa các nước Trung Đông cũng tiếp tục được củng cố với vai trò ngày các tích cực của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, sự bùng phát của chủ nghĩa khủng bố ở Trung Đông, sự gia tăng các diễn biến bạo lực liên quan đến các lực lượng ly khai, chủ nghĩa cực đoan mang yếu tố Hồi giáo ở Trung Quốc đã tạo ra nét mới, nhưng cũng làm phức tạp hơn mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. Hơn nữa, cuộc cách mạng Mùa xuân Arab bùng nổ từ cuối năm 2010, đến nay chưa có dấu hiệu kết thúc cũng khiến Trung Quốc đã phải rất vất vả để có thể duy trì quan hệ với một số nước trong khu vực chịu ảnh hưởng trong thời gian qua, trong khi tương lai của những mối quan hệ đó vẫn ở trong tình trạng bất định.

CHƯƠNG 3

TƯƠNG LAI QUAN HỆ TRUNG QUỐC- TRUNG ĐÔNG

Lợi ích là động lực, là yếu tố chi phối hành vi của các chủ thể trong mọi mối quan hệ. Trong quan hệ quốc tế cũng vậy, sự mở rộng hay thu hẹp đối với lợi ích của mỗi bên cùng với mức độ chia sẻ lợi ích chung giữa các bên trong một mối quan hệ sẽ thúc đẩy hoặc hạn chế sự tham gia của họ trong mối quan hệ đó. Tuy nhiên, khả năng thu được lợi ích của mỗi bên và mức độ sâu sắc của một mối quan hệ không hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của các chủ thể tham gia. Chúng còn chịu tác động bởi vào nhiều yếu tố khác mà có thể đem đến thuận lợi hay thách thức hoặc cả hai đối với mối quan hệ giữa các bên. Vậy nên, để có thể đưa ra được các đánh giá về tương lai của mối quan hệ Trung Quốc – Trung Đông, trước hết, chúng ta phải xem xét lợi ích của mỗi bên và lợi ích chung giữa họ lớn đến đâu. Bên cạnh đó, những thuận lợi và thách thức cho mối quan quan cũng cần phải được cân nhắc.

3.1 Những lợi ích thúc đẩy quan hệ Trung Quốc – Trung Đông

3.1.1 Lợi ích trong lĩnh vực năng lượng

An ninh năng lượng sẽ vẫn tiếp tục là thành tố đầu tiên và quan trọng nhất chi phối chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Trung Đông. Theo các con số thống kê năm 2011, dầu mỏ hiện là loại năng lượng được tiêu thụ nhiều thứ hai sau than (69%) tại Trung Quốc, chiếm 18% tổng lượng năng lượng tiêu thụ cả nước. Những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc chậm lại do chịu ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng không vì thế mà lượng tiêu thụ và sự lệ thuộc vào nguồn năng lượng dầu mỏ của nước này giảm đi. Năm 2013, Trung Quốc tiêu thụ tới

10,7 triệu thùng dầu mỗi ngày, tăng 380 nghìn thùng hay tương đương 4% so với năm 2012.

Hơn nữa, do việc sử dụng than quá mức nên những năm gần đây, tình trạng ô nhiễm không khí của Trung Quốc đặc biệt là ở các đô thị trở nên đáng báo động khiến chính quyền nước này buộc phải đưa ra kế hoạch cắt giảm việc sử dụng than xuống dưới 65% tổng lượng tiêu thụ năng lượng quốc gia vào năm 2017. Áp lực tăng trưởng trong tương lai sắp tới của Trung Quốc sẽ phải dựa vào các nguồn năng lượng thay thế than như thủy điện, khí tự nhiên, điện hạt nhân và đặc biệt là dầu mỏ.[100]

Tuy nhiên, một thực trạng không mấy khả quan cho Trung Quốc là nguồn tài nguyên dầu của nước này là không nhiều và khả năng tự sản xuất dầu ở trong nước còn hạn chế. Hiện tại trong số gần 11 triệu thùng tiêu thụ mỗi ngày của Trung Quốc, nước này chỉ sản xuất được khoảng 4.5 triệu thùng mỗi ngày trong khi số còn lại phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nhập khẩu. Sự "khát khao tự chủ" về nguồn dầu mỏ là một trong các lý do giải thích cho những nỗ lực tăng cường sản xuất dầu trong nước và cả sự quả quyết hơn trong những năm gần đây của Trung Quốc đối với các tranh chấp lãnh thổ tại các khu vực Biển Đông và Biển Hoa Đông, những nơi mà được cho là có tài nguyên dầu mỏ. Nhưng theo các ước tính của Cục thông tin năng lượng Mỹ (EIA) thì khả năng sản xuất dầu và nhiên liệu hóa lỏng của Trung Quốc sẽ không thể tăng nhiều trong thời gian tới và phải tới năm 2040 mới có khả năng đạt được mức 5.6 triệu thùng mỗi ngày, tương đương với một nửa lượng tiêu thụ của Trung Quốc năm 2014 được dự báo bởi EIA (11.2 triệu thùng mỗi ngày).[101] Sự lệ thuộc vào nguồn cung dầu mỏ từ bên

[100] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ <http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf>

[101] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf

ngoài của Trung Quốc là không thể tránh khỏi. Năm 2009, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu dầu thô lớn thứ hai thế giới và theo EIA rất có thể trong năm 2014, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ để trở thành nước nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới.[102]

Năng lực dự trữ dầu lại là một vấn đề khác mà Trung Quốc đang và sẽ phải đối mặt. Nước này đã thiết lập chương trình dự trữ dầu chiến lược ngay từ đầu những năm 2000 và có kế hoạch sẽ tăng năng lực dự trữ dầu lên 500 triệu thùng vào năm 2020 nhưng hiện tại lượng dầu dự trữ của Trung Quốc mới chỉ dừng lại ở khoảng hơn 160 triệu thùng. Con số đó thấp hơn rất nhiều lượng dự trữ 727 triệu thùng mà Mỹ đang sở hữu và gần như chỉ có thể đảm bảo cho sự hoạt động của nền kinh tế Trung Quốc không quá ba tuần nếu xảy ra tình huống các nguồn cung dầu của nước này hiện tại bị ngắt đột ngột vì một lý do nào đó.[103]

Rõ ràng, các nhà lãnh đạo Trung Quốc hơn ai hết hiểu được sự dễ tổn thương của nền kinh tế Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay và các giai đoạn tiếp theo khi phải phụ thuộc quá nhiều vào nguồn dầu mỏ nhập khẩu. Họ hiểu được tầm quan trọng của sự cần thiết để đảm bảo một nguồn cung năng lượng đầy đủ và thông suốt nhằm nuôi sống nền kinh tế cũng như đảm bảo sự ổn định của đất nước. Do vậy, không có gì ngạc nhiên nếu trong chính quyền Tập Cận Bình hiện nay hay các chính quyền sau đó tiếp nối cuộc hành trình của những người tiền nhiệm Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào trong việc đẩy mạnh mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông với nòng cốt là hợp tác năng lượng. Trung Đông đơn giản là vùng đất không thể

[102] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf

[103] Strategic petroleum reserve, <http://energy.gov/fe/services/petroleum-reserves>. Truy cập ngày: 6/4/2014

bỏ qua và nó sẽ có vai trò quan trọng trong bất kì toan tính chiến lược đối ngoại nào của Trung Quốc trong tương lai.

Trên thế giới hiện nay, không đâu khác ngoài Trung Đông, nơi chiếm gần 60% dự trữ dầu toàn cầu,[104] có khả năng đáp ứng được nhu cầu dầu mỏ của Trung Quốc. Bất chấp những nỗ lực nhằm đa dạng nguồn cung dầu của Trung Quốc, Trung Đông hiện vẫn là nhà cũng ứng dầu số một cho nước này. Năm 2013, trung bình số dầu Trung Đông xuất khẩu sang Trung Quốc là 29 triệu thùng dầu/ngày, chiếm 52% lượng dầu nhập của Trung Quốc. Trong khi đó, lượng dầu xuất khẩu của các khu vực khác tới Trung Quốc thấp hơn rất nhiều, cụ thể là: Châu Phi với 1,3 triệu thùng/ngày (23%); Châu Mỹ với 562000 thùng/ngày (10%), Châu Á-Thái Bình Dương với 129000 thùng/ngày (2%) và 736000 thùng/ngày (13%) từ các quốc gia khác. Nhiều đối tác năng lượng hàng đầu của Trung Quốc như Saudia Arabia, Oman, Iran, Iraq,… đều nằm ở Trung Đông.[105] Khu vực này đơn giản là vùng đất không thể bỏ qua và sẽ có vai trò quan trọng trong bất kì toan tính chiến lược đối ngoại nào của Trung Quốc trong tương lai.

Ở chiều ngược lại, sau nhiều thập kỷ, nhiều quốc gia ở Trung Đông vẫn tồn tại nhờ vào dầu mỏ. Tiêu biểu trong số đó là Saudi Arabia và Iran, hai nước có ảnh hưởng lớn trong các vấn đề khu vực. Theo báo cáo của IMF, nguồn thu từ xuất khẩu dầu mỏ hiện chiếm tới 80% giá trị xuất khẩu và hơn 40% GDP của Saudi Arabia năm 2013.[106] Đối với Iran, trong năm 2010, nguồn thu từ dầu xuất khẩu chiếm 80% dự trữ ngoại tệ và 60% tổng ngân

[104] World Oil Reserves by Region, 2010.
<http://theogm.com/2010/10/29/planet-earths-reserves>

[105] Báo cáo về năng lượng Trung Quốc của Cục thông tin năng lượng Hoa Kỳ <http://www.eia.gov/countries/analysisbriefs/China/china.pdf>

[106] Saudi Arabia, IMF Country Report No. 13/229
http://www.imf.org/external/pubs/ft/scr/2013/cr13229.pdf

sách quốc gia của nước này.[107] Tài nguyên dầu mỏ dồi dào là công cụ đắc lực giúp nhiều nước Trung Đông thực hiện các chính sách đối nội và đối ngoại của mình. Một vài chính phủ khu vực đang tìm cách giảm sự phụ thuộc vào dầu mỏ thông qua việc đa dạng hóa ngành nghề, cơ cấu kinh tế. Nhưng sự không phụ thuộc ấy không thể diễn ra trong tương lai gần. Bởi vậy, ưu tiên hàng đầu của các nước này là phải duy trì, phát triển các thị trường xuất khẩu dầu, giữ cho giá dầu không biến động đột ngột để qua đó duy trì hoặc tăng thu ngân sách, ổn định chính trị, xã hội trong nước cũng như đảm bảo vị thế trong các vấn đề khu vực và quốc tế.

Trong thập kỷ trước, các nước Trung Đông đã được hưởng lợi rất nhiều trong giai đoạn "sốt dầu", diễn ra từ sau sự kiện Mỹ tấn công Iraq năm 2003 đến năm 2007. Tuy nhiên, từ năm 2008, nhiều biến động trên thế giới diễn ra khiến cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu dầu khí của các nước khu vực bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực. Tình trạng suy thoái kinh tế cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các nguồn năng lượng thay thế do các tiến bộ khoa học công nghệ đã dẫn đến nhu cầu nhập khẩu dầu từ Trung Đông của các cường quốc kinh tế phương Tây và Nhật Bản giảm xuống. Gía dầu cũng trở nên bớt đắt đỏ hơn. Đáng kể nhất là nước Mỹ với cuộc "Cách mạng đá phiến dầu" (Shale Gas Revolution) năm 2008 và việc phát hiện các mỏ dầu mới ở Vịnh Mexico, đã trở thành nước tự sản xuất dầu đứng đầu thế giới và giảm đáng kể lượng dầu nhập từ Trung Đông. Nó phần nào giải phóng nước Mỹ khỏi trách nhiệm phải bảo vệ khả năng tiếp cận vùng dầu mỏ Trung Đông, điều vốn được coi là trọng tâm chiến lược toàn cầu của nước này kể từ sau khi Thế chiến thứ hai. Bối cảnh như vậy, thúc ép các nước Trung Đông phải tiến hành đồng thời việc khai phá các thị trường tiêu thụ năng

[107] Iran oil exports top 844mn barrels,
<http://edition.presstv.ir/detail/130736.html>. Truy cập ngày: 20/4/2014

lượng mới và thúc đẩy các quan hệ với các đối tác năng lượng truyền thống tiềm năng. Với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, tốc độ phát triển nhanh và đang trong "cơn khát dầu", Trung Quốc là một thị trường hấp dẫn với các nước xuất khẩu dầu khí Trung Đông.

Như vậy, cả Trung Quốc và Trung Đông cùng chia sẻ lợi ích trong việc thúc đẩy các quan hệ năng lượng lớn hơn trong tương lai. Sự tăng cường hợp tác năng lượng sẽ giúp Trung Quốc giảm bớt nguy cơ về thiếu hụt năng lượng và giúp các nước Trung Đông đảm bảo đầu ra cho sản phẩm xuất khẩu chính của họ. Những lợi ích thu được từ quan hệ năng lượng là tiền đề để Trung Quốc và các nước Trung Đông thực hiện các mục tiêu chính trị, kinh tế nội bộ và đối ngoại của riêng mình, cũng như thúc đẩy các quan hệ hợp tác cùng có lợi trong lĩnh vực khác. Hơn nữa, đối với các nước Trung Đông, Trung Quốc không phải là một đối tác xa lạ. Hai bên đã có lịch sử phát triển các quan hệ năng lượng từ thập niên 1980 và đặc biệt bùng nổ kể từ đầu thế kỷ 21. Tuy vậy, Trung Quốc dường như đang ở thế chủ động hơn trong mối quan hệ này. Sự giảm cầu từ các đối tác truyền thống của Trung Đông đồng nghĩa với việc khu vực này sẽ yếu thế hơn trong thị trường cung ứng năng lượng. Trung Quốc cũng có thể tiếp cận các nguồn dầu mỏ Trung Đông mà vấp phải ít sự cạnh tranh hơn. Khả năng chi phối thị trường suy giảm và nhu cầu cần tìm nguồn cung thay thế của các nước xuất khẩu dầu Trung Đông sẽ là những lợi thế mà Trung Quốc có thể tận dụng trong việc đàm phán giá cả hay các thỏa thuận hợp tác năng lượng trong tương lai.

3.1.2 Tiềm năng hợp tác về kinh tế

Bắt đầu từ cuối những năm 1970, trải qua bốn thập kỷ, quan hệ kinh tế, thương mại giữa Trung Quốc với các nước Trung Đông đã tăng lên đáng

kể và chắc chắn sẽ không dừng lại khi mà tiềm năng hợp tác giữa bên vẫn còn rất lớn.

Hai nền kinh tế Trung Quốc và Trung Đông hiện nay có mối quan hệ tương hỗ và phụ thuộc. Các nước khu vực Trung Đông với tổng dân số khoảng 336 triệu dân sẽ là thị trường tiêu thụ lớn cho các loại hàng hóa và dịch vụ của Trung Quốc.[108] Nhiều quốc gia trong khu vực giàu có nhờ tài nguyên dầu mỏ nhưng nền công nghiệp vẫn duy trì ở tình trạng kém phát triển và không thể đáp ứng đủ được nhu cầu các sản phẩm tiêu dùng hằng ngày cho người dân trong nước. Do vậy, các loại hàng hóa xuất khẩu truyền thống của Trung Quốc đến khu vực này như sản phẩm dệt may, thiết bị gia đình-văn phòng, đồ điện tử… tiếp tục có nhu cầu rất lớn từ các nước Trung Đông. Giá rẻ và chất lượng tốt lên do được đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất sẽ là những lợi thế rất lớn cho các loại hàng hóa của Trung Quốc tại khu vực. Bên cạnh đó, Trung Đông còn là thị trường "màu mỡ" cho người lao động cũng như các doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ xây dựng, viễn thông và tài chính của Trung Quốc. Điều đó không chỉ giúp Trung Quốc giảm bớt áp lực về tình trạng thất nghiệp mà còn tăng nguồn thu ngoại tệ cho nước này. Việc thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các nước Trung Đông, chủ yếu là các nước Arab Vùng Vịnh với tiềm lực tài chính vững mạnh, sẽ phần nào giúp Trung Quốc giảm nhẹ áp lực vốn cho các dự án phát triển kinh tế trong nước.

Trong khi đó, khi mối quan hệ kinh tế với Trung Quốc phát triển, người dân Trung Đông sẽ có nhiều sự lựa chọn hơn cả về chủng loại và giá cả đối với các loại hàng hóa, dịch vụ. Người lao động từ Trung Quốc sẽ làm thay những cư dân Trung Đông những công việc mà họ không muốn làm.

[108] Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới
<http://www.tradingeconomics.com/middle-east-and-north-africa/population-total-wb-data.html>

Trên phương diện rộng lớn hơn, nhu cầu về một nền kinh tế đa dạng không chỉ phụ thuộc về dầu cũng đang khiến nhiều nước Trung Đông tiến gần hơn về phía Trung Quốc, quốc gia mà họ xem là có rất nhiều kinh nghiệm trong phát triển kinh tế cũng như quản lý xã hội trong điều kiện đổi mới kinh tế. Các nước này chào đón và được hưởng lợi từ các dự án đầu tư, sự trợ giúp phát triển của Trung Quốc mà không kèm theo ràng buộc về thay đổi chính trị như ở phương Tây. Ngoài ra, Trung Quốc, đất nước đông nhất thế giới với hơn 1,4 tỉ dân, trong đó khoảng 21 triệu người Hồi giáo sinh sống, cũng được các nước Trung Đông xem là điểm đến tiềm năng của hàng hóa, dịch vụ trong tương lai.

Hơn nữa, với hàng loạt các cơ chế, khuôn khổ hợp tác về kinh tế đã được thiết lập trong hơn mười năm qua như: quan hệ đối tác chiến lược, diễn đàn hợp tác, đặc khu kinh tế, hội chợ… Trung Quốc và Trung Đông hiện sở hữu một nền tảng tương đối vững chắc cho việc tiếp tục theo đuổi các quan hệ kinh tế, thương mại sâu sắc hơn.

3.1.3 Sự nổi lên của yếu tố về chính trị, an ninh

Ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế, mối quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông trong tương lai còn có thể được thúc đẩy bởi những yếu tố khác. Đó là những lợi ích về chính trị và an ninh giữa các bên, đặc biệt là đối với Trung Quốc. Trung Quốc hiện đang chịu áp lực rất lớn trong việc phải phát triển các quan hệ chính trị và an ninh mạnh mẽ hơn với các nước Trung Đông bởi hai lý do sau:

Thứ nhất, yêu cầu bảo vệ nguồn cung năng lượng và lợi ích kinh tế.

Chính quyền của những người tiền nhiệm Tập Cận Bình đã vẽ ra một bức tranh khá đối lập trong quan hệ với Trung Đông. Trong khi sự lệ thuộc của Trung Quốc vào các nước Trung Đông về an ninh năng lượng cũng như

các lợi ích về kinh tế của Trung Quốc tại khu vực ngày càng tăng lên thì ảnh hưởng chính trị, an ninh của Trung Quốc tại khu vực hiện vẫn ở mức rất hạn chế. Điều này có thể dễ hiểu trong bối cảnh mà phần lớn các nỗ lực đối ngoại của Trung Quốc thập kỉ qua đều nhằm tập trung vào lĩnh vực kinh tế và các chính sách Trung Đông của nước này dĩ nhiên không nằm ngoài đường hướng đó. Tuy nhiên, hệ quả của việc thiếu vắng sự hiện diện chính trị-an ninh, đặc biệt là nguy cơ gián đoạn về nguồn cung, biến động giá năng lượng, lại là điều mà Trung Quốc phải cân nhắc bởi hai lý do. Thứ nhất, Trung Quốc rất dễ bị tổn thương bởi những biến động xảy ra trong khu vực. Minh chứng cho gần đây nhất cho điều này là Trung Quốc đã không thể phản ứng nhanh chóng trước tình hình khu vực trong phong trào Mùa Xuân Arab. Trung Quốc đã thiếu thông tin, sự liên hệ chính trị cần thiết với chính quyền và các lực lượng đối lập để có thể dự báo tình tình hình và phòng tránh rủi ro kịp thời. Hệ quả là, các công ty Trung Quốc đã phải gánh chịu mức thiệt hại hàng tỉ USD[109] và rất vất vả để thiết lập quan hệ với các chính quyền mới trong sự lo lắng các lợi ích của Trung Quốc không được bảo vệ. Thứ hai, Trung Quốc dễ bị ảnh hưởng bởi các chính sách của các cường quốc hiện có ảnh hưởng lớn tại khu vực, đặc biệt là Mỹ. Trong nhiều thập kỷ, Mỹ duy trì vị thế là cường quốc ngoài khu vực có ảnh hưởng lớn nhất tại Trung Đông. Nhiều biến động khu vực xảy ra xuất phát từ sự nhúng tay của Mỹ. Các quan hệ về năng lượng, kinh tế và thương mại giữa Trung Quốc với các nước Trung Đông hiện nay cũng đang hoạt động dưới cái ô an ninh của Mỹ. Những đồn đoán gần đây về một kế hoạch thoái lui của Mỹ tại Trung Đông khi thực hiện việc giảm nhập dầu và rút quân khỏi Iraq, đã không khỏi gây ra lo lắng từ phía Trung Quốc. Đó không chỉ là lo lắng khi Mỹ sẽ có thể

[109] China says suffers "large-scale" economic losses in Libya, Reuters,24/2/2011 <http://www.reuters.com/article/2011/02/24/libya-protests-china-idAFTOE71N06L20110224?pageNumber=1&%20virtualBrandChannel=0>

dồn nhiều tiềm lực hơn trong chính sách xoay trục của nước này về Châu Á-Thái Bình Dương (vốn bị Trung Quốc coi là một sự bao vây nhằm vào nước này) mà còn là sự lo lắng về nguy cơ Trung Đông trở nên hỗn loạn trong khi Trung Quốc chưa đủ khả năng kiểm soát tình hình. Bởi vậy, để có thể bảo đảm nguồn cung năng lượng thông suốt, bảo vệ các lợi ích kinh tế và thương mại của mình tại Trung Đông, Trung Quốc đồng thời phải tiến hành các động thái nhằm giữ chân Mỹ ở lại Trung Đông trong thời gian nhất định để có thể duy trì một môi trường an ninh thuận lợi cho quan hệ năng lượng và kinh tế, thương mại của mình với khu vực. Song song với đó, Trung Quốc cần gia tăng sự hiện diện chính trị và an ninh của nước này thêm nữa để có thể đảm bảo sự tự chủ trong điều kiện các biến động khu vực và bên ngoài tác động.

Thứ hai, gia tăng ảnh hưởng tại Trung Đông là nhân tố quan trọng trên con đường trở thành quyền lực toàn cầu của Trung Quốc.

Trung Quốc đang trong hành trình chủ động tìm kiếm quyền lực toàn cầu của mình. Không còn hoài nghi gì nữa, đó là một thực tế mà đã được ông Tập Cận Bình đã thể hiện ngay từ khi bắt đầu nhiệm kỳ của mình. Ông Tập Cận Bình không ít lần nhấn mạnh đến sự cần thiết của sự phục hưng dân tộc và đường hướng ngoại giao nước lớn của Trung Quốc. Ông Tập nói riêng và tầng lớp lãnh đạo mới nói chung cảm thấy tự tin về những gì Trung Quốc có thể đạt được sau những thành công kinh tế trong thời kỳ trước đó. Đồng thời họ cũng bị thúc đẩy bởi niềm tự tôn của một dân tộc được coi là trung tâm của thế giới.

Thế giới đang nhìn về Châu Á-Thái Bình Dương và Trung Quốc trong tương lai chắc chắn cũng sẽ tiếp tục đặt khu vực này là ưu tiên đối ngoại của mình. Châu Á-Thái Bình Dương sẽ là đấu trường chính của các cường quốc và dĩ nhiên Trung Quốc muốn nó là sân nhà của mình. Tuy nhiên, con

đường trở thành một quyền lực toàn cầu không gắn với riêng Châu Á – Thái Bình Dương hay một khu vực duy nhất mà phải có được ảnh hưởng mạnh mẽ ở nhiều khu vực. Bởi vậy, nó sẽ là thiếu sót nếu các cường quốc không cân nhắc ý nghĩa quan trọng chiến lược của khu vực Trung Đông. Khu vực này vẫn là khu vực không thể bỏ qua trên bàn cờ chính trị thế giới.

Không đơn thuần là năng lượng và kinh tế, Trung Quốc hiện cũng có nhiều lợi ích mang tính địa chiến lược ở khu vực Trung Đông. Xây dựng được cho mình một chỗ đứng vững chắc hay cao hơn là kiểm soát được Trung Đông đồng nghĩa với việc Trung Quốc sẽ giảm bớt các rủi ro về kinh tế cũng như an ninh trong nước trong khi gia tăng quyền lực và khả năng tự do hành động trong quan hệ quốc tế. Điều đó được thể hiện qua năm yếu tố: Thứ nhất, ngăn cản sự kiểm soát đơn phương của một cường quốc đối với toàn bộ khu vực; Thứ hai, ngăn chặn sự nổi lên của các chế độ có xu hướng chống Trung Quốc tại khu vực; Thứ ba, ngăn chặn, phản đối sự hỗ trợ chính thức của các chính phủ khu vực cho sự độc lập của Đài Loan hay các lực lượng ly khai khác tại Trung Quốc; Thứ tư, kiềm chế các nguy cơ an ninh phi truyền thống; Thứ năm, đạt được sự hỗ trợ của các nước khu vực cho chiến lược ngoại giao của Trung Quốc. Đây đều có thể coi là các lợi ích cốt lõi của Trung Quốc, là điều kiện thiết yếu cho sự thống nhất, ổn định, phát triển và vươn xa của nước này.

Nếu như ba yếu tố đầu mang tính truyền thống và gần như đã đạt được trong thời các chính quyền tiền nhiệm thì yếu tố thứ tư đòi hỏi chính quyền Tập Cận Bình phải hành động nhiều hơn. Những bất ổn ở Trung Đông liên quan đến khủng bố và các phong trào cực đoan Hồi giáo đang là những mối đe dọa thường trực đến việc khai thác và vận chuyển dầu của Trung Quốc tại Trung Đông cả trên đất liền và đường biển. Thậm chí nghiêm trọng hơn, sự lan rộng của chủ nghĩa khủng bố và cực đoan từ Trung

Đông đến các quốc gia lân cận và khu vực phía Tây Trung Quốc, nơi tập trung những người dân tộc thiểu số Hồi giáo sinh sống, đang là thách thức lớn cho an ninh và sự ổn định của Trung Quốc. Những vụ khủng bố mới gần đây ở Thiên An Môn, Bắc Kinh (28/10/2013), ở Côn Minh (1/3/2014) và ở Tân Cương (30/4/2014 và 22/5/2014) tiếp tục gióng lên hồi chuông cảnh báo dành cho chính quyền Trung Quốc đối với an ninh nội địa. Cuộc chiến chống khủng bố ở Trung Đông không còn là cuộc chiến riêng của Mỹ. Trung Quốc cũng cần tích cực hợp tác hơn với Mỹ và với các nước khu vực có ảnh hưởng trong thế giới Hồi giáo nhằm đẩy lùi những các nguy cơ khủng bố, ổn định khu vực và hạn chế các tư tưởng Hồi giáo cực đoan thâm nhập và tác động xấu đến khu vực biên giới cũng như toàn bộ Trung Quốc.

Đạt được sự hỗ trợ của các nước khu vực cho chiến lược ngoại giao là điều Trung Quốc rất cần vào thời điểm hiện nay. Trung Quốc bắt đầu chuyển đổi chính sách đối ngoại của mình. Trong một thời gian dài, Trung Quốc luôn nhấn mạnh mình như một quốc gia đang phát triển và hạn chế tiếng nói của mình trong các vấn đề quốc tế, trọng tâm đối ngoại của nước này bị bó hẹp với các nước lớn và khu vực châu Á. Nhưng những năm gần đây, nước này dường như chấp nhận vứt đi vỏ bọc "phát triển hòa bình" khi có những động thái cứng rắn và quả quyết hơn trong các tranh chấp lãnh thổ và thúc đẩy mạnh mẽ việc hiện đại hóa quốc phòng. Trung Quốc bắt đầu áp dụng chính sách ngoại giao "nước lớn" trong quan hệ quốc tế. Sự thay đổi này gây ra sự lo ngại của không ít quốc gia trên thế giới. Tâm lý cảnh giác và chống Trung Quốc bắt đầu gia tăng ở một số quốc gia châu Á. Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến vị thế của Trung Quốc. Nước này cũng khó nhận được sự ủng hộ hơn trong các vấn đề liên quan đến lợi ích cốt lõi của mình tại các thể chế quốc tế. Do vậy, Trung Quốc cần đến sự ủng hộ mang tính chắc chắn hơn trong các vấn đề ngoại giao từ các nước Trung Đông, nơi mà không xem sự gia tăng quyền lực của Trung Quốc là một mối đe dọa.

Trung Quốc cũng cần đảm bảo rằng Israel sau khi cắt giảm việc xuất khẩu vũ khí sang Trung Quốc dưới áp lực của Mỹ sẽ cân nhắc sự lo ngại của nước này khi chuyển hướng xuất khẩu sang các nước khác ở khu vực Đông Nam Á và Đông Á.[110] Để đạt được điều này, Trung Quốc phải tăng cường các quan hệ chính trị song phương với các quốc gia Trung Đông. Hơn thế, nước này còn phải thỏa mãn những đòi hỏi của cộng động quốc tế trong đó có các nước Trung Đông về một Trung Quốc có trách nhiệm. Một quốc gia có sự phát triển kinh tế xã hội vượt bậc nằm trong số những nền kinh tế hàng đầu thế giới, một trong năm thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hợp Quốc, không thể mãi phớt lờ trách nhiệm quốc tế của mình. Các vấn đề của khu vực Trung Đông là đòi hỏi trách nhiệm lớn hơn của Trung Quốc phải quan tâm và tham gia giải quyết.

Về phần các nước Trung Đông, những quan hệ về mặt chính trị và an ninh của họ với Trung Quốc phức tạp hơn các mối quan hệ kinh tế rất nhiều. Điều này xuất phát từ mối quan hệ bạn – thù quá chằng chéo tại khu vực. Những lợi ích, mức độ gắn kết mà các bên ở khu vực này mong muốn đạt được trong các quan hệ với Trung Quốc cũng rất khác nhau. Nhưng chắc chắn, không một nước Trung Đông nào trong khu vực lại muốn bỏ lỡ cơ hội thắt chặt hơn quan hệ với Trung Quốc bên ngoài phạm vi của năng lượng và kinh tế.

[110] Với Israel, liệu Việt Nam có thay Trung Quốc?
<http://vietnamese.ruvr.ru/2014_02_03/128222204>

3.2 Thuận lợi và thách thức cho mối quan hệ Trung Quốc-Trung Đông trong tương lai

3.2.1 Thuận lợi

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông hiện nay đang ở trong thời kỳ tốt đẹp và phát triển chưa từng có trong lịch sử trước đây. Trung Quốc có mối quan hệ chính trị hữu nghị với tất cả các nước Trung Đông, kể cả những nước đối đầu nhau. Quan hệ kinh tế vốn chỉ thực sự bắt đầu cách đây ba thập kỷ nhưng đã đạt được những bước tiến vượt bậc. Quan hệ về văn hóa, giáo dục và trong các lĩnh vực khác giữa hai bên cũng ngày càng được tăng cường thời gian qua. Đây là những tiền đề vững chắc để Trung Quốc và Trung Đông phát triển quan hệ song phương tốt hơn trong tương lai.

Trong khi đó, bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay có những đặc điểm thuận lợi cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. Đầu tiên là sự suy giảm quan hệ giữa Mỹ và các nước Trung Đông. Sự suy giảm này xuất phát từ chiến lược xoay trục chiến lược của Mỹ sang Thái Bình Dương; sự truyền bá và áp đặt các giá trị dân chủ của Mỹ vào Trung Đông; sự thiếu cương quyết của Mỹ trong các vấn đề Palestine-Israel, Syria; nỗi lo ngại về việc rút lui của Mỹ khi có thể tự chủ nhiều hơn về dầu khí và cả tâm lý thất vọng của các đồng minh khi Mỹ đã không bảo vệ chế độ Mubarak thân Mỹ ở Ai Cập năm 2011. Sự suy giảm ấy không có nghĩa là trong tương lai gần, Mỹ sẽ chấp nhận một vai trò thứ yếu hay các đồng minh của nó ở Trung Đông chấp nhận đánh đổi Mỹ để thiết lập quan hệ gần gũi với Trung Quốc. Tuy nhiên, đã có nhiều con mắt từ phía các nhà lãnh đạo Trung Đông hướng về Trung Quốc như là một định hướng cân bằng các mối quan hệ với Mỹ. Họ tìm thấy ở chính sách đối ngoại của Trung Quốc sự an toàn đối với chế độ khi không bị chi phối bởi các vấn đề như dân chủ, nhân quyền trong quan

hệ. Họ hứng thú với mô hình kinh tế và tìm kiếm những kinh nghiệm quản lý sự chuyển đổi kinh tế-xã hội của Trung Quốc, điều mà Mỹ, một quốc gia phát triển không thể có. Điều này cùng với sự tăng lên của hợp tác năng lượng, kinh tế và thương mại sẽ là điều kiện tốt cho sự gia tăng quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông. Trong khi đó tại các nước xảy ra sự thay đổi chế độ, các chính quyền mới được lập nên sẽ ít nhiều có sự dao động trong các cân nhắc lựa chọn đối tác đối ngoại. Trung Quốc hoàn toàn có thể tận dụng sự khéo léo ngoại giao và các lợi ích kinh tế, thương mại để lôi kéo họ về phía mình.

Một lịch sử khá dung hòa giữa Trung Quốc và Mỹ tại Trung Đông cũng thúc đẩy sự gia tăng hiện diện của Trung Quốc tại khu vực này. Gần như chưa có va chạm nào đáng kể giữa Trung Quốc với Mỹ liên quan đến quan hệ của nước này với Trung Đông. Ngoại trừ trường hợp Mỹ ngăn cản Israel bán vũ khí cho Trung Quốc trong những năm 2000, khi lo ngại Trung Quốc ăn cắp các công nghệ kỹ thuật quân sự tiên tiến thông qua các vũ khí do Israel cung cấp. Với các dẫn chứng: cuộc chiến vùng vịnh đã làm quan hệ Mỹ-Trung ấm lên sau cuộc thảm sát Thiên An Môn năm 1989, hay sau vụ va chạm máy bay giữa Mỹ và Trung Quốc gần đảo Hải Nam năm 2001, hai nước đã cải thiện quan hệ thông qua các nỗ lực chống khủng bố, học giả Wu Bingbing từ Đại học Bắc Kinh đã nhận định rằng Trung Quốc và Mỹ đã sử dụng chính sách Trung Đông để vượt qua những bất đồng và quan hệ giữa hai nước tại Trung Đông không phải là quan hệ cạnh tranh.[111] Nhận định này có thể được củng cố trong tương lai bởi cả Mỹ và Trung Quốc về cơ bản đều tìm kiếm một Trung Đông ổn định. Sự ổn định, ở các mức độ khác nhau sẽ giúp cả hai quốc gia đảm bảo nguồn cung và sự ổn định của giá dầu, giảm

[111] Is China Pivoting to the Middle East?

<www.theatlantic.com/china/archive/2013/03/is-china-pivoting-to-the-middle-east/274444>. Truy cập ngày: 25/4/2014

thiểu điều kiện cho chủ nghĩa khủng bố phát triển, giải trừ vũ khí hạt nhân và có thể tập trung hơn vào ưu tiên chính sách đối ngoại của họ là ở Châu Á –Thái Bình Dương. Nguy cơ đối đầu trực diện giữa Mỹ và Trung Quốc là khó xảy ra, tạo bối cảnh thuận lợi để quan hệ Trung Quốc-Trung Đông phát triển.

3.2.2 Thách thức

Bên cạnh những lợi ích thúc đẩy và các điều kiện thuận lợi thì quan hệ Trung Quốc với Trung Đông cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức trong tương lai.

Thứ nhất, Trung Đông có một lịch sử nhiều biến động, là khu vực chất chứa nhiều bất ổn và nguy cơ xung đột. Điều này kết hợp với sự liên hệ về mặt chính trị, an ninh hiện còn thiếu chặt chẽ của Trung Quốc với Trung Đông khiến nước này khó có thể đưa ra được các dự báo, dễ rơi vào thế bị động đối phó và ảnh hưởng tới kế hoạch dài hạn của nước này. Đây là điều mà Trung Quốc có thể rút ra từ quá khứ. Phản ứng của Trung Quốc khi xảy ra các biến cố thay đổi chế độ ở Trung Đông trong Mùa Xuân Arab giai đoạn đầu là một ví dụ cho sự ngăn chặn rủi ro một cách thụ động và kết quả của nó là sự thất bại. Sau đó, Trung Quốc đã có một chính sách linh hoạt hơn bằng cách tiếp cận song song với tất cả các lực lượng chính trị tại các nước xảy ra biến động chính trị nhưng lại vẫn thiên về các lực lượng cầm quyền. Tuy nhiên, sự thiếu ổn định chính trị tại các quốc gia này đã không ít lần khiến Trung Quốc phải thất vọng, nhất là việc tổng thống Ai Cập Morsi bị lật đổ vào tháng 7/2013. Trong tương lai, việc lựa chọn đối tác tiềm năng ở Ai Cập, Tunisia và Libya sẽ tiếp tục là khó khăn cho Trung Quốc.

Thứ hai, các chính sách đối ngoại theo nguyên tắc không can thiệp, toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ truyền thống, nhu cầu bảo vệ các lợi ích ngày

càng mở rộng và trách nhiệm quốc tế đang đặt Trung Quốc vào tình thế lưỡng nan trong cách hành xử với các vấn đề ở Trung Đông. Nguyên tắc không can thiệp đã ngăn cản Trung Quốc tìm kiếm đồng minh thông qua việc tham gia vào lật đổ hay dựng lên, duy trì một chính quyền thân Trung Quốc như điều Mỹ từng làm trong khu vực. Điều này, đồng nghĩa với việc Trung Quốc phải chấp nhận nhiều rủi ro hơn cho các lợi ích của mình khi đánh cược với sự vận động tự có và cả tác động từ các thế lực bên ngoài vào chính trị các nước khu vực. Trong vấn đề Syria, Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực tích cực nhằm thể hiện trách nhiệm quốc tế của mình. Tuy nhiên, một lần nữa trong cố gắng bảo vệ nguyên tắc không can thiệp truyền thống, nước này cùng với Nga chống lại sự trừng phạt hay chỉ trích của quốc tế nhằm vào chính quyền hiện tại của Syria. Hệ quả là Trung Quốc chịu sức ép chỉ trích ngày càng lớn từ các nước phương Tây và cả những nước Arab Vùng Vịnh vốn ủng dành nhiều tiền của hỗ trợ phe đối lập những năm gần đây. Trong các vấn đề khác như chương trình hạt nhân Iran, xung đột Israel-Palestine, hoặc là do sự giằng kéo giữa lợi ích và trách nhiệm hoặc là do thiếu sức ảnh hưởng tới các bên mà các hành động của Trung Quốc vẫn chưa thu được kết quả và tiếp tục tiềm ẩn các nguy cơ đe dọa đến các lợi ích của nước này.

Thứ ba, Trung Quốc không có nhiều khoảng trống quyền lực và thiếu khả năng cho sự tham gia của Trung Quốc tại Trung Đông. Hiện nay, các chủ thể chính trên sân khấu địa chính trị ở Trung Đông vẫn là Mỹ và Nga trong đó vai trò của Mỹ là đặc biệt quan trọng. Mỹ trong nhiều thập kỷ duy trì các cam kết an ninh với các đồng minh khu vực là Israel, Saudi Arabia, Kuwait, Ai Cập và Jordan và hiện cũng là nước duy nhất có thể đảm bảo an ninh cho toàn bộ khu vực. Những năm gần đây, nhằm tập trung vào Châu Á-Thái Bình Dương, nơi chứa những lợi ích chiến lược ngày càng tăng của Mỹ, những dấu hiệu cho sự giảm dần sự hiện diện của Mỹ tại Trung Đông đã xuất hiện. Tuy nhiên, Mỹ chắc chắn không có ý định để mất quyền kiểm

soát Trung Đông vào tay một quốc gia khác nhất lại là một quốc gia đang cạnh tranh vị trí siêu cường với nước này. Mỹ hoan nghênh sự xuất hiện của Trung Quốc nhưng với tư cách là một đối tác chia sẻ trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề, cùng tạo lập và gìn giữ sự ổn định khu vực, chứ không phải một kẻ thách thức.

Nếu chỉ xét riêng trong khu vực Trung Đông thì một nguy cơ đối đầu trực diện giữa Trung Quốc và Mỹ là khó xảy ra nhưng trong bối cảnh sự va chạm lợi ích, sự cạnh tranh giữa hai nước ngày càng gay gắt ở Thái Bình Dương và đang mở rộng trên cấp độ toàn cầu thì rất có thể Trung Đông sẽ được sử dụng làm đòn bẩy nhằm tạo lợi thế trước đối phương. Đó có thể là việc Trung Quốc sử dụng các vấn đề như Iran, Syria nhằm kìm chân Mỹ tại khu vực. Nhưng cũng có thể, chính Mỹ sẽ sử dụng ảnh hưởng của mình với các đồng minh và lợi thế về sức mạnh hải quân ở khu vực để gây sức ép lên nguồn cung năng lượng của Trung Quốc, buộc nước này phải nhượng bộ Mỹ.

Với khả năng hiện có của mình, mục tiêu thiết thực nhất cho Trung Quốc tại Trung Đông là ngăn chặn các hành động đơn phương của Mỹ. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này cũng không hề dễ dàng bởi Trung Quốc không chỉ lệ thuộc vào nguồn dầu mỏ của các nước Trung Đông mà lệ thuộc vào cả chiếc ô an ninh và chính sách của Mỹ trong khu vực. Các hoạt động liên quan đến lĩnh vực năng lượng từ khai thác đến vận chuyển hiện nay của Trung Quốc tại và từ Trung Đông đang được hưởng sự bảo trợ an ninh miễn phí của Mỹ. Trong khi đó, mối liên hệ an ninh chặt chẽ giữa Mỹ và các đồng minh của họ ở Trung Đông đã hạn chế quan hệ an ninh của Trung Quốc với các nước khu vực. Trung Quốc không có bất kỳ căn cứ quân sự tại khu vực và hải quân của họ thì chưa thể ngay lập tức có khả năng hoạt động ngoài khu vực Tây Thái Bình Dương. Có thể các nước Arab tìm đến Trung Quốc

vì nước này sẽ là đối tác kinh tế chính của họ, sự an toàn chính trị. Nhưng Trung Quốc cũng khó mà có thể thuyết phục được các nước này tin rằng Trung Quốc có khả năng tương tự Mỹ trong việc triển khai sức mạnh khắp toàn cầu để giúp họ ngăn chặn những mối đe dọa mà họ đang phải đối mặt như đe dọa hạt nhân Iran, chống khủng bố hay có sức ảnh hưởng đủ lớn để ngăn cản các hành động của leo thang Israel. Một sự hiện diện của lực lượng quân sự đủ mạnh của Trung Quốc tại khu vực Trung Đông có thể là một cách thức để Trung Quốc tự chủ trong vấn đề an ninh năng lượng, giảm thiểu rủi ro vì sự phụ thuộc sự bảo trợ hiện nay vào Mỹ nhưng nó rất có thể sẽ kích động một cuộc đối đầu liều lĩnh giữa hai nước và chưa chắc đã được chào đón bởi nhiều nước khu vực. Ngoài ra, những đòi hỏi về chi phí, công nghệ, căn cứ cũng là yếu tố mà Trung Quốc cần cân nhắc khi chấp nhận cạnh tranh để tự chủ hay lựa chọn sự lệ thuộc và cộng tác với Mỹ, hưởng lợi cũng như chấp nhận rủi ro từ đó.

Thứ tư, sức ép từ chính sách xoay trục của Mỹ và các tranh chấp lãnh thổ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương khiến Trung Quốc không có nhiều lựa chọn đối ngoại. Hiện nay, mọi người có quyền nghi ngờ về khẩu hiệu "phát triển hòa bình" của Trung Quốc hay những lời phát biểu nhấn mạnh đến yếu tố kinh tế của những quan chức Mỹ khi nói về chiến lược "xoay trục" của nước này. Những quan điểm về hợp tác giữa hai cường quốc có lẽ cũng chỉ còn nằm trong các phát biểu xã giao và cũng không còn thuyết phục mà thay vào đó là bầu không khí đầy nghi ngờ đang bao phủ quan hệ Mỹ-Trung. Một cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Mỹ làm nóng lên khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Trung Quốc trở nên cương quyết hơn và dính líu sâu vào nhiều tranh chấp lãnh hải với các nước khu vực, đồng thời có những nỗ lực mạnh mẽ nhằm thúc đẩy lực lượng hải quân và phát triển hệ thống tên lửa đạn đạo. Trong khi Mỹ cũng dần siết chặt vòng vây Trung Quốc bằng việc điều chuyển lực lượng hải quân, tăng cường

quan hệ đồng minh, lôi kéo đối tác truyền thống của Trung Quốc (Myanmar, Cambodia), tạo vành đai kinh tế phi Trung Quốc (Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương).

Trong tình huống này, câu cách ngôn về nghệ thuật chiến tranh của Mao Trạch Đông: "Nơi đâu kẻ thù mạnh thì ta rút lui, nơi đâu kẻ thù rút đi thì ta tiến tới", không còn đúng nữa. Mỹ đang giảm dần sự quan tâm đối với Trung Đông và Trung Quốc có thể tăng cường sự hiện diện như là lấp khoảng trống quyền lực. Thực tế Trung Quốc cũng đã làm như vậy nhưng Trung Đông không phải là sự thay thế cho Châu Á-Thái Bình Dương. Mỹ đang tăng cường sự hiện diện ở Châu Á nhưng Trung Quốc không thể rút. Lý do bởi đây là mặt trận quyết định cho vị thế toàn cầu của cả hai quốc gia chứ không còn là nơi dành cho những trận đánh du kích. Châu Á-Thái Bình Dương và Trung Đông là hai khu vực quan trọng hàng đầu của Trung Quốc, nhưng Châu Á-Thái Bình Dương là quan trọng hơn, nơi mang ý nghĩa sinh tồn của Trung Quốc. Hơn nữa, những rắc rối liên quan đến tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc với các nước khu vực, vấn đề thống nhất Đài Loan, chương trình hạt nhân Triều Tiên đòi hỏi Trung Quốc phải tập trung ưu tiên các nguồn lực tại Châu Á-Thái Bình Dương. Do đó, các chính sách của Trung Đông của Trung Quốc sẽ chịu sự chi phối không nhỏ của tình hình Châu Á-Thái Bình Dương. Một cuộc đua tranh quyền lực, lợi ích ở Trung Đông có thể khiến Trung Quốc phân tán sức mạnh và rơi vào tình trạng khó khăn ngay tại sân nhà của mình. Cân bằng được quan hệ để có thể tối đa hóa lợi ích với cả hai khu vực này sẽ là một thử thách khó khăn cho chính quyền Trung Quốc.

Cuối cùng, tuy hiện nay có khá nhiều khuôn khổ hợp tác giữa Trung Quốc và Trung Đông nhưng tồn tại một rào cản mà Trung Quốc và các nước Arab chưa thể vượt qua là hai bên vẫn chưa thể thành lập được một khu vực

thương mại tự do bởi những bất đồng trong quá trình đàm phán. Đề xuất về một khu vực thương mại tự do đã được nêu ra từ năm 2004 nhưng sau nhiều lần đàm phán và các tuyên bố về sự cần thiết của nó thì hai bên vẫn không thể đi đến được một thỏa thuận chung. Các vòng đàm phán đã bị ngưng lại từ năm 2009. Sự ngưng trệ trong việc thiết lập một khu vực tự do với các nước Arab là điều Trung Quốc không hề mong muốn. Bởi các hàng rào thuế quan và phi thuế quan hiện được áp dụng đang hạn chế sự lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, khả năng tiếp cận thị trường mà chủ yếu là hàng hóa, dịch vụ từ Trung Quốc tới Arab, ngăn cản một quan hệ kinh tế thương mại chặt chẽ hơn giữa hai bên. Và do đó, nhiệm vụ phá bỏ rào cản trên chắc chắn sẽ là ưu tiên của cả Trung Quốc và các nước Trung Đông trong thời gian tới.

3.3 **Một số dự báo về tương lai quan hệ Trung Quốc–Trung Đông**

Qua những phân tích ở trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng, những lợi ích thúc đẩy quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông là rất lớn. Đồng thời, các quan hệ ấy hiện cũng có rất nhiều điều kiện thuận lợi để tiến về phía trước nhưng cũng tồn tại một số thách thức đáng kể. Đây sẽ là những đặc điểm quy định các xu hướng quan hệ giữa hai bên trong tương lai.

Quan hệ về năng lượng và kinh tế sẽ tiếp tục phát triển và giữ vai trò là dòng chảy chủ đạo trong quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông. Điều này là dễ hiểu khi cả hai cùng chia sẻ các lợi ích rất lớn từ sự hợp tác năng lượng và kinh tế đem lại và cũng là những lĩnh vực không có quá nhiều trở ngại. Trung Quốc trong tương lai sẽ tiếp tục tìm kiếm sự đa dạng hóa nguồn cung năng lượng thông qua việc tăng cường với các đối tác năng lượng ngoài Trung Đông, thúc đẩy phát triển các năng lượng thay thế nhưng sự phụ thuộc vào năng lượng Trung Đông của nước này là điều không thể tránh khỏi. Trong tương lai gần, nếu không có gì đột biến, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ để trở thành đối tác năng lượng số một của các nước khu

vực. Nhằm giảm thiểu rủi ro về năng lượng, Trung Quốc có thể sẽ tiến hành các chính sách nhằm tăng tính ràng thuộc về kinh tế của Trung Đông với Trung Quốc, chẳng hạn như tích cực thu hút nguồn vốn đầu từ của các nước Trung Đông vào Trung Quốc trong khi đẩy mạnh việc tham gia của các công ty Trung Quốc vào các dự án hợp tác về dầu khí. Các công ty dầu khí quốc doanh sẽ tiếp tục là cánh tay vươn dài của chính phủ Trung nhằm đảm bảo an ninh năng lượng hơn là những chủ thể kinh tế hoạt động vì lợi nhuận thực thụ. Còn về phía các nước Trung Đông, nhằm tiến tới việc phát triển một nền kinh tế đa dạng, các quốc gia này có thể sẽ thi hành những chính sách cởi mở hơn, hoan nghênh sự tham gia nhiều hơn của các nhà đầu tư Trung Quốc. Bên cạnh đó, các cuộc đàm cho một khu vực mậu dịch tự do giữa Trung Quốc và GCC đang được hai bên thúc đẩy và có thể được hoàn tất trong thời gian tới. Một khu vực như vậy nếu được hình thành sẽ là đòn bẩy đưa quan hệ về kinh tế thương mại giữa Trung Quốc lên một tầm cao mới.

Các hợp tác về chính trị, an ninh giữa hai bên cũng sẽ có những bước tiến nhưng khó có sự thay đổi đột biến. Đòi hỏi bảo vệ các lợi ích kinh tế cùng với nhu cầu mở rộng ảnh hưởng là động lực để Trung Quốc can dự nhiều hơn vào khu vực Trung Đông. Điều dễ hình dung nhất là một vai trò tích cực hơn của Trung Quốc trong việc giải quyết các tranh chấp và tham gia kiến tạo hòa bình khu vực trong tương lai. Mục tiêu chung nhằm giảm vai trò bá quyền của Mỹ tại Trung Đông, hướng tới các cân bằng hơn trong khu vực cũng có thể thúc đẩy các quan hệ chính trị, an ninh giữa các nước khu vực và Trung Quốc trở nên gần gũi hơn. Tuy nhiên, sự sẵn sàng của các bên cho một sự thay đổi trật tự chính trị an ninh khu vực toàn diện vẫn chưa xuất hiện. Các quan hệ với Mỹ tiếp tục sẽ là yếu tố chi phối chính mối quan hệ giữa Trung Quốc và Trung Đông. Trung Quốc đang phải tập trung đối phó với chính sách xoay trục của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương. Còn tại Trung Đông, sự chi phối của Mỹ về mặt chính trị và an ninh hiên vẫn rất

mạnh mẽ trong khi Trung Quốc thiếu nguồn lực để có thể đảm bảo sự hiện diện và kiểm soát hiệu quả những diễn biến bất ổn tại khu vực. Bởi vậy, Trung Đông có thể sẽ tiếp tục chứng kiến sự thỏa hiệp của Trung Quốc với vị thế của Mỹ trong thời gian tới nhằm tận dụng chiếc ô an ninh của Mỹ tại khu vực trong khi tránh nguy cơ đối đầu mà có thể làm gián đoạn về nguồn cung dầu mỏ. Ngược lại, đa phần các nước Trung Đông cũng sẽ chỉ mong muốn tận dụng vai trò của Trung Quốc nhằm cân bằng trong quan hệ với Mỹ mà không hẳn là tìm kiếm sự thay thế vai trò của Mỹ ở khu vực.

Bên cạnh các xu hướng về kinh tế, chính trị, thì nhu cầu về sự hiểu biết văn hóa nhằm tránh nguy cơ "đụng độ giữa các nền văn minh" và sự tương đồng trong mối quan ngại về ảnh hưởng quá mức của văn hóa Phương Tây có thể thúc đẩy các tương tác văn hóa-xã hội mạnh mẽ hơn giữa Trung Quốc và khu vực trong tương lai.

KẾT LUẬN

Quan hệ Trung Quốc – Trung Đông từ năm 1949 đến nay là sự tiếp nối nhưng đồng thời cũng là sự nâng tầm của quá trình lịch sử hàng ngăn trước đó. Trải qua sáu thập kỷ, dưới tác động của tình hình quốc tế cũng như bối cảnh riêng của mỗi bên mà mối quan hệ này trải qua nhiều biến đổi đáng kể nhưng cơ bản là theo chiều hướng đi lên. Tình trạng đối đầu giữa Trung Quốc và một số quốc gia Trung Đông do sự khác biệt về nền tảng tư tưởng đã bắt đầu giảm đi từ đầu thập niên 1970. Đến đầu thập niên 1990, tiến trình thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và các nước Trung Đông hoàn tất đã tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hai bên nhanh chóng được mở rộng trong nhiều lĩnh vực. Sự bùng nổ trong quan hệ về năng lượng, kinh tế diễn ra hơn hai thập kỷ qua đã khiến cho mối quan hệ Trung Quốc với Trung Đông trở nên gần gũi hơn bao giờ hết.

Trung Quốc và Trung Đông giờ đây chia sẻ một quan hệ bổ trợ và phụ thuộc lẫn nhau. Hai bên cùng có lợi trong việc phát triển các quan hệ bền vững, chặt chẽ và toàn diện hơn ở mọi lĩnh vực. Đây là những động lực quan trọng thúc đẩy quan hệ Trung Quốc – Trung Đông tiến xa hơn trong tương lai. Hoàn cảnh hiện nay đang có nhiều điều kiện thuận lợi để quan hệ giữa hai bên phát triển. Tuy vậy, mức độ phát triển đến đâu, trước hết phụ thuộc vào mong muốn, chính sách và hành động của mỗi bên trong thời gian tới. Ngoài ra, khả năng ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài cũng là điều không thể bỏ qua đối với quan hệ Trung Quốc – Trung Đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Bernard Lewis (2008), *Lịch sử Trung Đông: 2000 năm trở lại đây,* NXB Tri Thức, Hà Nội

2. Đỗ Đức Định (2008), *Trung Đông: Những vấn đề và xu hướng kinh tế-chính trị trong bối cảnh quốc tế mới,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội

3. Đỗ Sơn Hải (2013), *Đi tìm một giải pháp cho vấn đề Syria,* Tạp chí nghiên cứu Trung Đông-Châu Phi

4. Nguyễn Thọ Nhân (2008), *Trung Đông trong thế kỷ XX*, NXB Tổng hợp TP.HCM

5. Đặng Tân Dụ (1998), *Con đường tơ lụa và tác dụng của nó trong giao lưu văn hoá Trung Quốc – phương Tây*; Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5/1998

6. Trần Viêm (2002), *Con đường tơ lụa trên biển và sự giao lưu văn hoá của Trung Quốc với bên ngoài*; Nxb Đại học Bắc Kinh

II. Tài liệu tiếng Anh

7. Yitzhak Shichor (1979), The Middle East in China's Foreign Policy, 1949-1977, Cambridge University Press

8. Russell, Richar L. (2005), China’s WMD Foot in the Greater Middle East’s Door, Middle East Review of International Affairs, Vol.9, No.3

9. Ikenberry, G.John (2008), *The rise of China and the Future of the West: Can the Liberal System Survive?* Foreign Affairs, Vol.87, No.1

10. Muhamad S. Olimat (2012), *CHINA AND THE MIDDLE EAST: from Silk Road to Arab Spring*, Routledge

11. Reichelt, Karl Ludvig (1951) *Religion in Chinese Garments*, James Clarke&Co.,Cambridge

12. Jon B. Alterman, *China in the Middle East*, Statement before the U.S.-China Economic and Security 2013,

<http://www.uscc.gov/sites/default/files/ALTERMAN_testimony.pdf>

13. Francis Fukuyama (1980), *The Soviet Union and Iraq since 1968, The RAND Corporation, Santa Monica, CA,*

<http://www.rand.org/pubs/notes/2007/N1524.pdf>

3. Wang Jisi (2012), *March West: China's Geopolitical Strategy of Rebalancing, Global Times,*

<http://opinion.huanqiu.com/opinion_world/2012-10/3193760.html>.

4. China's Growing Role In the Middle East: Implications for the Region and Beyond, *The Nixon Center,*

<*h*ttp://cftni.org/full-monograph-chinas-growing-role-in-me.pdf>

5. China and the Persian Gulf: Implications for the United States, *Woodrow Wilson Center,*

<http://www.wilsoncenter.org/sites/default/files/ASIA%20Program_China%20and%20the%20PG.pdf>

6. Beijing's Middle Eastern Dilemma: Beijing's Nonintervention Policy Isn't Paying Off in the Energy-rich Region, *The Wall Street Journal*

<http://online.wsj.com/news/articles/SB10001424127887324324045790508839459349 14>

7. YAO Kuangyi (2012), *The Upheaval in the Middle East and China's Middle East Policy*, Journal of Middle Eastern and Islamic Studies (in Asia)

<http://mideast.shisu.edu.cn/picture/article/33/5e/9c/9fc0f54c4453bbeca59f4f718aa2/3c548194-582d-4ce6-8b55-268a5eaebea8.pdf>

8. What Is China's Plan for The Middle East?

<http://www.theatlantic.com/china/archive/2013/05/what-is-chinas-plan-for-the-middle-east/275766/>

9. China to play more important role in Middle East, People's Daily Online

<http://english.people.com.cn/90883/8231426.html>

10. Bo Zhiyue (2012), *China's Middle East Policy: Strategic Concerns and Economic Interests*, Middle East Insights, No. 61.

<http://www.mei.nus.edu.sg/wp-content/uploads/2012/04/Download-Insight-61-Bo-HERE1.pdf>

11. Doing More in the Middle East: China becomes increasingly involved in Middle East issues, Bejing Review

<http://www.bjreview.com.cn/world/txt/2014-03/03/content_600490.html>

12. Andy Polk, *CHINA: A MAJOR POWER IN THE MIDDLE EAST?*

<http://warontherocks.com/2014/03/china-a-major-power-in-the-middle-eastchina/>

13. Is China Pivoting to the Middle East?

http://www.theatlantic.com/china/archive/2013/03/is-china-pivoting-to-the-middle-east/274444

14. The Iran Nuclear Issue: The View from Beijing

http://www.crisisgroup.org/~/media/Files/asia/north-east-asia/b100%20The%20Iran%20Nuclear%20Issue%20The%20View%20from%20Beijing.pdf

15. China in the Eyes of the Saudi Media, Gulf Research Center

http://ictsd.org/downloads/2013/04/china-in-the-eyes-of-the-saudi-media.pdf

16. The Chinese Initiative on Syria: Beyond the Immediate Crisis

http://mercury.ethz.ch/serviceengine/Files/ISN/155746/ipublicationdocument_singledocument/3fa63632-81ef-4549-bc30-072ca5c7de4d/en/InsightsNo383.pdf

17. China Analysis: THE END OF NON-INTERFERENCE?

http://ecfr.eu/page/-/China_Analysis_The_End_of_Non_interference_October2013.pdf

18. David Schenker, China-Middle East Relations: A Change in Policy?

<http://carnegieendowment.org/2013/03/18/china-middle-east-relations-change-in-policy/g0uq>

19. Trang web Bộ ngoại giao Trung Quốc, <http://www.fmprc.gov.cn>.